

NGHÊ - VĂN - LƯƠNG

CĀ MAU XƯA
VĀ
AN XUYÊN NAY



TRUNG-TÂM HỌC-LIỆU BỘ GIÁO-DỤC

CÀ - MAU XƯA
và
AN - XUYÊN NAY

NGHỀ - VĂN - LƯƠNG

CÀ - MAU XƯA
VÀ
AN-XUYỀN NAY

TRUNG-TÂM HỌC-LIỆU
BỘ GIÁO-DỤC

TRUNG - TÂM HỌC - LIỆU
BỘ GIÁO - DỤC

240, Trần-bình-Trọng, Sài-gòn

Đ.T. : 93.642 — 24.142

In lần thứ nhất, 1972 : 2.000 cuốn

HỘI - ĐỒNG DUYỆT

PHẠM-MINH-TẦY

Thuyết-trình-viên

TÔ-VĂN-TUẤN

Hội-viên

TRẦN-ĐÌNH-CHÂU

Hội-viên

Thành-kính dâng quyền sách này cho
xứ CÀ-MAU, quê-hương yêu dấu của tôi.

NGHÊ-VĂN-LƯƠNG

MỤC-LỤC

	<i>trang</i>
Lời giới-thiệu của Ông Giám-đốc Nha Tiểu-học và Giáo-Dục cộng- đồng.	11
Cảm nghĩ của ông bạn thân ở Bạc-liêu	13
Lời nói đầu	15
Ghi chú	17

CHƯƠNG I

1. Chút ít sử-liệu	19
2. Địa thế	27
3. Vị-tri — Ranh-giới — Chất đất	28
4. Diện tích	29
5. Bờ biển	29
6. Khí hậu	30
7. Sông, rạch, kinh	31
8. Cây cối	40
9. Gia súc	47
10. Thú vật rừng	48

Bài bỏ túc

—Sông Ông Đốc	55
—Sông Bảy-Háp	57
—Sông Cửa-Lớn	59
—Sông Đồng-cùng	61
—Sông Bò-đề	62
—Rạch Long-ân	65
—Rạch Cái-Tàu	66
—Rạch Tàu	68
—Rạch Bù-mắt	70
—Rạch Rau-dừa	71

CHƯƠNG II

1. Nông-sản	73
2. Lâm-sản	75
3. Thủy lợi và hải-sản	76
4. Công nghệ	79
5. Kỹ nghệ	80
6. Thổ sản đặc biệt	81

Bài bổ túc

—Lươn um sã	84
—Đặt ống trùn bắt lươn	84
—Ba-khía Rạch Gốc	86
—Cua gạch son muối	88
—Mật ong và sáp	89
—Đuôn chà là	91
—Khỉ và lợn nòi	93
—Rùa và cần đước	96
—Sấu và kỳ đà	98
—Đĩa mén, đĩa trâu, vãi	102
—Cọp Cà-mau	104

CHƯƠNG III

1. Nền thương mại	107
2. Đường giao-thông	111

Bài bổ túc

—Hòn Khoai	115
—Hòn Đá-bạc	119
—Năm-Căn	122
—Rẫy Chệt	125
—Mũi Cà-mau	128
—Lò than Năm-căn	131
—Xưởng nước mắm tại vàm sông Ông Đốc	137

CHƯƠNG IV

1. Chính-trị	141
2. Dân số	143
3. Tôn giáo	149
4. Sinh hoạt	150

Bài bổ túc

—Đình Tân xuyên	151
—Chùa Đức Phật Tồ	154
—Chùa Bà Mã-châu	158
—Chùa Ông Bồn	162
—Miếu ông Thần-Minh	164
—Chùa Cô Hồn	170
—Miếu Gia-long	175
—Miếu Cá Ông	177

CHƯƠNG V

1. Phong tục tập quán	181
2. Tục lệ cô truyền	181
3. Mê tín dị đoan	193
4. Truyền khẩu	197
5. Thờ ngữ	198
6. Tiếng ngoại lai	201

Bài bổ túc

—Học mướn	203
—Đảo võ	204
—Dân liễn	205
—Ngày Tết ở nông thôn. Đi cung hỷ	206
—Văn công	207
—Thầy pháp chữa bệnh	208
—Đoán con nước	209

KẾT LUẬN

GIỚI-THIỆU

Mỗi khi muốn gáy trong tâm hồn trẻ con Việt-nam lòng yêu mến quê hương trọn vẹn, chúng ta thường nhắc đi nhắc lại câu :

... « Từ ải Nam-quan đến mũi Cà-mau » ...

Và khi hỏi đến Cà-mau (hay An-xuyên hiện nay) có người chỉ cần điềm vào phần cuối của một bản đồ hình dài và cong như chữ S...

Theo thiển ý, làm như vậy chưa đủ.

Phải biết rõ từng mảnh đất thân yêu đã kết thành dãy giang sơn gấm vóc có hình thề độc đáo, một vị trí « tiền đồn », một tài nguyên vô cùng phong phú và một dân tộc thông minh bất khuất này, chúng ta mới thấy rộng lớn và hãnh diện là con Hồng cháu Lạc.

Ta cũng cần biết thêm Cà-mau là đầu mũi tên Nam-tiến của dân Việt, là chồi non của một cội thọ vĩ đại đang vươn ra bề cả, là nơi có động một sức mạnh tiềm-láng của bao thế hệ từng lướt khỏi dãy núi Trường Sơn.

Nhưng muốn biết Cà-mau (An-xuyên) một cách tường tận hơn, phải là người sinh trưởng tại đó, phải là người có

một thời gian dài gắn liền đời sống của mình với mảnh đất phì nhiêu này, lại phải có cơ hội lặn lội khắp vùng, phải biết thấy, biết nghe, biết nhận xét để ghi lại.

May thay cho hậu thế và cũng may thay cho những người có sứ mạng dìu-dắt trẻ con Việt - nam trong công việc tìm học địa lý tỉnh nhà và đồng thời mở mang nền văn-hóa, người có đủ tư cách vừa nêu trên, chính là tác giả quyển « Cà-mau xưa và An-xuyên nay » mà bạn đang cầm trên tay: Ông NGHÊ-VĂN-LƯƠNG, nguyên Thanh-tra Tiểu-học các tỉnh Bến-tre, Bạc-liêu, Cà-mau và Sóc-trăng.

Trong khi chờ đợi một quyển địa phương chí soạn thảo đúng phương pháp và đầy đủ, tôi xin nồng nhiệt giới thiệu bậc mố phạm lão-thành rất đáng kính trọng của giáo giới cùng quyển sách quý giá của ông với tất cả các bạn đồng-nghiep.

Sàigòn, ngày 29 tháng 9 năm 1968

TRƯƠNG-VĂN-ĐỨC

Giám-đốc Nha Tiểu-học và Giáo-dục Cộng-đồng

Cảm nghĩ

CỦA MỘT ÔNG BẠN THÂN Ở BẠC-LIÊU

*Dưới đây là một bài thi của ông PHAN-ĐÌNH-LUÂN tự Tú
Phiên gửi tặng sau khi đã được xem bản thảo 2 quyển sách :
«Cà-mau xưa và An-xuyên nay» (sưu khảo) và «Càmau quê tôi»
(hồi ký và phóng sự) viết xong tại Phú Nhuận (Saigon) vào cuối
năm 1969 và 1970.*

Mô-phạm một nhà, tiếng nổi lâu,
Về hưu, quê cũ nhớ Cà mau,
Địa-dur, lịch-sử, biên thành tập,
Thắng-cảnh, danh-lam, tả đủ màu.
Băm mấy năm trời theo chuyển bở,
Tám mươi mốt chuyện kể xưa sau.
Nghê-văn, Tử-mỹ (1) đời tuy cách,
Cổ-quốc bình-cư (2) vẫn giống nhau.

(1) Tử-mỹ là danh hiệu của Đỗ Phủ.

(2) Trong tám bài thi «THU-HƯNG» của Đỗ Phủ đời Đường, có câu :
«Cổ-quốc bình-cư hữu sở tư» là nói; Lúc ở bình-thường (rảnh việc
quan) hay nhớ đến nước cũ (quê cũ).

Lời nói đầu

Quyển sách này gồm cả thảy 5 chương và mỗi chương gồm 2 phần :

1. Phần thứ nhất trình bày những khái niệm cơ bản thông thường về địa lý, đề giúp đồng bào địa phương tìm sự ích lợi thực dụng, biết rành rẽ xứ sở của mình, về các phương diện ; người khác tỉnh thì có cơ hội hiểu chút ít lịch sử tỉnh An-xuyên (Cà-mau cũ). Tuy là tỉnh cuối cùng của miền Nam nước Việt, nhưng rẫy đầy rừng cấm, lâm sản, thổ sản và hải sản quý báu. Lại còn nhiều phong tục tập quán, tục lệ cổ truyền, thờ ngữ, ca dao, từ tỉnh lỵ đến đồng quê hẻo lánh, từ-mũi Cà-mau đến Hòn Khoai và Hòn Đá Bạc...

2. Trong phần nhì, chúng tôi thêm «bài bỏ túi» đề ghi lại vài gốc tích các sông rạch, chùa miếu, phong cảnh đẹp cùng nhiều mẫu chuyện vui và lạ như : cách hầm than, đặt ống trộm bắt lươn, chụp ba khía, muối cua gạch son, ăn ong mật, đốn đuôn chà là, săn khỉ và lợn nòi, trục sấu mắc cầu, săn kỳ đà, đốt đồng bắt rùa, cạp Cà-mau, địa, vớt, muối và bù mắm v.v...

— Chúng tôi rất tiếc là nhiều hình ảnh sưu tập từ nhiều năm đề viết quyển sách này lại bị thất lạc trong lúc tản cư năm 1946 và không thể tìm lại được, đề làm «sống» thêm những mẫu chuyện vừa kể trên. Đó

là lý do chánh khiến quyển sách này xuất bản rất trễ. Còn những tài liệu thiếu thập tại chỗ do mấy bậc lão thành mọt mực kè lại có thể sai lạc chút ít, nhưng chúng tôi cũng ghi ra đây, mong quý bạn đọc vui lòng cải chánh và bỏ tấc, chúng tôi rất tri ân và vui lòng lãnh hội.

Nếu quyển sách nhỏ này giúp ích phần nào cho học sinh trong tỉnh An-xuyên và người đồng hương cũng như đồng-bào ở mấy tỉnh khác ít có dịp lặn lội đến vùng quê xa xôi Cà mau, đừng biết một cách tận tường :

*Cà-mau là xứ quê mùa,
Muối bằng gà mái, cộp tù (1) bằng trâu.*

và

*Cà-mau khi khọt trên bưng,
Dưới sông sáu lội, trong rừng cộp um (2).*

thì đó là phần tương lệ lớn lao cho tác giả :

NGHÈ-VĂN-LƯƠNG

(1) **Tù** (tiếng Triều-châu) : lớn.

(2) hai câu ca dao thường nghe người Bạc-Liêu hát để chế diễu dân Cà-mau.

Ghi chú

Những tài liệu về địa dư và lịch sử mà chúng tôi tham-khảo và gộp nhất đều dựa theo sách, báo chữ Pháp và Việt, do những cơ-quan chánh-phủ và những bậc lão thành, kể còn người mất, cùng nhiều bạn thân ở rải rác trong tỉnh An-Xuyên, vẫn còn nhiều con cháu hiện nay đang sống tại vùng Cà mau.

Sách Pháp : — Monographie de la Province de Bac-lieu của Louis Girerd, in năm 1929 tại nhà in An-Hà Cần-Thơ.
— Bulletin administratif de la Cochinchine.

Sách Việt : — Việt-Nam sử lược (Trần-trọng-Kim).
— Việt-Nam văn học sử yếu (Dương-quảng-Hàm).
— Tạp chí Tri-Tân.

Các cơ-quan : — Nha Địa-dư quốc gia Đalat.
— Nha Lâm-vụ Saigon.
— Nha Điền địa Saigon.
— Ty Thông tin An-Xuyên.
— Phòng Kinh-tế An-Xuyên.
— Ty Tiểu Học An-Xuyên.

QUÍ ÔNG GIÚP TÀI-LIỆU

Trần-văn-Từ, Tri-Phủ tại Cà mau.

Lâm-kim-Huyền, Cựu Hội Đồng địa hạt tổng Quản-Long.

Trần-hữu-Tự, Nghiệp chủ Cà mau.

Lâm-tự-Khương, cựu Hương-Quản Cà mau.

Vạn-đức-Xương, cựu Bang-Trưởng Triều-Châu Cà mau.

Phó tổng Lôi, Cái rần (xã Tân-Hưng).

Nguyễn-văn-Thôn, nguyên Trưởng-Ty Thủy-Lâm Tân-An, Cà mau.

Tiêu-văn-Phấn ; cựu Hương cả Năm-Căn.

Ong Quản Sáng, chủ vườn dừa và dưa hấu tại Rẫy Chệt.

Hương hào Mù, chủ ghe lưới tại Rạch-Gốc (xã Tân-An).

Tào Cúi, chủ ghe lưới tại Vàm sông ông Đốc.

Nguyễn-quang-Trình, cựu Hội đồng Địa hạt tại Ông Trang (xã Viễn-An).

Hương thân Khỏ, Nghiệp chủ tại Rạch Tàu (xã Viễn-An).

CHÚT ÍT SỬ-LIỆU

CÀ-MAU do tiếng Miên «Tuk-Khmâu» nghĩa là : nước đen, gọi trại «Khmau» thành ra Cà-mau.

Thật vậy, trong rừng U-Minh, gồm Cán-gáo, Tàn-bằng, Trèm-trèm, Cái-tàu và phía bên hữu ngạn sông Ông Đốc, có nhiều dớn (1), nước ngập quanh năm, chảy ngang qua rừng cấm đầy lá mục như : dừa nước, tràm, gừa, ráng, lát, sậy, năn, cỏ nước mặn v.v... nên nước màu vàng như nước trà đậm, nhiều khi đen, hôi và chua, vì có phèn.

Vùng đất Cà-Mau ngày nay nguyên là lãnh thổ của nước Phù Nam, rồi sau đó của Thủy Chân Lạp, của Vương quốc Cao Miên. Mãi đến nay, chưa ai tìm thấy di tích nào đáng kể về đền đài, pho tượng của người xưa để lại.

Cuối thế kỷ thứ 17, Mạc Cửu dẫn một số người Trung Hoa

(1) Dớn : là loại ráng thấp, chiếm khu vực rộng, trong đó có xen mây vốc và dây choại, loại sau này dài cả chục thước. Người ta tìm gốc mà chặt, rồi ntu dây rút, đem về phơi khô, nhúng nước cho mềm, dùng bện đăng bắt cá hay cột đôn tay nhà, chắc chắn và bền bỉ.

bài Mãn phục Minh đến Hà Tiên, chiêu tập đám lưu dân, lập nên 7 xã dọc theo bờ biển, hai xã ở phía Cực Nam là Rạch Giá và Cà Mau.

Năm 1714, Mạc Cửu dâng phần đất này cho Chúa Nguyễn. Mạc Thiên Tứ, con Mạc Cửu, chỉnh đốn cơ nghiệp của cha và vâng lệnh triều đình lập ra đèo Long Xuyên (ở vùng Cà Mau ngày nay), có tánh chất tổ chức quân sự. Năm Gia Long thứ 7 (1808) đổi ra huyện Long Xuyên, năm Minh Mạng thứ 6 (1825) đặt một tri huyện để cai trị.

Vùng Cà Mau có địa thế tốt, giúp vua Gia Long ăn náu và làm bàn đạp để qua Xiêm cầu viện. Vài nhân vật sinh trưởng ở Cà Mau (huyện Long Xuyên ngày xưa) đã lập công giúp vua phục quốc : Ngô văn Lự, Trần phước Chất, Ngô công Qui và một nhân vật lỗi lạc khác là Dương công Trừng.

Đến khi Nguyễn-Ánh bị Tây-Son đánh đuổi chạy đến vùng Cà-Mau thì Ngài đã ẩn trú tại :

1.— **CÁI-TÀU** : (xã Khánh-An) Còn một nền mộ ở gần đầu xóm mà đồng bào gọi là « Nền Công Chúa » nơi chôn cất một nàng Công- chúa chạy theo Nguyễn Ánh. Nền này cao ráo, trong khi chung quanh thì ngập nước mênh-mông trong mùa mưa. Nền bỏ hoang đầy dây nhần lông, gai óc ó. Hai cốt đã di táng trước khi Ngài rời khỏi nơi đây.

2.— **CÁI-RĂN** : (xã Tân-Hung). Nơi đây còn một cái nền đất cao hơn các vùng chung quanh. Đây là chỗ trước kia, có cất cái đồn lớn dựng dững binh.

Cách nền trại lính lối 80 th. và cách mé rạch Cái-Răn chừng 30 th còn một cái ao lịch-sử hình tròn, chừng 10 th.

đường kính mà mấy ông kỳ-lão gọi là « Ao-ngự », nước ngọt quanh năm, trong khi toàn quận Cà-Mau, qua mùa hạn, không có cái ao nào được nước ngọt như nước mưa, mặc dầu đào xa sông hay rạch. Khi quan sát kỹ-lưỡng, ta biết ao này (có lẽ nhờ thầy địa lý chọn cho đào) nằm nhăm chỗ toàn là đất sét, nên nước mặn không thể thấm vào được. Chính ao này đã cung cấp nước uống trong mấy tháng hạn cho xóm Cái-Rắn, Rạch Muối và Ông Tự.

Tên rạch và tên xóm Cái-Rắn theo mấy ông kỳ-cựu còn gọi là rạch « Long-Ẩn » và xóm « Long-Ẩn » đặng nhắc tích xưa.

3.— **SÔNG ÔNG-ĐỐC** : trước kia gọi là Khoa-giang, chạy dài theo xã Khánh-An và Khánh-Bình bên hữu-ngạn, xã Tân-Lợi và Phong-Lạc bên tả ngạn, là con sông Ngải dùng để chạy từ vịnh Xiêm-La đến hòn Thồ-Châu (Poulo Panjang).

Thuở xưa, dân Cao-Miên lần lượt đến ở miệt Cà-Mau khá đông đảo. Hiện giờ tại nhiều nơi, họ còn ở từ « sốc » (1) như sốc Ông Muộn (xã Phong-Lạc), Rạch-Giồng (xã Tân-Lợi), Đầu-Nai (xã Tân-Phú), Rạch-Cui (xã Khánh-Bình) và Giồng-Nổi (xã Tân-Thuận).

Việc cai trị vào thời ấy giao cho một quan Miên, đến sau hời cuộc thay-đổi, khi vị Tổng-Đốc Cao-Miên bị bại binh thì quyền hạn-giao lại cho người Việt-Nam. Thường thường, cai-trị quận là một ông Huyện, như ông huyện Nguyễn-hiền-Năng.

(1) **Sốc** : do tiếng Miên (Srôk) có nghĩa là xóm hay làng, như : **Sốc Trảng** (Srôk-Treâng), **Sốc-Đồn** (Bạc-Liêu), Sốc-Sải (BếnTre) Sốc-Sơn (Trà-Vinh).

Dưới triều vua Tự Đức, vào khoảng năm 1868-1869, ông huyện Năng đang trấn nhậm tại Cà-Mau. Ông bị người Tàu họ Quách do bọn phủ Liễm cầm đầu (chức phủ lúc ấy cũng như bang-trưởng bây giờ), nổi lên giết ông và vợ con ông.

Qua thời Pháp-thuộc, từ khi Cà-Mau thuộc về tỉnh Bạc-Liêu, thì chánh phủ thường bổ nhiệm đến một ông phủ, hoặc một ông đốc-phủ sứ làm chủ quận. Ông quận đầu tiên là ông Phủ-Y, kế tiếp là ông phủ Trương-ngọc-Báu, ông đốc-phủ Trứ, sau rốt là ông đốc phủ sứ Trần-quang-Phước, chết tại nha quận năm 1909.

Lần lần, Cà-Mau trở nên thị-tứ, có viên quan người Pháp đến giúp việc như : tào-cáo (1) sở thương-chánh, hạt Thủy-Lâm, sở Cảnh-sát, Hải-dăng tại Hòn-Khoai, và còn nhiều người Pháp khác đến khẩn đất cho đồng bào địa phương canh-tác, nên quận-trưởng luôn-luôn phải là người Pháp, hoặc là Pháp-tịch.

Viên chủ-quận đầu tiên là ông Mélaye đã bắt dân «cồng sừ rừng» (2), đào một con kinh bề ngang 16 th, trước kia trong bản đồ châu thành ghi là kinh Mélaye, đến sau gọi thành tục là «kinh 16» tới bây giờ.

Tiếp theo, nhiều vị phó tham biện được luân phiên bổ nhậm

(1) **Tào-cáo** : do tiếng Triều-châu «Tua-Cảo» có nghĩa là chó lớn, đây ám chỉ loại chó «bẹt-rê» của nhân viên sở Thương chánh dùng để đi bắt rượu lậu, vì mấy người đặt rượu lậu thường đập dụng cụ nấu rượu, trước khi chạy trốn đáng phi tang, cần chó rượt theo bắt họ.

(2) **Cồng sừ rừng** : (prestation) Trước kia, dưới trào Pháp thuộc, chẳng những người dân phải đóng thuế thân, mà còn phải đi làm xâu mỗi năm 5, 3 ngày tùy nhu cầu địa phương. Ai có tiền đóng đặng mướn người làm xâu thế cho mình thì được miễn. Số tiền đóng này có ghi trong giấy thuế thân (gọi là miễn phụ : rachat des prestations).

đến Cà-Mau : Plantié, Oscar, Campana, Delcambre, Boutonnet, Nguyễn - phú - Xuân, Viala, Denys, Sylvestre, Monlaü, De Montaigut, De Beauregard, Bailly, Fressenge, De Chaume Melin. Ông quận chót hết là Wagnon,

Ngày 09-03-1945, Nhật đảo chánh Pháp, quân-đội Nhật dưới quyền điều khiển của đại-úy Satoh thành lập một ủy-ban hành-chánh tạm thời do ông đốc phủ Kế và ông huyện Trang cầm đầu. Kế đó Nhật đầu hàng, giao chánh quyền cho Việt-Minh với ông tú tài Năm làm chủ tịch quận bộ.

Trong thời gian trên 3 tháng Ô.Đ.K.T.lên kế vị cũng trong vài tháng cho đến ngày có lệnh Trung ương bảo tổ chức lại guồng máy cai trị quận bộ cho hoàn mỹ hơn.

Kỳ này, nhiều nhà tai mắt được mời đến đăng tham khảo ý kiến về việc cải tổ này, và kết quả cuộc bỏ thăm kín đưa Ô. Phú Đ.C.H. lên làm Chủ tịch ủy ban hành chánh. Nhờ ông là một công chức hoàn toàn, nên từ đây đến cuối năm, dân chúng tại quận-ly được sống trong một bầu không khí vui tươi hơn

Rồi qua đầu năm 1946, V.M. lại ra lệnh tản cư triệt-đề,

Hơn một tháng sau, quân đội Pháp chiếm cứ lại quận ly Cà-Mau (đúng mùng một Tết). Chúng không dám đi sâu vào ruộng đăng tảo thanh, cho rằng trong bộ đội kháng Pháp của khu trưởng là Vũ-Đức có nhiều binh-sĩ Nhật đầy đủ vũ khí sẵn sàng giao chiến. Vì vậy mãi đến 3 tháng sau, chúng mới dám kéo xuống Rau-Dừa mà đóng đồn và kêu gọi đồng bào hồi cư.

Đúng ngày 01-05-1946, công chức và thường dân bắt đầu trở về thành, nhưng phải đến xin giấy hồi cư tại đồn Pháp do Trung Ủy Masse chỉ huy, đóng tại dãy phố gần cầu sắt Rau-Dừa.



Cũng may là lúc ấy, lối 4.000 người Miên tản cư ra chợ hầu tránh VM, bị nhà binh Pháp đuổi về hậu-bối đành trả lại nhà cửa cho đồng bào hồi cư.

Châu thành lúc ấy dơ dáy và hôi tanh, nếp sống bừa bãi của dân Miên chen chít nhau đôi ba chục người trong một căn nhà chật hẹp, và cũng vì khí trời oi-bức, nên bệnh trái giống nổi lên hoành hành dữ-dội.

Trên đây là 1 dãy phố lâu hệ tông cốt sắt của Ô. Mã Ngân tự Bang Tắc cất trước năm 1922, phía trệt có nhà hàng « Á-ĐÔNG » bán cơm tây còn trên lầu có 10 phòng ngủ đầy đủ tiện nghi.

Năm 1934, vì kinh tế khủng hoảng nên nhà hàng ngưng hoạt động và đến năm 1945, thì nhà ngủ cũng đẹp nữa.

Hiện giờ, dãy phố này vẫn còn đứng sừng sững tại Công trường Bạch Đằng và chia ra từng căn phố buôn bán, bèn hông chợ.

Quang cảnh đau thương diễn ra trước mặt mọi người : nhiều nhà bị lính Pháp đốt cháy khói lên nghi-ngút, nhất là phía bên xóm Phước Kiến và dọc theo kinh 16. Nhà chức trách quân sự Pháp cho biết rằng bệnh thổ tả lại phát ra.

Lính Tây và Lê-dương da đen cứ đập phá nhà vách tường cột gạch đặng lấy vật liệu xây lò-cốt. Vì vậy một số đồng bào hồi cư về thành, thấy nhà cửa mình cháy hết, không nơi nương tựa, dăm ra uất-hận, quày lại bưng biền theo V.M.

Có điều tai hại nữa, là khi đi tảo thanh, bọn Pháp lại dắt theo một người thông ngôn Cao-Miên có quốc-tịch Pháp để chỉ đường dẫn lối : mấy chiếc tàu dòng theo một đoàn xuồng ba lá và ghe lương, chở đầy người Miên đi « hồi » của cải đồng bào trong ruộng. Tại chợ, phố xá nhà cửa của người Huế-Kiều không bị tàn phá.

Vật-thực khan hiếm, thuốc men thiếu thốn : ai nấy hồi cư về thành không còn một xu dính túi, phải kéo lê chuỗi ngày hồi hộp và sống chật-vật. Lúc ấy, cũng may là vị chủ-quận, ông Jean Marie, có vợ chánh thức người Việt, am hiểu tình cảnh khổ sở của dân chúng, nên thường điều đình với nhà binh Pháp đặng họ đừng bắn giết những người tình nghi theo VM : trong số này có 6 thầy giáo bị bắn. Vì thấy can thiệp vô hiệu quả, ông Jean Marie xin đổi về Saigon, đặng cho khỏi chứng kiến những cảnh trái tai gai mắt vẫn còn tiếp tục xảy ra hằng ngày.

Trong năm 1947, quân đội Pháp nhận thấy Bộ đội Cao Đài có nhiều uy-tín với quần chúng, nên giao quyền hành-chánh lẫn quân-sự lại cho Đại úy Xương, có Thiếu-uy Hồng sơn Đông phụ tá lập văn phòng tạm, trước trên nhà ngủ Á-Đông, sau dời về dinh quận là Tòa-án bây giờ.

Nhờ sự sáng suốt và khoan hồng của 2 vị sĩ quan này, một số công chức và thường dân bị Pháp tinh nghi theo V.M. và giam cầm trong kho dầu của hãng Socony đều được trả tự do lần lần và khỏi bị bắn như lúc trước.

Kế đến là Đại úy Chiêm làm quận trưởng, sau rồi là một vị sĩ-quan trong bộ đội « Vệ-binh đoàn tình nguyện giải phóng » Pháp gọi là G.V.L (Garde volontaire de la Libération). Ấy là ông Reichart.

Còn đến năm 1953, khi quân-đội viễn chinh Pháp rút dần, thì quận Cà-Mau mới bắt đầu kiến thiết lại. Nhưng dấu vết tàn phá vẫn còn là hình ảnh u-buồn và đau thương cho đồng bào ở quận-ly.

Qua đến 20-10-1954, hiệp-định Genève chia đôi đất nước, Cà-Mau được chỉ định là vùng « tập-kết ». Tại vàm sông Ông-Độc, tàu Nga đậu chực sẵn sàng để chở ra Bắc những người tình nguyện đi tập-kết.

Một lần nữa, quang cảnh Cà-Mau trở lại buồn tẻ : phần đông đồng bào sống trong những ngày hồi hộp : vật thực và thuốc men khan hiếm, không ai làm mướn cho ai, xe đồ bị hạn chế, bộ hành phải xin giấy lưu thông trình cho nhiều trạm kiểm soát từ Cà-Mau đến Bạc-Liêu.

Cách 2 năm sau, do sắc-lệnh số 32 NV ngày 09-03-1956, quận Cà-Mau chính thức trở thành tỉnh **An-Xuyên**.

An-Xuyên chính là tên của làng sở tại trước kia thuộc về tổng Quản-Long. Quận châu-thành hiện nay lại lấy tên là Quản-Long, đặt tại Tắc-Vân, cách tỉnh-ly 12 c.s 200 trên quốc-lộ Cà-Mau — Saigon.

Còn xã sở tại lấy lại tên cũ là Tân-Xuyên, như trước năm 1900.

ĐỊA THỂ

Bản đồ tỉnh An-Xuyên giống như cái bánh lái ghe, ở chót phía Tây, đất lồi ra thành mũi Cà-Mau, nhô ra ngoài vịnh Thái Lan, và phía Nam teo lên, dọc theo biển Nam-Hải : Mỗi bên đều có 3 chỗ hũng vô sâu : phía Tây : cửa sông ông Đốc, vàm sông Đồng-Cùng và vàm sông Bảy Háp, phía Đông-nam : vàm sông Gành Hào, cửa Bồ Đề và vàm rạch Đường-Kéo.

Phần chót bánh lái nói trên (mũi Cà-Mau) tuy nhô ra ngoài biển cả, nhưng không còn nhọn như chúng ta thường thấy trên bản-đồ nhiều sách địa-dư, vì đất phù-sa bồi lấp một ngày một ít. Thậm chí, bãi Cửa-Lớn hiện nay (xưa kia khỏi sự khỏi Năm Căn chừng 5 c.s đến xóm rạch Thùng bên sông Bảy-Háp) không còn tồn-tại trọn vẹn, chỉ còn lối 9 c.s bề ngang nữa là bị lấp hết bởi đất phù sa, từ mũi Ba-Quan qua mũi Ông Trang.

Kể từ ngày có vẽ kỹ lưỡng địa-đồ Nam Phần V.N đến nay, nghĩa là trên 80 năm, đất phù-sa đã bồi lấp bãi Cửa Lớn, trên một chiều dài lối 13 c.s. Vậy thì căn cứ theo đà này, người ta đoán rằng, trong thời gian ngắn hơn, chừng 65 năm nữa (?) 9 c.s bề ngang còn lại sẽ bị lấp trọn.

Từ mũi Ba-Quan chạy dọc theo vịnh Thái-Lan đến vàm rạch Tiều-dừa, nơi giáp ranh với tỉnh Kiên-Giang, thì đất cũng bồi chút ít, cũng như từ mũi Cà-Mau đến vàm rạch Đường-Kéo gần xóm Rạch-Gốc.

Trái lại, từ đây chạy ngược lên tới cửa Gành-Hào, nhứt là

đến cửa Bồ-Đề, thì bờ biển một ngày một lở thêm, và nhà chức trách rất ngại cho xóm Rạch Gốc, vì theo đà bực lở, trong thời gian cũng lối 65 năm nữa, xóm này hiện nay chỉ cách bờ biển vài cây số mà thôi sẽ bị lở hết, vậy đồng bào nơi đây cần chuẩn bị dời sàu nhà vào trong rạch thêm năm, ba cây số nữa

VỊ TRÍ — RANH GIỚI — CHẤT ĐẤT.

Tỉnh An-Xuyên nằm về phía cực-nam của nước V.N.C.H. Kể từ năm 1956, ranh giới của tỉnh là ranh giới cũ của quận Cà-Mau, nhưng về phía Đông-bắc, có gần 100 mẫu tràm của vùng U-Minh Hạ thuộc tỉnh Kiên-Giang (Rạch-Giá cũ) sáp nhập.

Trái lại, phía trên Tây bắc, diện tích Cà-Mau mất hết lối 600 mẫu thuộc về xã Thới-Bình và Khánh làm, nằm trong khoảng giữa sông Trèm-Trẹm và rạch Tiều-dừa.

Vậy thì, tỉnh An-Xuyên hiện nay :

Bắc : giáp tỉnh Kiên-Giang và Chương-Thiện.

Nam : giáp biển Nam-Hải.

Đông: giáp tỉnh Bạc-Lieu và biển Nam-Hải

Tây : giáp vịnh Thái-Lan

Đất ruộng thì ít phần, phần nhiều là đồng bằng bao la đầy sậy, cỏ, lạt năn, rặng v.v... có phen, làm ruộng ít trúng mùa, Muốn cải tiến, phải đào Kinh xở nước phen, hoặc đắp bờ bao ngăn chứa nước mưa và bón phân hóa-học.

Còn về miệt rừng cấm : tràm, gừa và cây tạp ở Trèm-Trẹm, Cái-Tàu và Khánh-Bình, một số nông dân tự tiện phá ven rừng, trước làm rẫy, vài năm sau mới cấy lúa.

Ở vùng rừng cấm : vẹt, đước, chà là, là nơi đất không có chân, nhiều người cũng choán đất một cách bất hợp pháp, dựng làm rẫy và cấy lúa sớm, mặc dầu nước mặn quanh năm, như ngọn rạch Cái Ngay và dọc theo sông Đầm Dơi, phía trong hậu bối.

DIỆN-TÍCH

Diện tích tỉnh An-Xuyên được 495.210 mẫu tây, nhưng rừng cấm choán hết 120.175 mẫu, nghĩa là gần 1/4 diện tích chung.

Như đã nói, nhiều đồng bào lên lút khai phá ven rừng cấm dựng chiếm công nghiệp, lần lần vô khối ranh rất nhiều, như là ở Cái-Bát, Trèm-Trèm, Cái Ngay và Tân Thuận. Nền ngày nay, nhiều miếng ruộng đã thành thuộc, cò bay thẳng cánh. Bởi lẽ ấy, diện tích rừng cấm giảm rất nhiều, còn lại lối 100.000 mẫu mà thôi.

BỜ BIỂN

Gành bãi tỉnh An-xuyên chạy dài trên 320 c.s, một phần tư là bùn lầy do đất phù sa bồi lên, như là từ vàm rạch Tiểu-Dừa giáp tỉnh Kiên-Giang đến mũi Cà-Mau, chạy luôn qua phía Nam đến xóm Rạch Gốc, gần vàm Rạch Đường-Kéo. Cần ghi nhớ là : cách mũi Cà-Mau lối 10 c.s. bờ biển có bãi cát, nơi đây là Rẫy-Chộc (xem bài hồ tức)

Từ vàm Rạch-Gốc đến vàm sông Gành-Hào, thì bực hằm như là từ cửa Bồ-Đề đến vàm rạch Đường-Kéo.

Trong vịnh Thái-Lan, từ ranh giới tỉnh đến vàm sông Đồng-Cùng, chừng 60 c.s dài theo mé biển là : tràm, cây tạp,

bần sễ, mắm và giá. Từ đó trở xuống mũi Cà Mau và tiếp luôn qua mé biển Nam-Hải, toàn là vẹt, được, chà là có lẫn lộn chút ít cây dừa nước.

Cho nên, căn cứ vào thực tế, người địa phương đoán rằng : theo luật bù trừ của tạo hóa, hay nói đúng hơn, là của hai giọt nước đối lập, một ở bên vịnh Thái-lan và một ở bên biển Nam-Hải, nếu bờ biển bồi thêm được 6 phần, thì lại mất đi hết 1 phần.

Đọc theo mé biển, có hai hòn : Hòn Đá-Bạc, nằm im-lìm trong vịnh Thái-Lan và Hòn Khoai, đứng chấp chờn ngoài biển Nam.Hải.

a) **Hòn Đá-Bạc**, cách xa đất liền 460 th, và vàm sông ông Đốc chừng 16 c.s, diện tích phẳng lối 67.500 th.v., mồm cao nhất chỉ có 24 th, thuộc xã Khánh-bình-Đông, quận sông Ông Đốc.

b) **Hòn Khoai**, cách bờ biển 12 c.s 250, diện tích chung kể luôn 3 hòn nhỏ ở phía Bắc và Đông-Nam, phẳng chừng 5 c.s vuông 600, mồm cao nhất đến 318 th, thuộc xã Viên-An, quận Năm-Căn. (xem bài bổ túc chương hai).

KHÍ HẬU

Trong 46 tỉnh hiện hữu của nước V.N.C.H., An-Xuyên là tỉnh gần đường xích đạo nhất, có khí hậu chung của Nam Phần V.N, nghĩa là ẩm-thấp, oi-bức và nê-địa.

Hàn nhiệt từ 18 đến 28, tương đối mát mẽ hơn nhiều tỉnh khác, vì ở gần biển gió thổi quanh năm : ấy là gió mùa, mỗi năm thổi 6 tháng một hướng.

Từ tháng 5 đến tháng 10 d.l. gió thổi từ Tây-nam qua Đông-bắc, trong 6 tháng còn lại, thì ngọn gió đổi từ Đông bắc qua Tây-nam.

Ngọn gió trước từ ngoài biển thổi vô đất liền và đem lại mùa mưa. Còn ngọn gió sau thì trong mùa hạn, từ đất liền ra biển.

Tại nhiều vùng Cà-Mau, vì cỏ cây rậm-rạp làm nơi ẩn trú của loài muỗi đen, muỗi cỏ và nhất là muỗi đùn-xóc (anophèle), nên đồng bào thường mang bệnh rét ngã nước (paludisme).

Nhưng trong vài chục năm sau này, nhờ đồng bào khai phá thêm đất hoang-vu dựng làm ruộng, nên muỗi có phần bớt nhiều.

Trái lại, ở miệt xa xuôi, như là Năm-Căn, Xóm Thủ, Ông Trang, Cái-Tàu, Trèm-Trèm, Cái-Bát, Đầm-Chim, v.v.. vì rừng cấm còn rậm-rạp nên bệnh rét vẫn tiếp tục hoành hành, mặc dầu Ty Y-Tế đã mở thêm nhiều trạm ở nông thôn cung cấp thuốc men cho đồng-bào.

oOo

SÔNG — RẠCH — KINH

Tất cả sông rạch trong tỉnh đều phát nguyên từ vùng đồng-lầy nước đọng, nên lá mục làm cho nước, dầu có ngọt, cũng không thể uống được.

Sông rạch tạm chia ra làm 2 hệ thống :

1). CHẢY RA VỊNH THÁI-LAN.

a) **Sông Trèm-Trẹm** : 30 c.s, thuộc xã Thới-Bình, chảy qua xóm Tân-Bằng và Cán-Gáo, ăn thông vào kinh xáng đi đến Xẻo-Rô, sông Cái-Lớn tỉnh Kiên-Giang,

b — **Rạch Cái Tàu** : 25 c.s chảy ngang qua xóm Cái-Tàu, Lâm-An và Biện Nhị. Còn chừng lối 15 c.s mới tới vịnh Thái-Lan, lại lấy tên mới là Rạch Tiều-Dừa.

c — **Sông Ông-Độc** : 58 c.s chảy ngang qua các xóm Rạch Giếng, Rạch-Cui, Rạch-Ráng bên hữu ngạn ; xóm Cán-Dù, Nồng-Kè, Tắc-Thủ, Ông-Tự, Rạch-Vọp và Bà-Kẹo bên tả ngạn.

d — **Sông Đồng-Cùng** : 22 c.s. thuộc xã Phú-Mỹ, bề ngang có chỗ rộng gần 1 c.s, nhưng rất cạn, vì đây là một cái đầm không thông-thương với sông rạch nào cả, chỉ nhờ nước rút chút đỉnh qua kinh xáng Bà-Kẹo, từ khi kinh này được đào (Đúng ra, phải gọi là **Đầm Cùng**).

e — **Sông Bảy-Háp** : 55 c.s, chảy xuyên qua các xã Tân-Hưng, Hưng-Mỹ, Tân-hưng-Đông, Tân-hưng-Tây và Năm-Căn, nước chảy lờ-ờ từ Rạch-Muối đến vàm kinh xáng Đới Cường, tại điền Huyện Kê, rồi từ đó bắt đầu chảy mạnh đến Cái-Keo. Từ đây ra tới mé biển, lại chảy lờ ờ. Vì vậy, tại cửa, gần xóm Rạch Thùng, bãi cạn, tàu bè vô ra không được và bị dất bồi một ngày một thêm.

f — **Sông Cửa-Lớn** : 48 c.s. bề ngang nhiều chỗ rộng đến 500 th, là con sông lớn nhất, sâu nhất và nước chảy mạnh nhất trong tỉnh, nguồn bắt đầu từ ngã ba Tam-Giang. Sông này xuyên qua các xóm Tam-Giang, Xóm Lớn, Hàng Vịnh và quận Năm-Căn bên hữu ngạn, các xóm : Ông Định, Ông Như,

Tất Biên, Biện Nhạn, Nhưng Miên, Cây Me và Ông Trang, bên tả ngạn.

Con sông này có đặc điểm là lúc nước lớn, tại vàm ở mũi Ông Trang, giọt nước không chảy từ ngoài biển vô, mà lại chảy ngược ra biển, vì giòng nước lớn của sông Bồ-Đề bên Nam Hải chảy qua mạnh, đẩy giọt nước ra biển. Cũng như đến con nước ròng, thì giòng nước từ ngoài biển Ông Trang chảy vô, đi ngang qua Năm-Căn đến ngã ba Tam-Giang, rút xuống sông Bồ-Đề, rồi chảy ra biển.

Sông này luôn luôn chảy mạnh, nhứt là lúc nước ròng mạnh cho đến đôi, khi tàu đồ gặp nước ngược, chỉ chạy được lối 7, 8 c.s. một giờ là tối đa.

Tại chợ Năm-Căn, bề ngang sông rộng gần 400 th và có nhiều giáp nước, nên nước xoáy nhiều chỗ, xoi bờ sông, làm cho đất sụp lở, đường xá phải sửa chữa lại nhiều lần. Chi nhánh của sông Cửa-Lớn, gần các sông rạch kể tên sau đây :

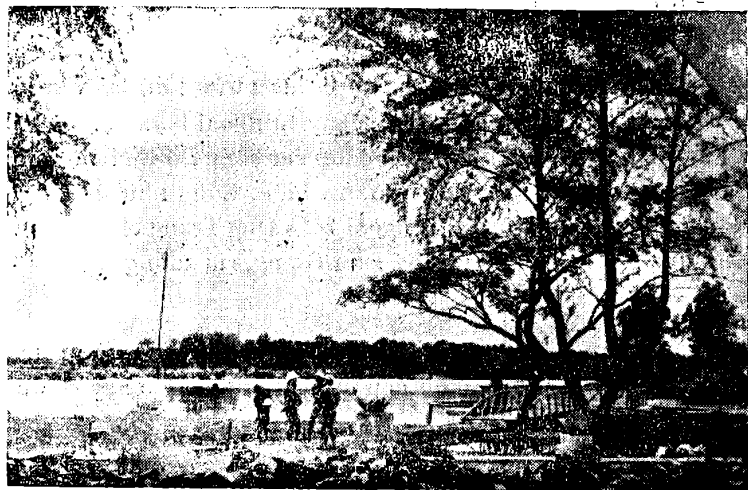
Sông Đầm-Dơi : 30 c.s. thuộc xã Tân-Duyệt, chảy ngang qua các xóm đông dân cư : Xóm Ruộng, Đầm dơi, Bàu-Sen, Nhà-Thờ và Vàm Đầm.

Sông Đầm-Chim : 25 c.s. thuộc xã Tân-Thuận, hai bên không có xóm ấp nào cả, chỉ thấy nhà cửa rải rác.

Vàm Đầm : Ngã ba hai con sông : Đầm Dơi và Đầm Chim.

Rạch Dày-Chảo : 10 c.s. chảy xuyên qua rừng cấm vẹt, được, dừa nước và chà là, nổi tiếng là nơi có sấu to và đườn ngon.

Rạch Cái-Ngay : 20 c.s. thuộc xã Thuận-Hòa, lòng rạch rất sâu, vì nước rút mạnh ra sông và xoáy tròn tại vàm, như tại ngã



Hạt Thủy Lâm Đàm Dơi

ba Tam-Giang, làm cho mé sông Cửa-Lớn lở nhiều chỗ. Trong ngọn rạch mặc dầu là rừng cấm, nhưng người ta có phá một mớ đất để trồng lúa và cấy lúa được trúng mùa, nhờ bờ bao ngăn và cây rặng và củ đốt cháy thành phân bón rất tốt.

Sau rớt, tại chót mũi Cà-Mau, còn một mạng nhện rạch nhỏ, nhưng rất sâu, vì nước ròng rút mạnh ra sông Cửa Lớn như các rạch : *Cái Chồn, Bà Thanh, Ông Quyền, Ông Định, Ông Như, Tắt Biền, Biện Nhạn, Nhưng Miên, Ông Thước, Cây Me, Ông Trọng và Cái Xếp.*

Gần mũi Cà-Mau, còn một con rạch rất sâu, nước chảy như cắt ấy là *Rạch Tàu* (xem bài bổ túc).

Trong mỗi rạch, đều có một vài trại đáy, cung cấp rất

nhieu tôm khô cho Năm-Căn, một nguồn lợi tức làm cho quận này giàu thêm, sau món than được.

2) CHẢY RA BIỂN NAM HẢI

a — **Rạch Đường Kéo** : 34 c.s, đi từ xóm Thủ đến xóm Rạch Gốc, xuyên qua rừng cấm dày đặc cây đước, vẹt, đà và mắm trắng.

Vì có rất nhiều giáp nước, nên lòng lạch cạn. Nhưng khi còn lối 7 c.s tới Rạch Gốc, lần lần rạch trở nên sâu và rộng lớn, và đến tại đầu xóm này, nước lại chảy mạnh như sông Cửa Lớn, mạnh đến nỗi bờ rạch bị nước xoi, làm nhiều cây cối thường tróc gốc lột nguyên cụm xuống nước chìm-lìm tới đáy, hoặc trôi lênh-bềnh. Vì vậy, xóm này gọi là xóm Rạch Gốc, cách bờ biển trên 3 c.s.



Hạt Thủy Lâm Tân Ân (Xóm Thủ)

b — **Sông Bồ-Đề** : 10 c.s bắt nguồn từ sông Cửa-Lớn tại ngã ba Tam Giang, chảy ra biển do một cửa khá rộng.

Tại cửa Bồ-Đề, trong vài địa-đồ, có vẽ một cái cù-lao nhỏ, nhưng sự thật là không còn. Theo ven biển, thường có sóng to gió lớn, khi thủy triều dâng lên, nước chảy mạnh vào, làm cho mé biển và hai bên bờ sông bị lở, vệt đước và cây dả mọc sát mé nước bị tróc gốc rơi nguyên cụm xuống sông, và đến con nước ròng, trôi dạt ra vàm và mắc kẹt tại đó, tạo thành một mạng cây khô, ở xa trông như một cái hàng rào, hoặc một cái rạo lớn mà người ta cắm dưới nước để bắt tôm cá. Loại cây tróc gốc này ở Xóm Thủ, gần cửa Bồ-Đề, đồng bào gọi là « củi rạo », nhiều cho đến đổi nhánh và rễ xỏ xâu dính cứng lại với nhau khó mà nhổ lên cho được.

Hạt Thủy-Lâm ở Tân - An miễn thuế cho dân địa-phương đến chặt đem về chụm lửa, vì sợ cửa Bồ-Đề bị bế-tắc hoặc hẹp lại, ghe lưới cá vô ra không được.

c — **Sông Gành-Hào** : 55 c.s. bắt nguồn từ vàm rạch Giồng-Kè, chảy ngang qua rạch Ông Muộn xóm Phước-Kiến và tỉnh lỵ An-Xuyên.

Bên hữu ngạn, sông chảy qua xóm Ao-Kho, Mương-Điều, Cái Keo (1) và ấp Giồng Nổi, nơi đây có « sốc » người Miên ở.

Bên tả ngạn, là xóm Rạch Nhà, Xẻo-Su và xã An-Trạch, là xã nổi tiếng ruộng phì-nhiều nhất trong tỉnh.

Đáng lẽ ra, phải viết là Gành-Hào mới phải, vì tại cửa sông này, có chút ít bãi cát đen và nhiều đồng vỏ con hào trắng

(1) Ở Cà-Mau, có hai xóm Cái Keo : Cái Keo Gành-Hào và Cái Keo Bẫy Háp.

phieu mà từ lâu rồi, ngư phủ chở con hàu từ Hòn Đá-Bạc về đây, cạy thịt đem bán rồi bỏ vỏ tại gành.

Cũng tại nơi cửa này, người ở Cà Mau thường đến xúc cát đen đem về long nền nhà, hoặc trộn hồ.

Lòng sông rộng từ chợ Cà-Mau đến mương Chệc Kịch bên hữu ngạn, là đường nước đi tắt qua Xóm Trại đến Bông Kéc, rồi luôn đường qua xóm Đầm-Chim.

Từ Giồng Nổi đến cửa, thì sông hẹp lại, nhưng nước chảy mạnh, bức sông hãm, hai bên không có một cái doi, hoặc bãi lầy nào cả.

KINH XÁNG

1) **Kinh Cà-Mau — Giá rai Bạc-Liêu** cũng còn gọi là Kinh Quan-lộ, dài 64 c.s. xưa năm 1914, vài tháng trước khi xảy ra trận giặc Âu-Châu 1914-1918, thầu ngắn đường thủy lối 10 c.s từ Lộ-Bể lên tới Sở Búp-Lê, nay gọi là Hòa-bình.

Năm sau, đất đổ lên bờ ven trở nên dễ, và ban ra hầu đồ đá xanh bỏ cho xe hơi chạy. Trong lúc chờ đợi, có tàu thủy đưa hành khách và chở hàng hóa.

Trước hết, hai chiếc « Tân Hải Lợi » và « Tân Hải-Hùng », kế đó là « Hồ-Nam » và « Hồ-Bắc » luân phiên chạy mỗi ngày mất từ 8 đến 9 giờ mới đến Bạc-Liêu, vì kinh còn nhiều khúc không được sâu, và tàu ghé liên-miên đặng rước hoặc đưa khách.

Một năm sau, đường lộ mới xong xuôi và xe hơi bắt đầu chạy. Từ đây về sau, các tàu đồ đều dẹp hết.

2) **Kinh Gành-Hào — Bảy-Háp** : 9 c.s nối liền hai con sông này, gọi thành danh là « Kinh xáng Đới Cường » vì đầu

kinh ở tại điền ông Đội Cường (Nguyễn-phù-Cường) trước kia giúp việc tại sở Thương-Chánh Cà-Mau.

Nước kinh này chảy qua sông Bảy-Háp lúc nước lớn và rút về sông Gành-Hào khi nước ròng. Giòng nước chảy mạnh, nên hai bờ kinh lở rất nhiều, lòng lạch sâu và ngày nay, bờ rộng bằng hai lúc trước, lối 30 th.

Kinh này rất thuận tiện cho ghe cà-vom chở lúa, ghe chài lớn (1) chở lá tàu, lá bó, lá chằm và cây củi, ghe rồi miệt trên xuống xóm Cái-rắn, Rau-Dừa, điền Bộ-Mão, Bà-Hình, Bờ-Đập và Cái-Keo chở mắm, lươn và cá tươi. Đã khỏi đi quanh co như trước kia, mà ghe chở khẳm lại khỏi mắc cạn.

3) **Kinh Gành-Hào — Hộ Phòng** : 18 c.s. đi từ sông Gành-Hào đến Hộ-Phòng (quận Giá-Rai, Bắc Liêu)

4) **Kinh Tắc-Vân — Gành Hào** : 10 c.s nối liền xóm Tắc-Vân với sông Gành-Hào.

Nhờ hai con kinh sau này mà đất ruộng xã An-Trạch được sắp vào bảng điền ngoại hạng trong tỉnh : lúa thường thường trúng mùa : gần 20 gạ một công ta.

5) **Kinh Sông Trẹm — Cái Lớn** : 24 c.s. kể đến ranh hạt, đi từ sông Trẹm qua sông Cái-Lớn tỉnh Kiên-Giang.

6) **Kinh Kiểm-Lâm** : 32 c.s đi từ rạch Cái-Tàu, xuyên qua rừng cấm tràm, đến vịnh Thái-Lan gần hòn Đá-Bạc.

7) **Kinh Kiểm-Lâm** : 10 c.s nối liền rạch Cái-Tàu với sông Ông Đốc, cũng băng ngang qua đôn và rừng cấm tràm.

9) **Kinh Biện-Nhị** : 17 c.s. nối liền rạch Tiều-Dừa với vịnh

(1) **Chài lớn** : Ghe chài nhỏ chỉ có 1 khúc mũi ở phía sau lái.

Thái-Lạn. Hai bên bờ kinh, rừng cấm nay đã thành điền, do người Pháp đến khai phá.

10) **Kinh xáng Bà-Kẹo** : 7 c.s. nối liền sông Ông Đốc với sông Đồng-Cùng.

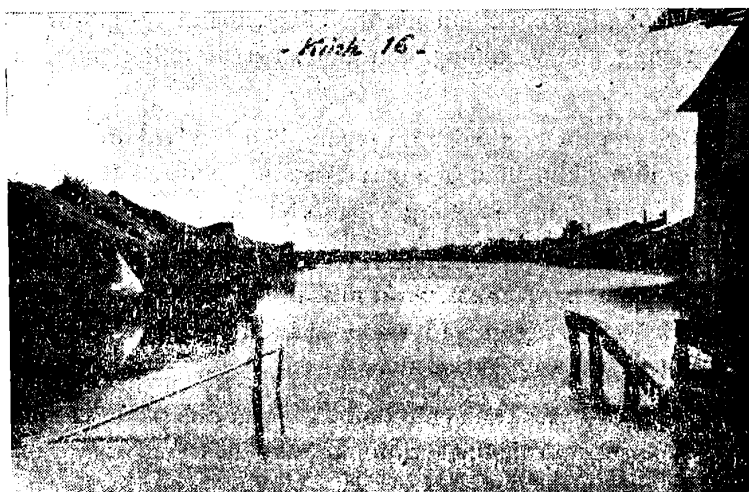
11) **Kinh Đồng Cùng** : 10 c.s. 500, nối liền sông Đồng-Cùng với Ngã ba Đình, gần xóm Quẩn-Phủ.

12) **Kinh Bà-Bèo** : 3 c.s thuộc xã Tân-Hưng, nối liền rạch Nàng Âm với ngọn sông Bãy-Háp.

13) **Kinh Cái-Rắn — Ông Tự** : 4 c.s. nối liền hai xóm Cái Rắn và Ông Tự :

(Hai kinh sau này đều đào tay).

14) **Kinh Mương-Điều** : 4 c.s, thuộc ấp Tân-Điền, xã Tân Duyệt, nối liền rạch Mương Điều với Xóm Ruộng, cùng một-xã, đã được xáng vét sâu và nới rộng thêm trong năm 1941.



Kinh 16 tại Tỉnh lỵ

15) Kinh 16 : tại Tỉnh-ly, trước kia gọi là Kinh Mêlaye, tên vị chủ quận.

Ngoài các con kinh kể trên, còn rất nhiều kinh của sở Thủy Lâm cho phép đào tay, xuyên qua rừng cấm, đặt cho ghe nhỏ của các chủ thầu lòi củi đồn trong rừng ra sông sâu nước chảy, hoặc đến lò than của chủ cúp. (1).

CÂY CỐI

Gừa : — Rừng Cà-Mau xưa kia có nhiều rừng gừa, mọc thành giàn cao vút trên 10 thước, nhất là ở rừng, dớn, như Trèm-Trèm, Cái-Tàu, Rạch Giếng, Giồng-Kè và Rạch-Giồng. Hồi năm 1928, tại Đường-Củi, cách châu-thành chỉ lối 800 thước, còn một rừng gừa rậm-rạp, là nơi ẩn-trú của lỵ-nội và cu-xanh.

Thịt cây gừa màu đỏ, có vân, sớ dai, vỏ cứng như vỏ cây dầu, chỉ dùng làm củi chụm mà thôi. Mấy nhánh cong thường để làm cong ghe và xuồng, bền chắc, xài được lâu năm, vì chịu nước.

Củi gừa tốt hơn củi trầm, ngang hàng với củi được vệt, lâu bền, nhưng khó bửa. Tro gừa dùng để gội đầu rất tốt, tro ngâm lấy nước lỏng trong để gói bánh tét và bánh ú.

Rừng gừa dễ phá : cây chặt rồi thì gốc không đâm chồi nữa. Qua mùa hạn, cứ chằm vài mũi lửa, vài năm sau là cây cầy được. Vì vậy, cây gừa rất hiếm, chỉ còn ở rừng Thới-Bình, Tân-Băng và rải rác vài nơi khác.

Trầm : — Cây trầm thịt xuôi và bở, lá nhỏ và dày, mọc suông đuột. Còn tươi, thịt hơi đỏ, khô thì thịt trắng. Trái trầm

(1) **Chủ cúp :** (coupe) Chủ đã đấu thầu được những « lò » rừng cấm đặt đồn cây được và vệt chở về hầm than.



Nhân viên hạt Thủy-Lâm.

(Đi tuần bằng xuồng trong rạch nhỏ ở rừng Cẩm Năm-Căn)

hình tròn, có chùm và nhỏ, giống trái tiêu, khi già rụng xuống thì mọc lên từng bụi rậm, chen chon không lọt.

Rừng tràm dày-đặc ở miệt U-Minh, vì hạp với nước dòn, Cây lớn và ngay thẳng dùng làm cột nhà. đòn tay và cừ, tràm còn dùng làm hàng rào rất tốt. Cây tràm thật to thì để làm xuồng. Hiện nay, tại xóm Cái-Rắn, còn thấy 5, 3 chiếc xuồng còn xài được và quý báu như là món đồ cổ vậy : họ đã dày công móc thân ra, hào cho láng trong và ngoài, rồi un lửa cho cây nóng dẻo mở rộng 2 he xuồng ra. Sau rồi, gắn 4, 5 cái cong, rồi lót vĩ ở trên mà ngồi dẻo bơi.

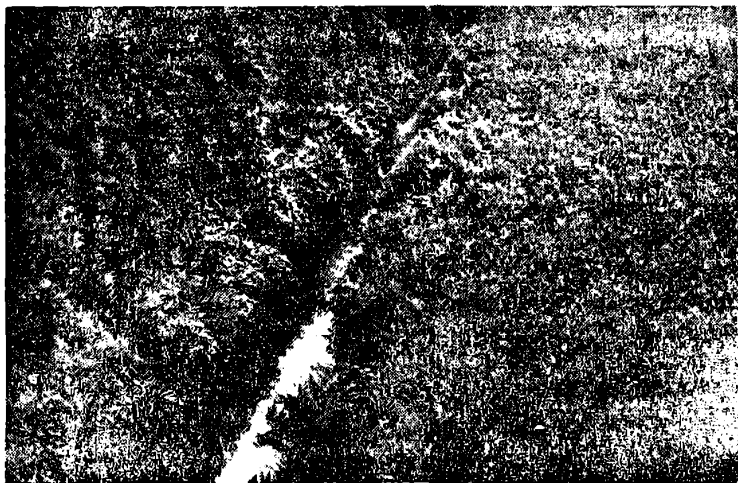
Thứ xuồng này rất tiện, vì khỏi trét chai vỏ như xuồng ba lá, không hề chảy nước.

Cây tràm to lớn mà cong queo thì đón về bữa củi hoặc cung cấp cho tàu lửa chụm nôi sốt-de.

Trước năm 1945, sở Kiểm-Lâm cho Hãng Mézin ở Cần thơ đầu thầu rừng tràm làng Thới-Bình, và mỗi tháng vài kỳ, tàu giồng đòi ba chục chiếc ghe chài lớn đầy khảm củi đôn (củ 1 thước, 5 tấc) về Cần-Thơ.

Vì vậy, trong các rừng tràm hiện nay, khó mà kiếm cho được 1 cây tràm to đặng làm cột nhà.

Được : — Chỉ có một loại : thân cây mọc ngay trên nền trời, có thể cao đến 20 thước, rễ cái thì cứng, rễ con (rễ bất định) tròn cỡ ngón tay cái, mọc từ gốc trở lên lối 1 thước, chia ngay ra hoặc theo hình vòng cung, hoặc theo hình cây nạng để



Rừng cấm Cai Ngay trên máy bay trực thăng chụp xuống.

đi (béquille). Dọc theo mé biển và sông rạch, rễ con nhô ra mé nước, thường có một loại hàu nhỏ con, cỡ đầu ngón tay út, đóng từ chùm, gọi là « Hàu chón ». Rừng cấm được chia ra từ « lò » lớn, nhất là ở Xóm-Thủ, Năm-Căn, Nhưng-Miền, và Ông-Trang : Mỗi năm, sở Thủy-Làm cho đấu từ « lò »ặng chủ lò khai thác, cưa ra thành củi đòn đem bán thứ xấu, còn thứ tốt thì hầm than.

Than được tốt nhất, vì sức nóng nhiều và không lên khói. Cây được còn dùng làm cột nhà, đóng bàn ghế, mấy gốc to cưa ra lõi 15 phần rồi chẻ mỏng để làm rặng cối xay lúa. Vỏ được lột ra phơi khô làm củi chum cũng tốt.

Trái được rụng xuống đất, mọc lên chừng 20 hay 25 năm sau thì đốn làm củi hầm than được.



Cây được và rễ bất định (mọc trên thân cây).

Vẹt : — Cây vẹt cũng mọc theo các rừng cấm vùng nước mặn và ngập quanh năm, Thịt cây bỏ màu vàng-vàng, rễ mọc trợn dưới đất, chớ không đưa ra trên mặt đất như cây đước. Có 2 loại : vẹt tách và vẹt dù.

Vẹt tách mọc thẳng, còn vẹt dù thì nhánh tỏa ra như cây dù giương lên. Trái vẹt rụng xuống cũng mọc lên từ đám rậm-rạp, nhiều khi chen chơn không lọt.

Cây vẹt ít khi dùng làm cột nhà, vì mau mục, chỉ để hầm than hoặc چرا thành củi đòn, dài 5 tấc và 1 thước, cung cấp cho các vựa, rồi bán lại cho tàu đồ chum lửa. Khi củi được hút, chủ lò đôi khi dùng vẹt hầm than, nhưng than vẹt không bằng than đước, vì sức nóng ít và xông nhiều khói.

Su : — Đây là một loại gỗ quý nhất trong rừng cấm tỉnh An-Xuyên. Có thể gọi là danh mộc : thịt chắc, có vân như cẩm-lai, màu đỏ như gỗ đỏ và cây bền, chỉ gặp trong rừng Xóm-Thủ và Năm-Căn, nhưng phải đi vô thật sâu.

Ở Xóm-Lớn, Hàng-Vịnh và Xóm-Thủ, có nhiều nhà cột bằng cây su lên nước lảng bóng, xài đến 4, 5 chục năm rồi mà vẫn còn tốt, không bị mọt và bò-xè ăn. Cây su cũng dùng để đóng nhiều bàn ghế đẹp mắt và đắt tiền.

Mắm — Loại cây tạp này thường mọc theo mé sông rạch Gốc và Rẫy-Chêc. Hệ ở đâu có rừng mắm là có ba-khia ngon và ốc len béo vì trái mắm chín rụng xuống là món ăn ngon của hai loại trên.

Có 2 loại mắm : mắm đen và mắm trắng.

Mắm đen cao, có khi trên 10th và tàn lớn. Còn mắm trắng thì thấp, 6, 7 thước là cùng. Hai loại mắm đều chỉ dùng làm củi

chùm, nhất là đốt lò than hầm được và vẹt. Đề ngoài trời, lối 6 tháng, gặp sương nắng, củ mắm đóng mốc meo, thúi vỏ và mau mục. Cây mắm rất hữu ích cho ven biển và bờ sông, vì rễ nhiều ăn sâu xuống hoặc nhô ra ngoài mé nước. Nhờ đó, đất bùn bám vào, làm mé biển được chắc thêm, và nếu có lở thì cũng chút ít.

Cây dà — Dà mọc từng đám dày đặc ở rừng cấm Xóm Thủ mà thôi. Cây suông-đuộc, lớn cỡ cườm tay, nhiều lắm là bằng bắp chân, cao lối 6, 7 th. Có hai loại : dà quánh và dà vôi, dà quánh chắc thịt, già vôi thì bở.

Vỏ dày và thịt cây dà màu đỏ đậm. Mỗi năm, đến mùa gió thuận, nhiều đoàn ghe bầu ở Trung-Phần và « ghe mũi nhọn » ở Trà-Vinh đến Xóm Thủ đốn cây dà, lột vỏ đem về nhuộm quần áo hoặc nhuộm bằng vải. Tại Chợ-Lớn, người ta thuộc da bò cũng bằng vỏ dà ngâm lâu ngày cho ra chất « tan-nanh » (tanin).

Cây dà lột vỏ rồi gọi là « dà xương », « (vì lột da hết còn lại thân cây) cưa ra làm củ. Chùm rất tốt, không thua củ được, giống như thứ củ màu đỏ mà mấy tiệm tạp-hóa tại Đô-thành bán từng bó nhỏ.

Cóc — Loại cây này rất hiếm, cũng mọc trong rừng sâu vỏ giống vỏ cây mắm. Thân cây thường bằng bắp tay mà thôi, bề cao lối 5, 6 th. và ít khi được ngay như dà và tràm.

Cây cóc bền bỉ nhất, dai-dẻo không hề gãy ; người ta tìm những cây có cháng ba phía trên ngọn đem về làm sào cắm ghe, không hề bị con hà ăn. Cây cóc cắm dưới bùn, hoặc ngâm

dưới nước lối 10 năm, không hề hấn gì : vì vậy, ở miệt Cà-Mau, khi cất nhà vách tường cột gạch, người ta thường đặt cho thợ rừng đốn cây cóc đặng làm cừ, bán đắt tiền.

Kè — Cây kè giống như cây dừa, hay nói đúng hơn là giống như cây thốt-lốt, mọc lẻ-loi trong rừng sâu, chỉ thấy ở miệt Tân-Bảng, Trèm-Trèm, Nồng Kè và Rạch Giếng. Thịt cây chắc, vỏ dày và cứng, bào lạng dùng làm cột nhà.

Lúc chữ nho còn thịnh hành, mấy nhà giàu ở Cà-Mau thường đặt cho thợ rừng lựa đốn những cây kè già tuổi, ngay thẳng cưa hai theo chiều dài, móc ruột ra, bầu bễ mặt cho lạng, rồi khắc vào hai câu liên chữ Nho, mỗi chữ bằng bàn tay sè, phết vàng nước lạng bóng, treo ộp vào cột tròn, gọi là liên kè.

Liên kè là một món quý-giá, nay đã trở thành đồ cổ. Trong nhiều nhà giàu ở Cái-Ngan, Cái-Nhút, Trèm-Trèm và Cái-Tàu, còn treo nhiều đôi liên kè lên nước, đã trên 6,7 chục năm rồi.

Nhum — Nếu cây kè giống như cây thốt-lốt, thì cây nhum hình dáng hệt cây cau, nhưng tương đối thấp hơn. Trái có quày như cau ớt (cau trái nhỏ) hoặc trái đủng đỉnh. Thợ rừng khi gặp cây nhum trong rừng sâu thì cắt cây xuống, chặt lấy đọt đem về nấu canh, hoặc xào với tôm thịt, ăn ngọt và ngon hơn đọt cau nhiều, không hề say.

Vông — Loại vòng rừng này không có bông đỏ như vòng nhà, mọc nhiều tại rừng Thới-Bình và Tân-Bảng. Vỏ có gai nhọn, thịt cây màu vàng và xốp. Người ta đốn và cưa ra từng khúc, trên hai tấc, đem về làm guốc gọi là « guốc vòng » nhẹ-nhàng và lâu mòn.

Mổp — Ở hai nơi nói trên (Thới - Bình, Tân Bằng) mới có cây mổp-thịt xộp và màu ngà-ngà, cưa ra thành miếng mỏng, phơi khô bán về Chợ-Lớn để làm nón « cát », còn cây vụn thì làm nút ve.

GIA-SÚC

Nhà nông tình An-Xuyên nuôi trâu để cày ruộng, và muốn có giống tốt, họ lên tận miệt Châu-Độc, Tịnh-Biên và nhứt là Tà-Keo mua và chở đem về.

Trâu dễ nuôi, cần rơm cỏ nhiều để ăn cho no đủ và nước ngọt uống phủ-phê. Muốn tránh muỗi và mòng cắn, ban ngày người ta thường cho vùi bùn gọi là « nằm hầm » và ban đêm cho ngủ trong chuồng chung quanh có bao mùng vải thưa, hoặc un lửa thật nhiều cho muỗi tản đi.

Khi mùa màng xong-xuôi, nếu trong vùng không đủ cỏ, người ta phải « đánh trâu đi cầm » nghĩa là đem đi đến chỗ đồng nào có cỏ nhiều, cầm tại đó vài tháng cho nó nghỉ ngơi và ăn cỏ tươi phục-sức lại, hầu khi mưa xuống, trở về lo việc cày cấy vào mùa tới.

Tại vài nơi ruộng gò, người nông phu nuôi bò để thay thế trâu, thứ bò làm ruộng lớn con gần bằng hai bò thịt, không hap đất sâu, ngập nước nhiều, nhưng cày đất gò lẹ hơn trâu, không nằm hầm, ít khi ngủ mùng và ít khi mắc bệnh dịch.

Còn heo thì trong thôn quê, nhà nào cũng nuôi ít con, để làm thịt bán trong xóm, hoặc cúng giỗ, hoặc bán cho hàng thịt.

Heo dễ nuôi, không cần làm chuồng nhốt, người ta cứ

thả lan ngày đêm ngoài sân hay ngoài vườn, hoặc cột vào gốc cây, cho nó ăn nước cơm thừa cá cặn, hèm, hoặc tắm cám trộn với chuối cây xắt mỏng bỏ vào cối mà quết nhỏ.

Trong tỉnh không có nuôi dê, thỏ, trư và ngựa, vì lễ phong thổ không hợp. Bởi vậy nếu có ghe chở một con trư hay một con ngựa đậu tại chợ Cà-Mau, đó là một chuyện lạ mắt, làm cho nhiều người hiếu-kỳ bu lại đen nghệt mà xem. Đâu đâu cũng có nuôi gà để ăn thịt và trứng, nhiều thì đem ra chợ bán.

Lúc trước tại vàm Kinh-xáng Đới-Cường, một người du học bên Pháp về, (ô. Tú-Tài Cho) nuôi vài thứ gà ngoại quốc như : Đờ-Gọt, Úc-Châu, Hòa-Lan, nhưng không kết quả tốt. Ông cũng làm lồng đặc-biệt cho gà đẻ và ấp trứng, cũng có đủ dụng cụ riêng đựng xay hột và nghiền xương ra nhỏ cho gà ăn. Nhưng có lẽ tại phong-thổ không hợp, thành thử, gà mái tuy lớn con hơn gà ta và gà Tàu, mà không đẻ sai theo sự mong ước, lại thường bị toi chết cả bầy, nhứt là lúc giao thời đầu mùa mưa.

Ngỗng và *bồ câu* thì có chút đỉnh, còn *vịt* thì rất nhiều : khắp nơi thường gặp bầy này đến bầy nọ : vịt rằn, vịt vá, vịt sen (trắng) vịt chàng-bè (vịt trống, lớn con đầu có mọc lông xanh mướt) tất cả đều là vịt ta, to con, dễ sai, dễ nuôi, khỏi cho ăn cũng được : vịt thường thả rêu theo mé sông rạch, đừng rút rĩa tôm cá, hoặc xuống trợn bầy dưới ao vũng ăn bèo, ăn rong và con ruốt. Sau này, nhiều người nuôi « vịt Huế » nhỏ con hơn vịt ta, cũng dễ nuôi và dễ sai, nhứt là khi cho nó ăn lúa kẹ (thường gọi là lúa lép) nhưng thịt dai và không thơm bằng vịt ta.

THÚ VẬT RỪNG

Cách đây lối 60 năm, Cà-Mau nổi tiếng là nhiều còp,

lo con và dữ lợn, vì lúc đó chung quanh toàn là rừng rậm, *heo rừng* cả bầy là mồi ngon của nó. Ban đêm, cọp « Cà-um » nghe vang rừng. Khi kiếm mồi không được, lại lên lút vào nhà bắt heo hoặc chụp người ta. Vì vậy, không ai dám kêu đích danh là cọp, mà là « Ông Thầy, ông Hồ » « hia Khai » hoặc « Hương quán ».

Hiện nay, gần Xóm Thủ, còn một nơi gọi là Rạch Ông Thầy, xưa kia có tiếng là cọp lành-khèn như chó.

Lúc sau này, cách tỉnh-lỵ chừng 40 c. s không còn cọp nữa, vì ruộng đất cò bay thẳng cánh đã thay thế rừng rậm hoang-vu.

Nhưng tại vài vùng xa-xuôi, như là ở rừng cấm Xóm-Thủ, Cái-Ngay, Cái-Bát và Thới-Bình, thỉnh thoảng còn gặp vài cặp, vì đói khát, thường ra mé sông để uống nước, móc hang cua và rung cây cho khỉ sợ té xuống đất, nhưng nghe thợ rừng nạt lớn lên vài tiếng là cong đuôi chạy mất.

Heo-rừng còn nhiều lắm, như là ở Xóm-Thủ, Cái-Ngay và Cái-Tàu. Thợ săn thường dùng chó đi săn ở hai nơi này. Riêng ở Cái-Tàu, người ta rập bẫy hoặc đào hầm sâu, trên có sắp sậy và cỏ khô, nhiều khi heo nai và heo con lọt trum xuống cả bẫy. Đôi khi còn đánh bẫy được heo rừng đực chiếc, nanh dài và nhọn, da dày gần một phân tây mình mẩy u-nần gọi là có « vú chì ». Thợ heo này dữ tợn lắm, vì nó cầm bẫy và dám cự với chúa sơn-lâm. Ban đêm, không thể đội đèn bắn nó, vì cặp mắt không phản chiếu màu xanh như nai.

Nai chỉ còn nhiều tại Cái-Tàu mà thôi và người ta cũng bắt nó như hai cách kể trên. Mỗi tuần lễ, đều có thị nai ở Cái Tàu đem ra bán tại chợ Cà-Mau.

Trong rừng chồi tỉnh An-Xuyên, có loại chồn lớn con, gọi là «*chồn cáo-cọc*» lớn cỡ chó «bệt-rê» và dữ tợn.

Tại rừng cấm Xóm - Thủ, và chỉ nơi đây mà thôi, còn loại *chồn mướp*, nhỏ con và giống hệt như mèo, thường ở trên cây, dưới nách có hạch chứa xạ-hương, xông ra mùi thơm như trái mướp, thịt ăn tuyệt vời và có thể nuôi dạn như khỉ.

Ở Xóm-Thủ và Đầm-Chim, còn một loài thú thịt ngon đặc biệt: ấy là *kỳ-đà*, giống như sấu con, tiếng pháp gọi là «iguané» da màu vàng, có đốm đen nhỏ, lớn lắm là ba «tay» (1) chân có móng dài và rất bén, lưỡi màu đen, le ra thụt vô liền liền. Nó không tấp như sấu mà hay quào và thường ở bọng cây.

Khi bị chó rượt nà, nhảy xuống nước trốn, hoặc leo lên cây, chun trong bọng.

Muốn ăn thịt kỳ-đà, phải «làm lông» nghĩa là cắt cổ đem trung nước sôi cạo cho tróc vẩy giả chứ không lột da. Thịt thì luộc xé phai trộn với củ hành và rau răm, đồ lồng thì xào. Người hay nhậu thì ưa thịt khìa, hoặc kẹp với lá chanh mà nướng và chấm nước thối. Còn trứng kỳ-đà nướng chín (chứ không luộc như các loại trứng khác) thật béo, thơm và ngon không trứng nào bì kịp.

Ở tại Xóm.Trại, trên đường thủy qua Bọng-Kéc còn nhiều bầy rái lặn hụp bắt cá. Thịt nó hơi tanh không ăn được. Nếu gài bẫy cò-ke hoặc dùng làm chài vãi ngay chỗ nó vừa lặn xuống nước mà bắt được, thì chỉ lột da đem bán.

(1) **một tay**: là hai gang nối liền lại đặt đo bề hoành lối (Oth 40)

Ở trong đôn Rạch Giếng và rừng xã Khánh-bình-Đông, có con **trúc** thịt đỏ, ăn ngon và bổ, da và vẩy **trúc** lột phơi khô bán cho mấy tiệm thuốc Bắc.

Cũng ở miệt này, thợ rừng đi bắt **trăn** đem về ăn thịt, lột da phơi khô bán cho mấy tiệm trứ da trăn tại Cà-Mau. Thịt ăn không được ngon, thường là-xáo với bạc hà. Nếu nấu lúc ban đêm, thịt nó tỏa ra ánh sáng xanh ngời dờm trong chảo như thấy con dơi bò lút-nhút vậy. Bao tử trăn chứa đựng không biết bao nhiêu con bạch thốn trùng (tiếng pháp gọi là ténia) vì nó nước ròng thịt sống.

Dưới sông rạch lớn và sâu, có loại **sấu**, nhiều khi lớn đến 5 tay, nhứt là tại sông Đầm-Dơi, Đầm-Chim và rạch Dày-Chảo. Tại vàm rạch này, trong năm 1940, có câu được con sấu khổng-lồ (đã nuốt trọng một chị đàn bà đang rửa chén tại mé rạch).

(Xin xem bài tường thuật trong một bài bỏ túc ở chương III).

Còn ở vùng rừng cấm thuộc các xã Tân-An, Năm-Căn Viên-An, nhứt là nơi mọc nhiều cây bần sế (I) có hai loại tứ-thủ (bốn tay) : ấy là **khỉ** và **lọ nôi**, đáng đề cập đến cũng như cộp, khi lập bảng kê khai thú vật rừng tỉnh An-Xuyên.

(sẽ nói đến ở phần sau)

Trong rừng rậm, còn nhiều thứ rắn độc như : **hồ-máy**, lớn con, đo đến ba tay, thường ẩn trốn trên đôn miệt xã Khánh-Bình và dưới nước các rạch sinh lầy.

Hổ đất, thịt ăn ngon và bổ, khi xé phai và nấu cháo.

(1) **Bần sế** : bần rừng, trái giống bần nhà gọi là bần ôi.

với đậu xanh. Hai loại này khi cắn thì nọc chảy lệ vào mạch máu hễ sôi đờm thì vô phương khả cứu.

Hồ lông, thịt độc, không nên ăn.

Hồ ngựa, chạy rất mau, lướt trên ngọn cỏ người đi rừng phải lệ chơn trèo lên cây cao, khi bị rượt theo.

Hồ lửa, rắn trung, có hai đầu, *rắn lục* màu xanh bò lệ làng trên cây, *rắn nẹp-nia* mình đẹp và cứng, phải dùng thanh sắt đập mới được : 4 loại này cũng có nọc độc không vừa.—*Rắn hổ đước* (cobra) nọc độc, đôi khi gặp ở rừng cấm Năm-Căn.

Rắn hổ-hành, bò tới đâu thì hôi hành tới đó, không cắn người, ban đêm mới ra khỏi hang kiếm chuột ăn.

Còn có *rắn nước*, *rắn ri-cá*, không nọc độc, thường ở theo nò và đĩa bắt cá nhỏ ăn.

Gần mấy trại đáy, trên bãi bùn con, *đến* là loại rắn nhỏ, cụt đòn, ăn còng, ếch nhái và cá thòi-lòi.

Lại còn con *lươn* mình vàng, nhiều nhớt ở vùng nước ngọt : Rạch Muối, Cái-Rắn, Rau-Dừa, Ông-Tự và Phú-Mỹ. Bắt lươn bằng cách đặt ống trúm buổi chiều dưới nước trong mấy lung sinh, rồi sáng ra lại đổ ống. Thịt lươn đem um ăn rất ngon, nhưng người ta nói rằng nó quết phong nhiều.

Nên nhắc nhở câu ca-dao sau đây thường nghe ở cửa miệng người Cà-Mau :

«Hồ-lông, xiêm-lai, trích-cô,

Cua đình, bò-hóng, ăn vô cùi liền»

CHIM CHÓC

Trong tỉnh An-Xuyên có nhiều loại chim, phần nhiều nhỏ con, ở tùy theo vùng và gặp tùy theo mùa.

Chim lớn hết là *già đẫy* mà ở miệt Cà-Mau người ta còn gọi là *lông ó*, vì lông đen, hoặc *già sói* vì sói đầu, hoặc *chó đồng* vì chạy ngoài đồng lẹ như chó. Chim này bẻ cao đến 6, 7 tấc, sống từ cặp, ở miệt đồng khô cỏ cháy, miệt Rạch Giếng và Rạch-Giồng, sinh sống bằng các loại răn và chuột, khó gài bẫy và ít khi dùng súng bắn được, vì nó ở theo trắng trắng, không thể lại gần. Muốn nuôi nó chỉ có cách bắt chim ra-ràng ở sán chim tận trên đón Rạch-giếng đem về.

Kể đến là *bò-nông*, *chàng-bè*, hai thứ đồng một loại nhưng bò nông lớn con hơn, lông cánh màu hường vài đẹp, thường ở nơi ruộng ngập nước nhiều.

Nhan-sen, *đầy ốc*, *cò ngà* (còn gọi là cò lòng-bóng) *quắm đen*, *quắm trắng*, *diệc mốc*, *diệc lửa*, *diên-diên*, *cồng-cọc*, *khoan cổ*, *le-le*, *vịt nước*, *bồng-bồng*, *cò xanh*, *cò đĩa*, *cò trâu*, *cò rân*, *gà nước* (còn gọi là cùm-nùm) *trich*, *quốc*, *cu rằm-ri*, *cu-xanh*, *cu ngói*, *cót cồ*, *cót rần*, *mỏ nhát*, *ốc cao*...

Ở rừng Rạch-Giếng và tại Hòn-Khoai, lại có loại chim *cao-cát*, giống cồng cọc lông đen, nhưng mỏ màu vàng phía trên có chắp thêm cái mỏ thứ nhì, người địa-phương thường gọi là « chim-linh » tiếng kêu nghe chát chúa.

Rãi-rác khắp nơi, có *quạ*, *ó*, *kéc*, *manh-manh*, *dủ*, *sáo-sành*, *sáo trâu*, *sáo sậu*, và *trau trầu*.

Đặc biệt ở miệt Rạch Gốc, có loại *chim rắn*, nhỏ hơn chim lặc nước một tí, hay đậu từ hầy trên bãi bùn lồi đôi ba ngàn con. Nếu bắn một phát súng với đạn tằm, ít lắm là lượm cả trăm con.

Nói đến chim nhỏ con, thì không nên quên chim *đồng-độc*, làm ổ rất khéo treo tòn ten ngoài chót bẹ mấy cây chà là, lấy ổ nó đem về dùng chùi sơn chảo rất tốt, và chim *lá rụng* là thứ chim phá lúa một cách tàn nhẫn : ở miệt sông Gành-Hào, khi lúa vừa đổ đuôi, nhiều hầy chim bay đen trời, hằng-hà sa-sổ đến ước lượng không được, ở trên cao đáp xuống ăn lúa : miếng ruộng nào vô-phước gặp chim lá-rụng, thì chỉ trong vài giờ đồng hồ là tiêu-hao đến vài ba công lúa hột.

Lại còn thứ chim nhỏ cỡ chim sào, con mái thì lòng màu vàng : ấy là chim *manh-manh* (ở Saigon gọi là chim khoen vì con mắt có khoen) mà người ta rập lưới bắt (có cột chim mồi) thường thấy cả lồng trong mấy tiệm bán chim ở Chợ Cũ Saigon .

Trong mấy chục loài chim kể trên, chỉ vồn-vẹn có 3 thứ thịt ăn ngon, vì mềm và thơm : ấy là *mỏ-nhát*, *cu-xanh* và *vịt nước*.



Bài bỏ túc

SÔNG ÔNG ĐỐC

Nguồn sông Ông-Đốc, trước kia gọi là Khoa-Giang, bắt đầu từ ngã ba sông Trèm-Trèm và kinh xáng Trèm-trèm, thuộc xã Thới Bình, nước đổ ra vịnh Thái-Lan, vàm sông không được mấy rộng, nhưng khá sâu.

Hai bên hữu và tả ngạn con sông này có nhiều rạch : Cái-Tàu, Rạch-Giếng, Rạch-Cui, Rạch-Ráng, nhiều xóm : Xóm Sỏ, Cán-dù, Nồng-kè, Ông-Tự, Rạch Vọp và Tham-Troi, ruộng đất phì nhiêu bao quanh.

Nước ròng, dòng sông chảy mạnh, đến nước lớn, thì lờ-đờ.

Nhiều người không biết Ông-Đốc đây là Đốc-học hay là Đô-Đốc, và Ông Đốc ấy mang tên gì ?

Ông Tri-phủ Trần văn Từ đã thuật lại như sau :

« Khi Nguyễn-phúc-Ánh bị quân Tây-Sơn rượt theo, thì Ngài cùng đoàn hộ giá và cung quyến chạy trốn vào xóm Cái-Tàu, thuộc xã Khánh-An. Vài tháng sau, Ngài theo con sông này định chạy ra hòn Thỏ-Châu (Poulo - Panjang) nằm trong vịnh Thái-Lan, dâng sang Xiêm xin viện trợ. Khi đoàn thuyền rồng đi khỏi vàm Rạch-Cui một quãng, thì bị Tây-Sơn đuổi nà theo.

« Ông Đô-Đốc thủy binh Nguyễn văn-Vàng (ăn theo họ nhà vua) bèn tàu với Nguyễn-vương xin Ngài cỡi hoàng bào ra, cho ông mặc, đứng ở lại sau cản trở quân giặc. Nhờ đó, đức vua vào bờ trốn trên rừng Khánh-Bình, bình-an vô-sự. Còn ông Đô-Đốc Vàng thì bị giặc giết, thầy chìm-lịm xuống sông sâu. Bọn Tây-

Son, trong lúc nhá-nhem tối, tưởng rằng Nguyễn-vương đã chết, nên không truy nã nữa ! Các quan đi theo hộ tống Ngài cũng bị tử thương rất nhiều.

Muốn làm lạc hướng địch quân, Nguyễn vương bèn đổi lộ trình, trở lại rạch Ông-Tự, thuộc xã Phong-Lạc, rồi từ đó qua đưng bình tại ngọn rạch Cái-Rắn, thuộc xã Tân-Hưng, là nơi còn một nền trại lính và một cái ao lịch-sử.

Đến năm 1802, khi Nguyễn-Ánh tức vị lên ngôi Hoàng-Đế, Ngài có chỉ về Cà-Mau lập miếu thờ các vị công-thần đã bỏ mình vì nước, lúc Ngài tâu quốc. Hiện nay miếu này còn tại tỉnh lỵ, ở đầu kinh xáng lên Ô-RỎ, trước kia gọi là « Âm-Dương-Thần » nay kêu là Miếu Gia-Long.

Hồi đầu năm 1943, do lời đề nghị của ông Trương-hòa-Thành, Thanh Tra Tiểu-học Bạc-Liêu, một ngôi trường lập ra tại vàm sông Ông Đốc và mang tên lịch-sử « Trường Đốc Vàng » tên này do tác-giả đề nghị với vị Tỉnh-Trưởng Bạc-Liêu là Ô. Mialin.

Ngày lễ khánh-thành trường này, quận trưởng Cà-Mau là Ông Melin đến chủ tọa, và có mặt trong buổi lễ : quận trưởng Cái-Nước Ô. Lương-khắc-Nhạc, hai ông Thanh tra Tiểu-học và sơ-cấp, quý vị hương-chức ban hội tề làng Khánh-Bình và rất đông phụ-huynh học sinh. Chỉ trong buổi sớm mai đã có đến 83 trẻ em ghi tên nhập học.

Đến năm 1962, trường sơ-cấp Đốc-Vàng trở thành trường Tiểu-học bổ-túc, có đến 2 lớp nhứt, vì quận lỵ đã dời về tại vàm sông Ông Đốc như trước kia.

SÔNG BẦY HÁP

Không biết bao nhiêu danh từ đặc hữu của sông rạch và xóm ấp trong tỉnh An-Xuyên đã ghi sai trong địa đồ và gọi thành tục, nếu sửa lại cho đúng, thì nghe lạ tai.

Đúng là *bầy* chứ không phải là *bãi*, vì [người] địa phương căn cứ vào một cái bãi tại vàm sông này, nên gọi là Bãi Háp.

Còn «háp» là gì ? (nhiều bản đồ ghi là Hạp)

— Là một danh từ về trọng lượng.

Người Việt-Nam ta cũng có cách đếm thập phân vậy (numération décimale): phân, chỉ, lượng, cân, yến, tạ, đăm, háp (trừ lượng phải 16 lượng vô một cân) và tạ, từ 60 ký trở lên tùy theo món: lúa, gạo, than, tôm khô, cá, mắm, heo v.v...)

Như vậy 10 tạ vô một đăm, và 10 đăm vô một háp, thành thử 7 háp là 70 đăm, lối 700 tạ hay 42.000 kí.

Con sông này khá rộng lớn, nhưng nước chảy lờ-ờ và có nhiều rạch nhỏ đổ ra khi nước ròng, tôm cần và tép bạc theo giòng nước ra sông cái và lọt gần trọn vào trong «đút» (1) đáy đóng dọc theo mé.

Năm xưa, gia-dinh ông lão nọ chuyên nghề hạ-bạc: nước lớn thì mấy người con trai và dàu ông đi chài, giăng cầu ống, trề cá tép, đặt vỏ cua, nước ròng thì bỏ đáy xuống:

ĐÚT : một cái giỏ dài lối 8 tấc tây cột vào phía chót của đáy (lưới) để cho tôm cua và cá khi chun vô miệng đáy lần theo lưới và mắc kẹt.

«Chồng chài, vợ lưới, con cầu,
Chàng rẽ đi xúc, con dâu đi mò»

Ông chỉ có hai miệng đây, đóng tại xóm Giá-Ngựa, nơi mà quận Đàm Dơi đã dời về từ năm 1967.

Trong một mùa (10 tháng) ngoại trừ cá và tôm tép tươi bán cho bạn hàng đến cần đem ra chợ Cà-Mau, các con dâu ông lược phần tép bạc còn lại và phơi (hoặc sấy) làm tôm khô. Năm ấy, hai miệng đây của ông trúng đến đôi tôm khô cần được là 7 háp, nghĩa là 42.000 ký, một trọng lượng kỹ-lục xưa nay chưa ai phá được.

Vào thời kỳ ấy (lối năm 1909) người nào có trong nhà 5, 7 trăm đồng bạc gọi là khá giả rồi. Nếu một ki tôm khô lúc đó bán ra 5 xu, thì ông thâu được số tiền là:

$$0 \text{ đồng } 105 \text{ xu} \times 42.000 = 2.100 \text{ đồng}$$



Một số bạc to lối 60 năm về trước.

Còn nếu tính theo giá thị trường hiện nay (1972) tại chợ Cà-Mau là 1.000 đồng một kí, thì số tiền thật khổng lồ :

1.000 đồng x 42.000 = 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu)

oOo

SÔNG CỬA LỚN

Phát nguyên tại ngã-ba Tam-Giang, sông Cửa-Lớn có đặc điểm là nước lớn, thì chảy ngang qua quận Năm-Căn, rồi đổ luôn ra biển, kể bên vàm rạch ông Trang, chứ không chảy từ ngoài biển vô, theo như thể thường các sông rạch, vì giọt nước của sông Bồ-Đề (hên Nam-Hải) chảy vô sông Cửa-Lớn rất mạnh, làm cho nước bị tổng luôn ra tới mũi ông Trang, nơi đây rất cạn, thường là vài thước bề sâu, nhưng có lòng lạch chừng 4, 5 thước, mà ghe lưới cá lần theo đăng vô ra tại cửa.

Vì vậy, bãi Cửa-Lớn, xưa kia rộng mênh-mông, bề dài gần 20 c. s nay bị bồi lấp hết lối phân nửa chỉ còn bề ngang chừng 10 c. s còn từ mũi Bà Quang đến mũi Cà mau, chỉ còn chừng 5 cây số mà thôi :

Người ta tiên đoán rằng, trong thời gian lối 60 năm nữa, thì bãi Cửa-lớn sẽ bị đất phù-sa bồi lấp trọn vẹn, theo đà người ta đã nhận thấy.

Sông Cửa Lớn chảy ngang qua các xóm đông dân cư: Xóm-Lớn, Hàng Vĩnh và Năm Căn bên hữu ngạn,



*Quận Năm-Căn (chụp ở giữa sông Cửa-Lớn)
(Ghe đi trề cá trở về)*

Ông Định, Bà Thanh, Tắt-biển. Nhưng-miên và Ông Trang bèn tả ngạn.

Bề ngang từ ngã ba Tam-giang đến vàm rạch Cái Ngay, lối 250 th, rồi từ đây kể đi nơi rộng thêm lên chừng 400 th tại vàm Ông Trang và trên 300 th, tại mũi Ông Trang.

Hai bên mé sông, trừ mấy xóm kể trên, người ta thấy là rừng cấm vẹt tách phía hữu ngạn, và đước bên tả ngạn. Hai loại cây này do trái rụng xuống nước trôi tấp vào bãi bùn, mọc lên có tầng xanh um coi đẹp mắt, nhất là từ Tắt-Biển đến Ông Trang.

Trong lùm rậm-rạp, có nhiều bầy khỉ và lợn-nồi khọt khọc và rền-rỉ, nhứt là vào sáng sớm và chạng-vạng.

Giòng nước, lớn cũng như rồng, chảy cuộn-cuộn, nên các ghe chở củi lừ rùng cấm về lò than và ghe thương hồ phải đợi nước xuôi mới nhỏ sào được. Thậm chí, tàu đồ chỉ i-ịch lối 5, 6 c.s mỗi giờ khi gặp nước ngược.

Con sông này sản-xuất nhiều phẩm-vật ngon : tôm lụi (tôm xâu) tại Xóm-Lớn và Hàng-Vịnh, cá dứa (tại mấy quán nhậu tại Tân Thuận (Nhà bè) có loại « cá bông lau » giống hệt cá dứa) ngon và béo và bống mú tại Năm-Căn, sò huyết và mực tươi tại Ông Trang.

SÔNG ĐỒNG - CÙNG

Đầy cũng là một địa danh cần đính chánh lại nữa !

Đúng ra là « đầm » (lagune) chứ không phải đồng : một cái đầm không có lối ra dài trên 10 c.s. bắt từ mé vịnh Thái-Lan tới ngã Ba-đình, xã Phú Mỹ ; chỗ nhỏ đầm này ít lắm cũng 150 th. bề ngang, chỗ lớn nhất ước 1 c.s.

Khi nước lớn chỗ nào sâu lắm là 3, 4 thước qua nước rồng, muốn xé dịch chỉ dùng xuồng ba lá hoặc ghe lườn nhỏ mới được.

Nước trong veo, nhưng mặn quanh năm : nhờ vậy nhiều loại cá vốn ưa thấy rõ-ràng : cá chẻm, cá đối, cá buôi và tôm xi buôi : nơi đây, kéo lưới được nhiều cá tôm.

Phía trong cách mé đầm lối 100 th, có ruộng rẫy chút đỉnh nhưng ít khi trúng mùa, vì nước mặn thấm vào, mặc dầu có đắp nhiều bờ bao ngăn.

Nhờ con kinh gọi là kinh xáng Bà Kẹo ; nên đầm ăn

thông qua xóm Bà-Kẹo, gần bên tả ngạn sông Ông Đốc cách vàm chừng 8 c.s.

SÔNG BỜ ĐỀ

Sông Bờ-Đề bắt nguồn tại ngã ba Tam-Giang, bên hữu ngạn sông Cửa Lớn, chảy ra biển Nam-Hải. Bề dài lối 8 c. s. nhưng bề ngang thật rộng lối 400 th, nước chảy rất mạnh lớn cũng như ròng.

Tại ngã ba này, nước luôn luôn xoáy tròn lại tạo thành nhiều lỗ trũng sâu nên ghe chở củi khẳm thường bị đắm.

Nằm bên hữu ngạn con sông này, là xóm nhà đông-đảo cách vàm chừng 3 c.s. có trên 200 nóc gia. Dân-cư chuyên nghề chài lưới và đồn củi như tại vùng Năm-Căn. Cuộc sống dễ dàng không thấy nhà tranh vách nát đáng lập thành một quận. sung túc trong tỉnh An-Xuyên : ấy là Xóm Thủ, thuộc xã Tân Ân

Phía bên tả ngạn, hai con rạch nhỏ ăn thông với nhau:

1/.**Rạch Cái Nước**, trên 6 c.s. là nơi dừa nước mọc dày-đặc nhiều cho đến đổi, đến tháng 11 á. l. là lúc mà quày dừa có trái chín chao ăn được, nếu mang dép da hay giày bốt, ta có thể bước từ quày này sang quày kia không chắm chon xuống đất.

Sau Tết, trái già trở nên cứng gọi là có «mặt trắng» ăn không ngon, người nào ở Xóm Thủ có nuôi heo nhiều đều tới đây đồn nguyên quày về cạy lấy cơm cho heo ăn mau mập. Có người đồn một lần đòi ba trăm quày, chặt sống dừa nước cột lại thành một dây chuyền dài cả trăm thước đọi nước lớn lên thả trôi về xóm rất tiện.

2/. Tát Ông Thầy, gần 5 cây số bờ dài, phía Bắc đổ ra sông Đầm-Chim, phía Nam ăn thông qua rạch Cái-Nước, trước kia nổi tiếng cộp nhiều, đến nay thỉnh-thoảng thợ rừng còn gặp ít con. Hai bên mé rạch, trên cây vẹt và bần sủ, có nhiều bầy lợ nổi, còn muốn ăn thịt chồn mướp, thì ta cứ đem chó đến đây săn, hoặc dùng súng bắn thì chắc chắn là có.

Cũng ở bên tả ngạn, từ ngã ba Tam-Giang đến Bực-Lở, ngang Xóm Thủ, bực sông hằm, vẹt được nhô rễ ra mé nước rất nhiều, có con hàn chón (loại nhỏ con) đóng cục, chặt nguyên rễ đem về cạy lấy thịt ăn ngon và bổ.

Từ đây ra đến cửa, hai bên bờ toàn là vẹt được nhưng phía bên hữu ngạn, xa vô trong, có nhiều chỗ cây dà mọc từng cụm, (cây dà lột vỏ đem về ngâm nước đắng nhuộm vải và thuộc da tại Chợ lớn).

Tại cửa sông, hiện ra một hàng cây khô mà ở xa ai ai cũng lầm tưởng là một cái rạo. Xưa kia, đó là cù-lao nhỏ, lâu ngày chày tháng bị sóng đánh lì xuống, rồi nhiều cây vẹt, được và dà tróc gốc trôi tấp vào, bám chặt nhau, chắc-chắn đến đổi hay tay niều nhỏ lên không được.

Khi nước lớn, quang cảnh thật rộn rịp : từ ngoài cửa vô đến xóm, nhiều đoàn ghe đánh lưới ngoài khơi trương buồm chạy về, chở đầy cá to : xù, chét, mè đường, đuối, đao, mập và nhiều loại cá nhám khác.

Còn từ Xóm Thủ đến ngã ba Tam-Giang, thợ câu thả lưới giữa giòng sông, có khi lưới dài đến cả trăm thước, có phao bằng ống tre lớn, dài 1 th nổi lênh-bềnh.

Chúng ta có thể chứng kiến một cảnh lý-thú, chỉ thấy tại

nơi đây và vàm rạch Ông Trang mà thôi : ấy là cá nước đua.

Nhiều cặp cá nước (còn gọi là cá heo, vì thân mình tròn-trịa như con heo,) trắng có, đen có, trời lên hụp xuống từ chập. Loại cá này bắt cặp đua với nhau, và mỗi lần trời lên mặt nước, đều xít vôi nước trắng xóa, chẳng khác chi tàu lặn dưới biển trời lên vậy.

Loại cá này không ai ăn thịt, vì hôi-tanh khó chịu, rủi khi nó mắc lưới hoặc đáy, người ta liền gỡ ra vứt bỏ xuống sông. Nó thuộc về loại có vú.

Một ông lão ở Xóm Thủ thuật lại cho chúng tôi nghe câu chuyện đã xảy ra và làm thiệt mạng một anh thợ đánh lưới tại khúc sông này.



*Khúc sông lưới cá nê đường và cá nhám tại
sông Bồ-Đề (Xóm Thủ).*

«Sau khi lưới được một con cá nước da trắng, anh thấy dạ dưới của nó giống như da-thịt người con gái, hai cái vú to lớn và trắng trẻo rất khiêu-gợi, anh ta không dẫn được con dục-vọng. Khi thỏa mãn thú-tánh rồi, mình mảy anh ta đều nổi mọt, mặt-mây sưng vù lên, ngứa ngáy khó chịu phải bỏ mạng sau vài ngày rên-la thảm-thiết».

Chính tại cửa Bồ-Đề này, trong năm 1967, quân đội V.N. C.H đã tịch-thu được một số vũ khí lớn của V. C. tải vào Xóm Thủ.

RẠCH LONG - ẮN

Rạch Long-Ắn là chi nhánh của sông Bảy-Háp, lối 7.c.s. bề dài 30 th bề ngang, ngọn ăn thông qua xóm Ông Tư, xã Phong-Lạc do một con kinh đào tay.

Từ vàm rạch vô chừng 200 th, thì đã có nhà cửa chạy dài vô tới ngọn rạch : xóm này có trên 300 nóc gia, gồm luôn mấy nhà cất rải-rác theo nhiều mé rạch nhỏ, ăn thông ra đất ruộng ở phía sau vườn.

Trong thời loạn-lạc, dọc theo mé rạch, Cái-Rắn, chỉ có vài chục cái nhà lá, cách nhau bởi một con rạch nhỏ, Hai bên mé rạch, dừa nước mọc bít-khờ, như tại Rau-Dừa lúc trước. Vì thế nhiều loại rắn xỏ-xáp trên ngọn, cho nên rạch và xóm gọi là «Cái-Rắn».

Nhiều ông già bà cả ở lâu đời tại xóm này cho biết rằng Cái-Rắn còn mang một tên lịch sử là «Long-Ắn».

Thật vậy lúc Gia Long tâu-quốc, Ngài chạy vào rạch này nương-náu một thời gian và ra lệnh đắp cái nền cao lớn cất trại khi dừng binh gần trong ngọn rạch, kế bên đình xóm Cái Rắn hiện nay.

Kể bên nền, Ngài cho đào một cái ao hình tròn bề kính lối 15 th gọi là «Ao-Ngự» nước ngọt quanh năm như nước mưa.

Nền trại đã bị người địa phương đào lấy đất đắp nền nhà không còn cao ráo như trước nữa. Khi đào đất họ thường gặp, nhiều món như : đạn súng đồng nặng đôi ba kí, miềng chén xưa, đĩa rạn có men xanh và hình rồng năm móng thuộc đồ nội phủ cùng nhiều đĩa ăn cơm và bình khí hư như cán gươm bằng ngà lâu năm trở màu đỏ đậm như cây bèn hay gỗ đỏ.

Còn Ao-Ngự thì cạn nhiều vì đồng bào hai ba năm mới chịu «xên» một lần.

Di tích vẫn còn sờ-sờ đó nhiều ông bỏ lão và ông đồ nho hiện còn sống sót tại xóm Cái-Rắn thường gọi đó là : Rạch và xóm Long-Ấn.

RẠCH CÁI TÀU

Rạch này ngọn trổ ra vịnh Thái Lan còn vàm thì nằm bên hữu ngạn sông Ông-đốc ngang xóm Nông-kè. Khi trước, làng Khánh-An tách ra thêm một làng nữa gọi là Khánh Lâm thì một phần ba rạch này thuộc về làng mới thành lập và lấy tên là rạch Tiểu-Dừa.

Rạch Cái Tàu nước chảy lờ đờ, có ruộng nương chút ít, dọc theo mé rạch, tư nhơn trồng cây dừa nước mọc đầy đặc đến nổi che bít các nhà cửa cất ở trong xa : khi thấy một cái cầu dưới mé rạch là biết ngay có nhà phía trong.

Nhà nào cũng tạo vườn tược cây ăn trái đủ loại được sum sê có tiếng là trái dàu ngọt, trầu vàng tốt, sầu riêng bùi, quít đường và cam mật lớn trái nhất là tại vườn của ông Hội Đồng Lâm văn Lư.

Con rạch này có hai giai thoại mà ông già bà cả ở Cái Tàu và miệt Cà Mau thường nhắc nhở cho con cháu nghe để lưu lại hậu - thế.

1/ Gần xóm Hàn Nhỏ, cách sông Ông-Đốc lối 10 c.s, còn một nền mộ mà người địa-phương gọi là : «Nền Công-Chúa» trước kia là nơi chôn cất các nàng công-chúa chạy theo Nguyễn-Ánh lúc Ngài bị bọn Tây Sơn rượt.

2/ Cuộc khởi nghĩa do hai anh em Đỗ - thừa - Luông và Đỗ-thừa-Tự vào lối năm 1882 có ông Hai Khoa và ông Hai Thầy Tu phụ-lực. Sử-mạng qua Xiêm mua khí-giới và đạn dược đem về chống lại quân Pháp thì giao cho người Huê-Kiều Hải Nam tên là Lồng-Ban.

Sau khi bại trận vào lối năm 1885 tại xóm Hàn-Nhỏ và Hàn Lớn ở lối giữa xóm Cái-Tàu (rạch Cái-Tàu lúc ấy có hàn bằng 2 cái đập đập cản tàu Tây) binh lính của hai anh em họ Đỗ lớp tử-trận, lớp lớp, thối chí nản lòng, vì không thể đem giáo mác tầm vòng vót nhọn mà đương đầu với súng đạn dược.

Rủi ro dồn dập thêm : ghe tải khí-giới vừa về đến vàm sông Ông-đốc lại bị khám phá và tịch thu hết.

Hay tin này, hai anh em họ Đỗ không muốn tiếp tục cuộc khởi-nghĩa và cũng không muốn cho các đồng-chi hy-sinh thêm, bèn vào trong ngọn rạch mà tự vẫn.

Còn ông Hai khoa và ông Hai Thầy Tu thì bị bắt và đày qua Cay-Den (Cayenne, thủ-đô thuộc địa Pháp Guyane française) ở bên Nam Mỹ-Châu.

Mãi đến năm 1930, khi hai ông đã trên 70 tuổi đầu mới được phóng-thích về xứ: ông hai Khoa, vì sống gian-lao cực khổ trên 40 năm nơi xứ rừng sâu nước độc, nên kéo lê chuỗi ngày tàn-tạ và sống thêm được vài năm.

Còn ông Hai Thầy tu thì vào chùa tiếp-tục tu-hành rồi cũng qua đời vài năm sau.

Lịch-sử hiền hách này rất tiếc là ít người được biết.

Còn rất tiếc hơn nữa, là không ai trong xóm Cái Tàu đông-đảo này chịu khó tổ-chức lập miếu thờ 4 nhà chí-sĩ nói trên, đã vì nước quên mình, chết trong bóng tối, mà con cháu hiện nay còn ở rải-rác theo rạch Cái Tàu thường thăm tui cho vong linh của bậc tiền bối mình.

RẠCH TÀU

Rạch bề dài 6 c.s, bề ngang lối 7,8 thước, chảy ra vịnh Thái-Lan, cách mũi Cà-Mau lối 3 c.s 500.

Muốn đến Rạch Tàu phải đi từ rạch Ông-Trang và trải qua một mạng nhện rạch nhỏ khác thật sâu chầy len lối trong rừng cấm Viên-An.

Còn ở Rạch-Gốc hoặc Rẫy Chệc nếu dùng ghe biển chạy buồm thì rất tiện vì không sợ lạc đường.

Rạch này trước kia chỉ rộng lối 4 thước đến nay bị nước chảy vô ra rất mạnh nên nói rộng gần xấp đôi. Nhờ vậy ghe đánh cá không còn lo mắc cạn nữa.

Hai bên mé rạch, nhà cửa đồng bào chen chít nhau gần một ngàn thước hầu hết là của những người thợ «phá sơn lâm đâm hà-bá».

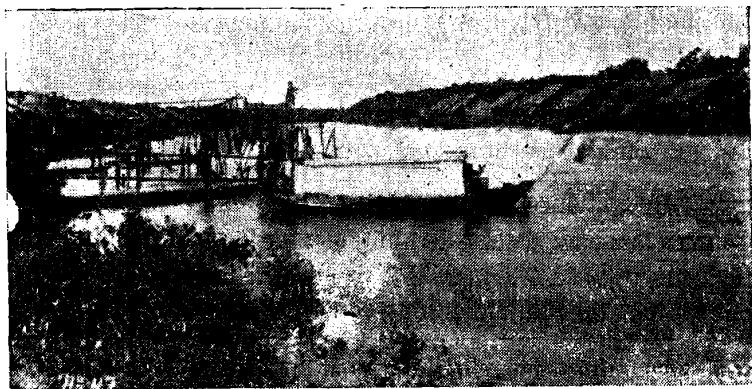
Trước sân mỗi nhà rải vỏ nghêu trắng phều, dặng đi cho khỏi trượt và không lấm bùn.

Ngoài đường cũng giấy đầy thứ vỏ này, thành thử ở xa đò, người ta có ảo-tưởng là sân và đường đều rắc vôi trắng xóa.

Rạch và xóm này ở tận mũi Cà- Mau, hồi thế kỷ trước, thường có «tàu ô» là tàu buồm sơn đen của bọn cướp biển Trung Hoa ỡ Tân gia ba đến.

oOo

Trong xóm có người trữ tôm khô đến đôi ba trăm tạ (như ông Hương thân Khỏa) và phải làm bồ như bồ lúa dặng bán cho tàu ở Tân Gia Ba thường đến mua với cá mè đường ướp trong máy lạnh đem về.



Nhà cửa cất theo Rạch Ông Trang dẫn ra Rẫy chệc và Rạch Tàu. Gần hết đều là nhà sàn vì nước ngập quanh năm. Bên đây là cầu khỉ có cấm rượng(sào) để phơi lưới.

RẠCH BÙ MẮT

Trong địa đồ, rạch này ghi là rạch Mang-Dô, nổi tiếng có muối nhiều nhất là bù-mắt nên còn gọi rạch Bù Mắt.

Một nhánh của sông Bảy Háp bèn hữu ngạn, cách tỉnh lỵ An-Xuyên lối 55 c.s. theo đường thủy và xa mũi Ba-quan 5 c.s.

Từ vàm vô tới xóm gọi là Cái-Bát thuộc xã Tân-hưng-Tây, hai bên bờ rạch là vẹt, đước, lá dừa và bần sủ của rừng cấm.

Phía trong mấy rạch nhỏ, là rẫy trồng các loại khoai và nhất là ớt sừng trâu. Cũng có ruộng chút ít nhưng không được trúng mùa.

Bù mắt nhỏ li-ti cổ đầu con kiến song hê cắn là thịt nổi mận liền ngứa là sưng lên có cục. Ban ngày nó trốn trong bóng tối và túa ra có bầy lối chạng vạng và lúc trời mưa lâm-râm. Người đi qua có cảm tưởng là bị ai cầm một nắm cát vãi vào mắt vậy.

Dưới đây là 2 câu chuyện điển hình chứng minh rạch này gọi Bù-Mắt là đúng.

Lần nọ, tam bản tôi ghé lại mé rạch đặng bắn lợ nổi, lúc trời mưa lâm-râm. Chẳng 10 phút sau tôi trở xuống ghe mặt mày ngứa ngáy khó chịu phải lấy dầu củ là mà thoa. Khi lấy kiến soi mặt thì chính tôi không còn nhìn được tôi nữa.

Lần khác, lúc gần chạng-vạng vì phải nước ngược tôi mắc kẹt tại xóm Cái-Bát đợi sáng mai mới ra về.

Vì biết là muối và bù mắt nơi đây có tiếng, tôi lo giăng mùng sẵn rồi mới dùng cơm.

Người trao bèn luộc cho tôi 2 hột vịt, lột vỏ sẵn để gần mí mùng, Khi giăng mùng, xong tôi hối anh trao un khói lên cho tản muối và bù mắt.

Thời gian trôi qua lối 10 phút, tôi dòm thấy hai hột vịt đen thui như là hột muối vậy. Té ra nó bị muối đen và bù- mắt đánh hơi bay đến bu đen nghệt, làm tôi phải dùng quạt đuổi nó đi, rồi dỡ hé mí mùng một cách kỹ - lưỡng để đem đĩa trứng vịt luộc vỏ mùng mà ăn cơm. Trong khi đó ở ngoài một giàn nhạc trời lên nghe u-thấm, và 2 người trao của tôi vừa đập muối và bù mắt, vừa giữ nóp chun vỏ để chúng nó tản đi mới dám ra ăn cơm.

Đó ! muối và bù - mắt ở Cái - Bát khi «vỡ ồ» là thế !

RẠCH RAU DỪA

Rạch này thuộc về xã Hưng-Mỹ, có cây cầu sắt bắc ngang trên đường lộ xe hơi Cà-Mau-Năm-Căn. Cầu này nằm giữa xóm Rau-Dừa nhà cửa đông đúc và vườn tược sum-sê, cách tỉnh lỵ 24 c.s. Trước năm 1945, có xe hơi đưa bộ hành tới xóm này và đi luôn xuống Cái-Nước.

Hai bên rạch, trước kia đồng bào thường trồng nhiều dừa nước, nhất là từ vàm vô tới cầu sắt.

Hồi xưa là nơi sầm-uất: trong rừng cọ, nai và heo rừng rất nhiều. Đến nay thành điền phi-mỹ, ruộng nương cò bay thẳng cánh, chó chạy cong đuôi.

Lối 50 năm về trước, rạch này nổi tiếng có dừa nước to lớn và cao: cà bắp dài đến đôi người lực-lưỡng mang trên vai biết nặng, ngọn và gốc đều chấm

đất. Mỗi sợi lạt chặt ra dài gần một thước tày, còn cà-bấp đuôi chồn chặt ra chằm gào «xà-nách» (gào thật lớn) mỗi cái đựng trên 10 lít nước.

Cây cà-bấp cao như thế, lẽ dĩ nhiên, lá dừa cao gần bằng rưỡi, thành thử dừa mọc hai bên mé rạch *giao* ngọn với nhau, tạo thành một vòm xanh biếc. Đi ghe xuống ở dưới vòm này, không thấy được ánh sáng mặt trời và có cảm tưởng là lúc chạng vạng. Nếu la lớn tiếng, thì âm thanh dội vang rền.

Chính ông già bà cả ở tại xóm Rau-Dừa cho rằng tên Rau-Dừa là không đúng, thật ra là «Giao-Dừa (dừa *giao* ngọn).

Họ đã lầm danh từ đặc hữu này (cũng có lý một chút) vì thấy tại đồng ruộng chung quanh xóm đến mùa nước, mọc khắp nơi một loại rau rừng, bò trên mặt nước như rau muống, gọi là «Rau-dừa», ăn sống với mắm chưng rất ngon.

CHƯƠNG II

Nông-sản — Lâm-sản — Hải-sản Kỹ-nghệ — Thủy-lợi — Công-nghệ

NÔNG SẢN

Nền kinh-tế tỉnh An-Xuyên mở-mang thêm nhiều trong 10 năm sau này.

Nghề nông thịnh-hành nhất nhưng nhiều điền-chủ bị truất hữu đất ruộng, không còn tiếp-tục thuê địa tô nữa nên một số lớn xoay qua nghề khác.

Đồng bào còn làm ruộng theo lối cổ-truyền. Tại vài nơi có đất gò, họ mướn máy đến cày trong mùa hạn để phơi đất cho hết phèn, rồi mưa đến, chỉ bừa đất, có khi rải phân bón rồi cấy lúa.

Các giống lúa thường cấy là : nàng Quýt, nàng Phêch, Tàu-hương, nàng Hô, trắng tếp, móng chim trắng, móng chim vàng, nếp trắng, nếp than. Phần đông thường là lúa sớm, lúa lỡ và lúa trung, chớ ít cấy lúa mùa.

Mỗi năm chỉ làm một mùa, các thứ lúa kể trên chín rộ từ hạ tuần tháng 10 âm lịch đến lới nửa tháng chạp gặt hái xong, đập lúa bó ra hột, phơi khô rồi vó bồ trước khi ra giêng, nghĩa là trước Tết.

Nông-sản chánh là lúa. Toàn tỉnh có trên 300.000 mẫu. Ruộng cò bay thẳng cánh ở tại mấy xã sau đây: Tân-xuyên, An-Trạch, Tân-Hưng, Hưng-Mỹ, Tân-Lộc, Tân-Lợi và Tân-Duyệt.

Vì vậy, tại tỉnh lỵ, dọc theo sông Quan-Lộ, mọc lên không biết bao nhiêu «chành lúa» mua lúa trữ đựng cân lại cho ghe chài chở lên Chợ-Lớn. (nhứt là trước thời cuộc)

Nông-sản phụ là cây ăn trái: *chuối, dừa, cau, khế, chanh, tắc, lựu, măng cầu, măng cụt, bưởi, cam, quýt, đu-đu, chôm-chôm, xoài, dâu, sầu-riêng, thơm, khóm, sa-bô ché, v.v...*

Xóm Cái-Tàu có tiếng là trái dâu ngọt, tràu vàng tốt, cau tươi ngon và sầu-riêng bùi.

Còn *mía, bầu, bí đao, bí rợ, khoai mì, khoai mỡ, khoai lang, khoai môn, khoai tím* và bắp cùng các loại *rau cải* khác thì trồng theo bờ kinh xáng Cà-Mau-Ô rô kinh Trèm-Trèm và tại rẫy Cái Keo.

Vài nông-sản đáng kể nữa là *tre Mạnh-Tông*: măng thì ăn tươi hoặc làm dưa chua; *tre gai* dùng để cất nhà và làm không biết bao nhiêu vật dụng, *cây trúc* dùng làm cần câu, *lỗ-ở*, và *cây chưng bầu* trồng chung quanh vườn đồn nhánh làm củi chum.

Đặc biệt ở Rẫy Chẹt, thuộc xã Viên-An, có *dừa hấu* thịt vàng và .hột đen mà gọi là «dừa hấu Tây» một thứ dừa khổng lồ có khi nặng đến 3,4 kí. Còn bắp cải thì lớn không kém bắp cải Đà-Lạt, nhưng phẩm thì thua nhiều.

LÂM - SẢN

Nhiều nhất là *vẹt*, được ở rừng cấm xã Tân-An, Năm-Căn và Viên-An, kể đó, *tràm*, *gừa* và *dừa nước* ở rừng cấm Thới-Bình, Khánh-An và Khánh-bình-Đông.

Ở miền nước mặn phía Nam, lại còn *cây dà* (Xóm-Thủ) *chà là* (Tân-Thuận, Năm-Căn và Cái-Keo) *giá*, *bần*, *mắm*, *cóc*, v.v.

Cây dà đồn rồi lột vỏ đem về nhuộm buồm, vải, quần áo và thuộc da.

Chà-là dùng làm đòn tay nhà hay hàng rào. Trong đợt thường có con đườn, ăn béo, ngon miệng và thơm ngào-ngạt.

Ở miệt Cái-Nhút, Rạch-Nhà, Cái Rắn, Rạch muối, Rau-Dừa và Đầm-Doi, có *cây lát* trồng để dệt chiếu, mọc riêng cũng có. Thứ tốt và cao dùng dệt chiếu, thứ xấu chế ra làm tư hoặc để nguyên cộng phơi khô để làm giấy buộc đồ.

Tỉnh An-Xuyên còn sản-xuất một lâm-sản quí : *mật ong* và *sáp* trong rừng vẹt và được, thì mật màu đỏ, còn ở rừng tràm. U-minh thì màu vàng.

Lâm-sản đáng nói hơn hết là *cây dừa nước* giúp cho ngàn-quỹ tỉnh một lợi tức rất to lớn gọi là thuế «dà-diệp». Nhiều tư nhân cũng trồng dừa nước dọc theo mé sông, thuộc phần đất của mình.



*Củ được cưa xong sắp bề cao 1 th
(đề nhân viên Thủy-Lâm đến đo mà tính thuế)*

Rừng cấm là đừa nước nhiều nhất ở Tân-Duyệt và Tân-Thuận, Tân-An, Khánh-An, Tân-Hưng và Tân-hưng-Đông.

THỦY LỢI và HẢI SẢN

Về thủy-lợi, tỉnh An-Xuyên thâu hoạch rất nhiều, vì có không biết bao nhiêu sông rạch và địa-bào sản-xuất cá đồng (cá đen) và dọc theo duyên-hải thì cá biển (cá trắng).

— Theo sông-rạch, nò và đáy bắt tôm, cua, cá, như : tép bạc, tôm cần, cá chốt, cá lòng-tong, cá út, cá bống kèo, cá đối, cá chẻm, cá nàu, cá hương v.v... Đặc-biệt là cá thác-lác và cá bông nhiều nhất ở Cái-Tàu, làm gỏi và chá ăn ngon.

— Người ta còn cấm rạo dưới sông và dọc theo kinh xáng hoặc xây nò, đào đìa, qua hạn lát nước cho khô hoặc là chụp lưới bắt đủ thứ cá đồng : lóc, trè, rô, dầy, sặc, hồi...

— Ở xã Khánh-Lâm có nhiều cần đước, tại đồng Rau-dừa và Cái-Rắn qua hạn đốt cỏ và sậy bắt rùa vàng rất nhiều.

— Theo mé sông, người ta dùng ghe nhỏ đi trề cá, nhứt là lúc ban đêm.

Dọc theo duyên-hải, người chuyên nghề hạ-bạc thường đây xiệp bắt tôm cá, hoặc xây nò tại mấy chỗ cạn đặng bắt cá dứa, cá lẩn, cá rô biển, cá hường, cá chim, cá đối, cá chốt, cá út, cá ngát v.v...

Ghe đánh cá thì ra khơi đánh lưới cá buôi, cá gộc, cá vượt, cá chét, cá mè-đường, cá đao, cá đuối..

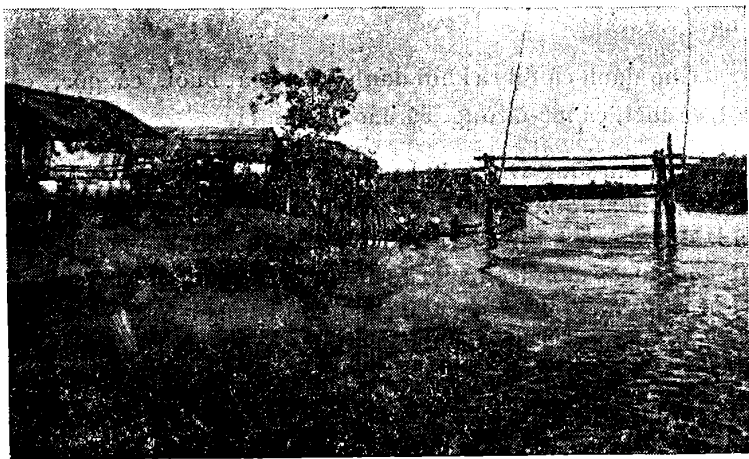
Tại vàm sông Ông Đốc và ngoài khơi từ xóm Rạch-Gốc đến Hòn-Khoai, qua mùa sóng êm gió thuận, nghĩa là từ tháng II à I. đến tháng 4 năm sau, nhiều ghe nóc (còn gọi là ghe cui) lênh-dênh ngày đêm trên mặt biển cả, đặng đánh lưới các loại cá lớn con vừa kê trên. Đến nay, nhờ Ty Ngư-Nghiệp trong tỉnh, nên nhiều chủ lưới có chân trong Hợp-tác-xã mua được máy gắn vào ghe lớn và dùng lưới bằng ny-lông, xải bèn-bỉ hơn lưới đương bằng nhợ, khỏi phải săn vỏ dả (nhuộm) mỗi năm được nhẹ-nhàng rất tiện lợi khi kéo lưới lên ghe.

Mỗi năm có đấu-thầu thủy-lợi trong các sông rạch, còn ngoài biển thì tàu ở Tân-gia-Ba đến chực hờm ghe hoặc tàu đánh cá, đặng mua bong-bóng, vì cá và cá tươi ướp trong phòng lạnh đem về.

Nhờ đó, đồng-bào chuyên nghề đánh lưới cá ngoài biển sống đầy đủ hơn trước rất nhiều.

Tôm khô lạt là sản-phẩm ngon và đắt tiền, ở mấy trại đáy Năm Căn, Ông-Trang và Rạch Tàu. Tôm tươi nhiều quá bán không hết, chủ đáy phải luộc và phơi khô hoặc sấy đặng cân cho ghe cà-vom tại chỗ.

Muốn cân nặng thêm và muốn cho tôm có màu đỏ tươi tốt, bọn gian thương thường nấu nước muối đổ vào, tôm này trở nên mặn chát và không còn mùi vị ngon nữa. Thứ ngon là thứ lạt và nhỏ con.



*Trại đáy đóng tại Rạch Ông-Định
ngang Năm-Căn*

Trong quận Năm-Căn, có hai xóm sản-xuất rất nhiều *tôm lạt* (còn gọi là «tôm xâu», vì xỏ một xâu 10 con «tôm-xì-buổi»)

ấy là Xóm Lớn và Hàng-Vĩnh. Nhà nào cũng có vài ba cái vó đặt dưới mé sông, lúc nước lớn. Cứ chừng 5, 10 phút, thì dỡ lên, ít lắm cũng được 5, 7 con tôm xi-buối và một mớ cá nhỏ. Nhà nào cũng phơi 1 hoặc 2 sào tôm lui, sau vài nắng gắt thì tôm khô và nướng ăn được.

Ở bãi Ông Trang có sò huyết và mực tươi, ở Rẫy-Chèc và Rạch Gốc có ốc len, ba-khía và nghêu.

Trong xã Phong-Lạc, tại Rạch-Vộp và Ông-Tự còn nhiều vộp ăn ít ngon hơn nghêu và nặng bụng

Tại hòn Đá-Bạc và kinh xáng Thọ-Mai xã Phú-Mỹ có một hải-sản quý là con hàu ăn sống với chanh hoặc làm «tạp-linh lù» thì tuyệt vời. Hàu này lớn con và ăn bở không thua con ở miệt Nha-Trang bao nhiêu. Nhiều khi thợ lặn không đem được ra chợ bán hàu tươi còn đóng khối chưa chế, hoặc khi lặn được nhiều quá, họ làm mắm hàu vô tĩn nước mắm, để lối 4,5 tháng thì ăn được, kèm với thịt phay và rau sống: ấy là món ăn trường giả, ít người được thưởng thức.

Nên đề ý : dầm vào đĩa hàu 5, 7 trái ớt hiểm, không hề cay.

CÔNG-NGHỆ

Trong tỉnh, nền công-nghệ còn phôi-thai, riêng nghề dệt chiếu với dụng cụ cổ truyền là phát-đạt hơn hết.

Nghề này nuôi sống trên 500 gia-đình ở xóm Cái-Nhút (xã Tân-Thành) Rạch-Nhà (xã Hòa-Thành) Cái-Rắn và Rạch-Muối (xã Tân-Hưng) nhứt là tại Đầm-Dơi (xã Tân-Duyệt) có tiếng «chiếu đầm» đắt tiền và dệt khéo nhất: chiếu lầy, chiếu hồ vắn, chiếu vọi có dệt chữ. dệt nhà lầu hai ba tầng, nhiều đôi bề khổ đến 1 thước 40.

Có 18 trại cưa tay, 15 lò thợ bạc, 10 trại đóng bàn ghế, 30 trại đóng xuống ba lá hay be tám, 770 miệng lò than rải-rác ở Năm-Căn, Nhưng-Miên, Xóm-Thủ, Đầm-Doi, Ông Định và Bà Thanh.

Trước kia hầu hết lò than đều thuộc về người Huê-Kiêu. Nhưng, kể từ năm 1948 về sau, phần đông Huê-Kiêu xoay qua nghề thương-mại, nên 9/10 số lò nói trên lọt về tay người Việt-Nam.

Vì thời cuộc, lò than gần như không còn hoạt-động.

Có hai xưởng làm nước mắm tại vàm sông Ông-Độc và một xưởng tại tỉnh lỵ. Ba xưởng này sản xuất dư xài trong tỉnh, còn đem bán qua mấy tỉnh lân-cận nữa.

KỸ - NGHỆ

Do bản thống kê của phòng Kinh-tế năm 1968 có 32 nhà máy xay lúa, ba nhà in, hai máy nước đá, hai máy cà-rem cây, hai trại cưa máy và hai xưởng tiện cùng sửa - chữa máy móc xe hơi và tàu.

Sản phẩm đặc biệt

Nước ngọt ở Hòn Khoai.

Mắm ruột (còn gọi là mắm lòng) ở Tân-Điền, Phú-mỹ, và Tân-hưng-đông.

Mắm lóc và *mắm tré* khắp nơi.

Cá dầy và *lươn* ở xã Tân-Hưng.

Cá bóng ở Cái-Tàu.

Khô bẹ, khô cá chết, khô gộc và *nước mắm* ở vàm sông Ông-Đốc.

Cá vượt, cá bóng mú; cá dứa, cá buôi, ở Năm-Căn và Ông-Trang.

Vì cá và *bong-bóng cá, mè đường* ở Rạch-Gốc và vàm sông Ông-Đốc.

Cá bóng kèo, bóng dứa, ở các trại đáy

Sò huyết, mực tươi, ở Ông-Trang.

Nghêu ở Rẫy-Chộc (Viên-An)

Vọp ở Rạch Vọp và Ông-Tự

Hàu ở hòn Đá-Bạc và Thọ-Mai

Bà-khía, ốc len, ở Rạch Gốc

Cua gạch son (còn gọi là cua Đầm) ở Đầm-dơi

Tôm khô, tôm lụi ở Năm-căn, Xóm-lớn và Hàng-vịnh

Tép mông và *con ruột* (để làm mắm ruột) ở Rạch Gốc

Kỳ Đà ở Xóm-thủ và Đầm-Chim

Sấu ở Dày-Chảo và sông Cửa-lớn
 Rùa vàng ở đồng Cái-rắn và Rau-dừa
 Cần-đước ở Cái-tàu và Khánh-lâm
 Khỉ ở khắp các rừng cấm
 Lọ-nồi ở Năm-căn, Nhưng-miên, Xóm-thủ và Cái-bát.
 Đuôn chà-là ở Cái-keo và Đầm-dơi.

Sân chim ở dón Rạch-giếng. (1)

Sân chim của tư nhơn ở Bà-hình (Tân-hưng-Đông)

Mật ong và sáp ở rừng cấm Thới-bình, Tân-an và Khánh-an.

Chiều lầy ở Đầm-chim, Cái-rắn, Cái-nhút và Rạch-nhà.

Cây mốp, để làm nón, ở Trèm-trèm và Tân-bằng

Cây vóng rừng để làm guốc ở Trèm-trèm và Tân-bằng

Cây kê, để làm liễn ở Trèm-trèm và Tân-bằng

Than được và vệt ở rừng cấm Năm-căn, Tân-an và Nhưng-miên.

(1) **Sân chim** : Đúng nghĩa là phải một cái sân trên đó chim để trứng và ấp con, như sân chim trên dón Rạch Giếng.

Còn sân chim của ông Hội-đồng Độ ở Bà-hình không phải là một cái sân.

Mà nhiều loại chim như : Cò gà, cò trâu, cò đĩa, diệc lửa, diệc mồi, cồng cọc, diên diên, quắm trắng, để trứng trên ngọn cây chà là, bần sế, mắm hoặc bẹ dừa nước, cũng như sân chim của thầy đội Chiêu ở cách quận lỵ Camau lối 1 c,s rưỡi, đã bị bọn Cao-Miên phá sạch đầu năm 1946,

*Vỏ dẻ và vỏ được ở rừng cấm Năm-căn, Tân-an và
Nhưng-miên.*

Giấy choại, ở miệt «dớn» Rạch-giếng và Thới-bình.

*Lá tàu, lá bó, lá chằm, lá cần đóp, ở khắp các rừng cấm,
bờ sông lớn.*

Bồn-bồn, môn nước, ở nơi đất thấp

Sầu riêng, trầu vàng, ở Cái-tàu.

Khóm, ở Trèm-trèm.

Dưa hấu, ở Rẫy-Chèc.

Bài bỏ túc

ĐẶT ỐNG TRÚM BẮT LƯƠN

«LƯƠN UM SẢ»

Con lươn không lạ gì với dân chúng nhưt là các đệ tử Lưu linh «Lươn um sả, ếch ram bơ» thường thấy nên trêu thực đơn các quán nhậu. Tóm lại lươn là món ăn khu «phổ biến» trong mọi gia-đình.

Nhưng bắt lươn ở đâu, làm sao chở lươn về Đô-thành đó là một vấn đề ít ai am hiểu.

oOo

Ruộng nào sâu có cỏ cao và đường nước nhiều thì lươn sanh sản và tại đó đặt ống trúm trúng lắm.

Ở vùng Rạch-Muối, Cái-Rắn Ông Tự và Rau-Dừa là những xóm nổi tiếng lươn nhiều, nên qua mùa nước thường thường có nhiều ghe rồi đến đậu thường trực chờ đếm lươn của người trong xóm đồ ống trúm đem về bán.

Khi mùa cấy xong xuôi người nông-phu không ngồi nhà khoanh tay rẽ chờ lúa chín đặng gặt họ sửa-soạn ống trúm và mấy cái hom lại cho đàng-hoàng để đặt lươn theo đường nước sâu hầu kiếm lợi thêm.

Ống trúm là một khúc tre dài lối 6 tấc, thứ tre lớn cây đường kính độ 12 phân sắp lên, một đầu để mắc tre bít đầu kia trống và bít vào đó là một cái hom như hom lợp đặt cá vậy. Trong ống trúm để mồi cá sặc, cá trê hoặc cá chốt sinh cho lươn đánh mùi chun ngang hom vô ăn mồi và mắc kẹt trong ống trúm,

Chiều đến người ta đặt ống tróm xuống nước sâu lối 5,6 tấc cột vào cây nọc nhỏ cắm gần bờ để làm dấu và cũng để cho lươn khỏi lòi ống tróm đi nơi khác.

Ở mấy vùng nói trên nhứt là ở Rạch-Muối và Rạch Bà-Tường, lươn nhiều cho đến đổi nhiều khi đồ tróm ra trong mỗi ống có 5,6 con nào con nẩy vàng lờm. Sau khi trút ống rồi người ta thay mồi và cứ đặt lại chỗ cũ đến sáng mai mới đến thăm và đồ nữa, vì ban ngày lươn rút vào hang chỉ đi kiếm mồi lúc ban đêm thôi.

Thường thường lươn đặt được đều lớn một lứa với nhau, lúc trước thì đem về xóm đếm cho ghe rồi, chớ hiện nay người ta cần từ kí lô mà tính tiền.

Thịt lươn xào lăn sả ớt ăn cặp với bánh tráng lật nướng, hoặc nấu canh chua làm khô lạt để nhậu rượu là số đánh rồi, còn muốn ăn cách vật hơn thì người ta «um» như tại quán Ba Ràu, Bảy Hồ ở Đò thành. Muốn um lươn dùng ham con lớn lựa con con von von ăn mới ngon. Phải vuột trấu, hoặc tro hoặc cát cho thật sạch nhớt đắng khử mùi tanh. Nhiều người cho rằng thịt lươn quén phong dữ lắm. Sự thật không biết sao chớ ngoại trừ thịt rắn hổ ngon và bổ hơn, ở Đò-thành «lươn um» là món thích khẩu nhứt nhì của bọm nhậu !

Lươn có màu vàng dưới bụng, trên lưng thì đen. Đôi khi tát địa hoặc trút ống tróm ta gặp thứ lươn trắng tươi từ đầu đến đuôi. Nhiều người cho rằng lươn trắng là một vị thuốc ta có thể trị bệnh trái trời (trái giống) như cá trê trắng vậy. Người ta lấy nhót rộng lươn trắng khi nó nhả ra, dùng lông gà chấm nước nhót ấy rồi phết lên trên mấy mút trái, chẳng những trong mình người bệnh được mát-mẻ mà trái không cương

lên và không làm nhức-nhối.

Nếu có dịp các bạn hãy thí nghiệm xem !

Còn ghe rồi chở lươn thường ngăn từng khoang riêng biệt bằng ván để lươn không bò khoang này qua khoang khác. Nếu không ngăn thì luôn luôn dưới ghe phải hòm sẵn nồi nước sôi để phòng lươn «đụn» nghĩa là đóng cục, đóng xâu lại có khi đến 2,3 trăm con. Trong trường hợp đó, người ta lấy nước sôi đổ xuống, khối lươn ấy gặp nước nóng rã ra từ con như trước, bằng không thì ghe khẳm bị nghiêng qua một bên, mất thăng-bằng và có thể chìm giữa dòng sông !

oOo

BA KHÍA RẠCH-GỐC

Ba khía Rạch-Gốc (xã Tân-Ân) nổi tiếng là ngon khắp miền Nam.

Loại ba-khía này ăn ròng trái mắm đen rụng xuống đất trong 2 tháng 7 và 8 d.l có gạch son, mùi thơm. chắc thịt và ngon hơn loại ba khía ăn trái mắm trắng. Ba khía tập trung ở rừng cấm, chung quanh xóm Rạch, Gốc và Rẫy-Chệc. Khi cây mắm rụng hết trái, người ta ít đi bắt, vì ba khía không còn gạch son và thịt thường hay búng, đã ăn không ngon, mà lại ít bán được. Vì ba khía Rạch-Gốc nổi tiếng ngon, nên nhiều đoàn ghe miệt trên, đến mùa cây mắm có trái, thường chở muối hột hoặc muối đen Bắc-Liên, xuống đậu thường trực tại rừng cấm để mua ba khía rồi muối tại chỗ. Khi đầy ghe, thì lui về lục tỉnh hoặc lên Saigon mà đếm xỉ.

Bắt ba khía, thường là nghề của đàn bà, và con gái. Người ta mang bao tay cho càng khỏi kẹp, bao tay bằng bao bố, da nai hoặc vải ny-lông dày. Tay trái cầm cái lồng đèn, cây đèn chai hay đèn «pin», trên vai mang giỏ đựng bằng sống dừa nước. tay mặt lẹ làng chụp từng con một, có khi hai con, bỏ vào giỏ đầy nắp lại. Nếu chậm tay, ba khía bỏ xuống hang trốn và lâu lắm mới dám bò lên. Khi chụp hụt, thì lẹ chân đề miệng hang lại, con ba khía ấy không thể chạy trốn được.

Khi nước ngập, ba-khía bò lên cây mà đeo từng chùm, nghe tiếng động, thì lặn xuống nước, vì vậy người ta thường đi bắt lúc nước ròng.

Ban đêm là lúc dễ bắt hơn hết, vì có nhiều, ban ngày, ba-khía thường rút xuống hang trốn.

Người chuyên về nghề này, từ chạng-vạng đến nửa đêm, bắt đến cả ngàn con, nhờ đèn «pin» làm lòa mắt ba khía bỏ mau không được.

Khi đầy giỏ rồi, họ đem xuống ghe đậu gần đó, đếm cho chủ từ trăm, đổi lấy muối hoặc bán lấy tiền.

Chủ ghe nào cũng dành sẵn một khoang ghe lớn có trỉ đầy nắp, ba-khía đếm xong và biền vào sỏ, là bỏ xuống khoang có chứa nước đựng rửa cho sạch bùn non, rồi hai ngày sau, mới bắt bỏ vào mái vú có khuấy sẵn nước muối.

Khi lu mái đầy, và cũng đến lúc hết mùa ba-khía ghe mới lui về miệt trên. Thời-gian đi từ Rạch-Gốc về

đến nơi bán lối 5,7 ngày, đủ làm cho ba-khia thấm muối và vừa ăn được.

Ba-khia không nên muối mặn lắm, vì thịt ăn xăng còn nếu muối lạt, thì thịt mau hỏng, khi càng và ngoe bẻ ra, nút thịt «không chạy» vô miệng.

Nếu nặn chanh hoặc tắc vào ba-khia bẻ ngoe ra rồi, gia vào tỏi sống xắt nhỏ và ớt cho cay, dùng thịt phay chấm vào, thì ăn cơm rất ngon miệng. Còn cái mai lật ngược lại, bỏ cơm nóng vào trộn với gạch, ăn bùi, giống như gạch-son của muối vậy.

oOo

CUA GẠCH SON MUỐI

Muối cua là tất cả nghệ thuật của người đàn-bà V.N. rành nghề nhà bếp, nấu ăn.

Miệt Cà-Mau nổi tiếng ngon là : «CUA ĐẦM» vì sản-xuất tại hai xóm : Đầm-Dơi và Đầm-Chim.

Cua lựa thứ chắc thịt, tùy theo con nước, nhất là có nhiều gạch-son. Cứ rộng cua vài ngày cho nó nhả bùn ra, rồi dùng bàn chải rửa cho sạch mai và yếm. Đoạn lấy mũi dao phay chích giữa yếm cho nó chết, rồi bẻ hết cangngoe, chỉ chừa 2 cái hoi, chớ không để nguyên con mà muối.

Trong vìm lớn đựng sẵn nước muối, nên sắp cua từ lớp hể một lớp muối thì một lớp cua. Khi vìm đầy, khóa ở trên thêm một lớp muối nữa, lấy rổ đập lại. Trong 4 ngày, hoặc nhiều lắm là 5 ngày, cua thấm muối và đem ra ăn được.

Trước khi dùng, người ta gỡ yếm ra, vứt thịt đi, hoặc để thịt ăn riêng, đựng cái mai có gạch son trong đĩa, rồi xắt gừng ra từ miếng nhỏ để trên, ăn kèm với rau thơm và thịt phay. Có thể trộn gạch son với cơm nóng, ăn ngon và bùi như ăn cơm trộn «bơ» vậy.

Có người để trộn càng và ngoe mà muối, và khi muốn ăn, cạy gạch son ra trộn với thịt của càng và ngoe. Muối cua và ăn cua muối như thế không trúng cách và không được ngon vì làm mất mùi vị của gạch-son hết.

Gạch-son sống, dùng làm «gỏi xối», trộn với gừng, bạc hà và rau thơm xắt nhỏ, ăn kèm với thịt phay.

Đây là món ăn đặc-biệt của người trưởng-giả V.N, nhưng nếu không khéo tay, gỏi xối có mùi tanh.

oOo

MẬT ONG VÀ SÁP

Tại rừng cấm miệt Xóm-Thủ và Năm-Căn, vùng Cái-Tàu và Trèm-Trèm, có ong mật làm ổ trên mấy cây mấm và gừa, cao chừng 6,7 thước, tại cháng ba hay chỗ nào cong theo hình cung tròn. Người đóng thuế thì được phép đi «ăn ong» (1) trong rừng cấm, thuế ấy gọi là «Phong-ngạn». Họ còn gác thêm nhiều cây kèo (2) cho

(1) **Ăn ong** : vào rừng cạy ổ ong.

(2) **Cây kèo** : một khúc cây bằng trầm, gừa, vẹt, được v.v., dài lối 1 th cong lối 1/4 cung tròn, lớn cỡ cườm tay giống ách trâu cột chắc vào thân cây có bề cao ít nhất 6,7 thước, thuận tiện cho ong đến đóng ổ.

ong bay đến làm ổ.

Khi mùa mưa gần dứt là bắt đầu đi ăn ong. Phải chuẩn bị đuốc bằng lá dừa khô, nhúng nước hơi ướt-ướt đặng khi đốt lên, có nhiều khói tỏa ra cho ong ngộp, sợ mà bay đi mất. Khi ấy thợ rừng mới bắt đầu trèo lên cây ở phía trên gió mà đốt đuốc, có khi cột đuốc vào đầu cây sào dài và giơ lên gần ổ ong, cũng trên gió. Gặp khói cay, tất cả bầy ong bay tủa ra theo chiều gió xuôi và thợ ăn ong cứ việc dùng dao nhọn xom lưng ổ ong cho mật chảy ra, trong khi một người hóm sẵn dưới đất mà hứng vào một cái thùng lớn có trét chai, gọi là «thùng ong» dung-tích lối 15 lit. Mật nguyên chất đặc-kẹo tuôn ra và cứ chảy cho đến cạn, chỉ còn lại cái ổ đầy ong non trong mỗi lỗ hình lục-giác đều-đặn.

Cái xác ổ ong còn lại đây gọi là «mút» cạy đem về gỡ ong non ra làm gỏi, trộn với bắp chuối và rau răm: một thức ăn tuyệt vời của bọm nhậu. Nhắm người ăn không hạp, môi và mặt mày sưng vù lên, trong mình ngứa-ngâm, nhưng vài giờ thì hết.

Sau khi gỡ hết ong non, người ta đem cái «mút» nấu trong chảo cho sáp chảy lỏng, đổ vào tô hay chén lớn, sau khi lược sạch-sẽ, đến khi nguội và đặc lại, thì đổ ra. Một tô sáp như vậy gọi là một «bánh sáp», còn hai bánh úp mặt lại gọi là một «nan-sáp.»

Sáp thường dùng để xe đèn lớn cày, có lẫn son thấp trên bàn thờ ông bà khi làm lễ cưới hỏi hoặc trong dịp cúng tế thành thần.

Lúc sau này, đèn cây giá rẻ, cây gừa bị phá trống và gần tuyệt giống, nên ong mật chỉ làm ổ trong rừng sâu, ít ai chịu khó đi ăn ong. Đến nay, sắc thuế phong-ngân cũng bị bãi-bỏ, nên đi rừng ai gặp được ổ ong thì tự-tiện leo lên cây đốt khói mà cạy ổ.

Một ổ ong lớn đem lại lối 15 lít mật và 8 nan sáp, một làm-sản qui báu của tỉnh An-Xuyên.

Còn mật thì gồm hai thứ: mật màu vàng ở rừng cấm Trèm-Trẹm và Cái-Tàu, vì ong hút bông tràm, còn mật đỏ, ở rừng cấm Xóm-Thủ và Năm-Căn, vì ong hút bông vẹt, đước và vài thứ bông khác ở miền nước mặn

Bọn gian-thương thường pha nước đường vào mật nguyên chất, nên mật bán ra thị-trường hơi lỏng và ngửi có mùi đường.

Muốn thử biết mật thiệt hay giả, nên lấy một miếng giấy bạch, đổ lên trên năm ba giọt nếu không loãng ra trên giấy, ấy là mật nguyên chất. Còn muốn chắc hơn nữa, thì nên đến tiệm thuốc Bắc nài mua chút ít — Tiệm nào cũng có trữ đôi ba thùng thiếc đựng trộn vào vài vị thuốc : cam thảo, huỳnh kỳ sài hồ, ma hoàng, bắc hạ, đông huê v.v ..

oOo

ĐUÔN CHÀ LÀ

Tại vùng rừng cấm Cà-Mau, nhiều chỗ là rừng chà là và nhờ đó có đuôn nhiều, nhất là tại Đầm-Dơi (Xã Tân-Thuận). Năm-Căn và Cái-Keo (Xã Tân-hưng-Đông) nằm bên tả ngạn.

sông Bẫy-Hấp.

Đuòn chà-là chỉ có một con ở trong mỗi đợt. (chờ không phải cả trăm con như thường thấy trong củ-hủ cây dừa chẻ ra, khi bị đuòn ăn).

Đuòn dừa lớn con, màu không được vàng, ngo-ngoe dữ lộn, thịt ăn xám-xì và ít thơm. Nếu mua đuòn chẻ ra rồi, có thể làm đuòn dừa với đuòn chà-là.

Đuòn chà-là mình mềm-mại, màu vàng lóng-lánh, tuy nhỏ con hơn đuòn dừa nhưng thịt ăn béo và thơm ngào-ngạt. Con đuòn sanh ra do con kiến dương đẻ trứng trên chót đợt cây chà-là, lối tháng 6 à.1. Nửa tháng sau, trứng nở, nhộng ăn xuống đợt chà-là, hết đợt ăn tới củ-hủ và ở nơi đây lối 2 hay 3 tháng.

Phải đợi con đuòn già mới đốn đợt chà-là, nghĩa là qua lối tháng 11 hoặc tháng chạp à.1. Khi ăn hết củ-hủ rồi, nó lại ăn ngược lên đợt, nơi đây phần của nó dồn tén có xác mịn-màng : ấy là thời kỳ đông-ken của thợ rình đốn đuòn. Lúc này, đuòn vừa già, da màu vàng bóng ngời và ăn ngon cực điểm. Ăn lên tới ngọn, nó lại còn ăn xuống một lần nữa. Qua lối tháng 4 à.1, đuòn trở nên thật già, mình màu đen đen, từ củ-hủ trở lên lối phân nửa đợt. Lúc này nó đã thành con kiến-dương, cần ngang đợt bay ra rồi để trứng qua mùa tới

Muốn chẻ đợt chà-là, nên dùng dao phay hoặc chét thật bén bằm hai bên đợt hai đường sâu lối nửa phân thôi, rồi dựng ngược đợt xuống đất mà từ từ chẻ ra, nếu chẻ mạnh, dao bén có thể phạm nhằm mình đuòn ở tại củ-hủ. Khi vừa thấy

đít con đuôn, phải thò tay thật nhanh kéo ra kéo nó rút lên phía trên. Bắt đuôn ra rồi bỏ nó vào vìm có khuấy sẵn nước muối thật mặn, hoặc nước mắm, cho nó nhả nhót-nhao ra, rồi ít giờ sau mới nướng.

Phải nướng đuôn như sườn heo, nghĩa là sắp trên vỉ sắt, ở dưới để lửa riu riu. Không nên bỏ vào chảo mà chiên, vì gặp mỡ, đuôn phồng mình lên, đã ăn không được giòn, mà mùi thơm đặc biệt của nó bị bay ra mất hết.

Muốn thưởng thức hương vị của đuôn, phải chấm với nước mắm ngon nguyên chất, không pha giấm hoặc nặn chanh đậm ớt chỉ cả. Cũng không cần thoa «bơ» làm mất hương thơm đặc biệt của nó.

Đuôn ăn rất ngon nhưng quến phong nhiều. Hiện nay giá thị-trường một chục đuôn tại chợ Cà Mau là từ 80\$ đến 100\$ nhưng ít khi gặp bán.

oOo

KHỈ VÀ LỘ NÒI

Hai loại tứ-thủ này, tuy hình thù giống nhau, song tánh tình và cách sinh-sống khác biệt rất xa.

Khỉ thì lông màu vàng-vàng, sống mũi dài, thường hay nhướn mắt nhẩn rảnh, gãi bụng, bắt chích và bò chét cho nhau da bụng xanh lè, bàn tọa nổi hai cục tròn chai cứng, nên không sợ gai đâm, thường nhún đọt chà-là cho dập rồi rút ra ăn, thấy mặt nó thì phát ghét liền,

Chúng ở từng bầy, đôi khi đến 5,3 chục con, trong bầy có con lớn hơn hết làm đầu đoàn gọi là khỉ đột. Tiếng kêu cheo-cheo như chim, khi gặp đồ ăn nhưt là trái bần sẻ, thì tụ hội đông đảo, vui-vẻ và kêu khọt khẹt vang rền khu rừng. Chúng thích trèo lên mấy ngọn cây cao, đứng dòm chung quanh tìm kiếm những cây có trái rồi bò đến mà hái ăn.

Leo lên cây hay tuột xuống đất, khỉ rất nhanh-nhẹn, có ai trốn kín trong lá cây khi bị chó rượt.

Chúng ăn tạp, đựng gì ăn nấy : đôi quả, thì xuống đất thụt hang cá thòi lòi, hoặc bắt ba-khía, cua, sò, ốc và thường hay lục-lạo nôi com của thợ rừng. Món chúng hảo nhất là com rượu : vì vậy, người ta trả thù bằng cách làm rọ (cũi) bằng cọng dừa nước bện lại thật chắc, phía trên chừa một lỗ trống vừa lọt mình khỉ, trong rọ để nhiều com rượu. Khi đánh được mùi thơm của com rượu, cả bầy kéo đến, giành nhau nhảy vào rọ, và chẳng bao lâu, con nào con nấy đều say tù-lu. Người ta cứ trói ké từ con đem về bán. hoặc đánh-tửu cho đã nư giận.

Khỉ thường phá mùa màng một cách tàn-nhẫn : miếng truông nào ở gần ven rừng có nhiều khỉ thì kể trước là lúa thất : đến khi lúa đỏ đuôi, nhiều bầy rủ nhau kéo đến tét bụi này tới bụi kia rồi bỏ chó không ăn hột. Người nông-phu thường rập bầy cò-ke mà bắt, nhưng ít khi ăn thịt, vì không ngon.

Khỉ con rất dễ nuôi : bắt đem về chặt đuôi và cho ăn com vắt. Có nơi nuôi dạn, chủ nhà cho con nít mang khỉ trên vai đặt sang phong qua cho nó (?). Nhiều người tập khỉ làm

trò xiệc : nhảy, múa, đánh trống, đi xe máy v.. v... khi quảng-cáo bán thuốc cao đơn huồn tán (hát khi).

Đặc biệt là khi bắt chước rất tài-tình : nhiều khi, nó lấy củi mồi lửa gây hỏa-hoạn cho chủ nhà !

oOo

Còn lọ nôi thì lông màu xám, giống như bụi nhùi bằng kim-khí dùng chùi đồ thau hoặc nhôm, sống mũi không dài, không nhăn mặt gãi bụng có vẻ hiền lành da bụng không xanh, bàn tọa cũng có 2 cục tròn, nhưng ít chai hơn, không hề nhúng đọt chà-là bao giờ.

Chúng cũng ở từng bầy, song không có đầu đoàn. Tiếng kêu giống tiếng rên «hi-hi» của người bệnh. Lọ nôi con thì lông vàng khè, cặp mắt đen thui không thể nuôi được cũng như lọ nôi trưởng-thành.

Chúng không nhanh nhẹn như khỉ và không có tài trốn kín trong lá cây : nhiều khi bị chó rượt, núp mình trong lá cây, lấy lá che bít hai con mắt, tin rằng «hễ nó không thấy mình là mình không thấy nó» trong khi cái đuôi lộ ra tòn-ten dài thượt thấy tức cười.

Lọ nôi không bao giờ xuống đất, cũng không hề phá hại mùa màng. Nó không ăn tạp như khỉ, chỉ ăn rỗng trái cây và đọt cây.

Muốn bắt lọ nôi, thợ rừng thường dắt chó đi săn, hễ nghe tiếng sủa lọ nôi sợ lắm rút trốn vào mấy lùm lá rậm, chó không dám chui từ nhánh cây này qua nhánh cây khác, sợ

e lọt xuống đất bị chó vật chết. Thợ săn cứ trèo lên cây, dùng giây mà vòng vào cổ, rồi trối lại quăng xuống đất.

Thịt lợn nòi ăn ngon và bổ, nếu nấu theo lối thịt rừng, còn lấy thịt đùi ướp ngũ vị hương làm khô thì tuyệt hảo không kém khô nai chút nào. Mật nó trị bệnh kinh-phong của con nít được hiệu nghiệm (ở Cà-mau ai cũng biết) còn xương ống chân làm đốt ống điều rất đẹp xài lâu lên nước có màu đen pha lẫn màu trắng.

Trong vùng Cà mau, còn lợn nòi nhiều nhất ở miệt rừng cấm như : vàm rạch Bù-mắt, Tắt Năm-Căn, rạch Ông Định, Nhung-Miên, Bực Lở, Vàm Bờ Đề và ngũ ba Tam-Giang (ba nơi sau thuộc về xã Tân An)

oOo

RỪA VÀ CẦN ĐƯỚC

Rùa có ba thứ : rùa nấp, rùa quạ và rùa vàng, thuộc về loài bò.sát.

Rùa nấp thì yếm không bằng-phẳng, ghép lại bằng hai miếng xương mai cong lên, còn rùa quạ thì mai và yếm đều đen, hai thứ này nhỏ con, thịt ăn không ngon, vì dai nhách, nhão nhẹt và hôi cổ, ít ai tìm bắt.

Chỉ có rùa vàng là quý : chẳng những lớn con mà thịt lại mềm.mại và thơm phức.

Rùa bò chậm chạp, trên bờ hay dưới nước cũng vậy, nên có câu ví « chậm như rùa ». « mẹ rùa ».

Các loại nói trên nhiều nhất ở đồng ruộng Cái Rắn và

Rau Dừa, là nơi nhiều rạch nhỏ và lung sinh.

Trứng rùa nở vào đầu mùa mưa, và khi rùa con biết bò và bơi lội, thì xuống nước ở luôn đến mùa hạn.

Rùa ăn rong cỏ, các rau rừng, như bông súng, rau dừa, nhất là rau muống, đôi khi ăn cá nhỏ con.

Trong mùa nước thì dùng lò, đặt lợp, hoặc xây nò mà bắt nó như bắt cá vậy.

Qua mùa hạn, đồng ruộng, các đường nước và lung-sinh đều cạn hoặc khô, rùa lại lên trốn nơi nào nhiều sậy, nân và cỏ khô. Muốn bắt nó được nhiều, người ta đốt đồng : phải lựa lúc nào gió thổi mạnh, đứng trên gió mà châm lửa, trong chốc lát cỏ bốc cháy lên, sức nóng và khói bay đen ngịt làm cho rùa trốn dưới cỏ ngộp thở phải bò ra. Trong khi đó, thợ săn đứng trên gió, xui chó ruồng trong cỏ ở phần đất chưa cháy, thấy chỗ nào chúng ngóc đầu lên là đến bắt bỏ vào cà-ròn hay bao bố một cách dễ dàng. Đốt đồng để bắt rùa như thế trong một buổi thường được cả 5, 3 chục con rùa vàng, có con nặng trên một kí, hai bên hông u lên, vì trong mình nó lúc ấy chứa một buồng trứng non và trứng già ăn khá ngon. Còn hai loại rùa nấp và rùa quạ thường, vớt bỏ.

Ăn thịt rùa có nhiều cách : tiện hơn hết là luộc, rồi xé phay ăn với rau răm chấm muối tiêu như ăn hột vịt lộn vậy. Nhưng nếu « ram » thì thịt ngon hơn nhiều : sau khi cắt cổ xong bằng cách thọc cây vào miệng cho nó cắn chặt, kéo đầu nó ra mà chặt (rùa cắn trời gầm không nhả) cứ bỏ nguyên con vào trong chảo dưới đáy rắc sẵn vài nắm muối cục, rồi đậy nắp lại cho thật kín, lối nửa giờ sau thì rùa chín. Đem rùa ra, lấy sống dao

phay đập bẻ hai bên yếm, gỡ yếm ra và cạy lấy thịt : thịt rùa ram ăn ngon vì mềm mại và thơm lẫm.

Thịt rùa còn xào lẫn với bạc hà, nấu cà ri hoặc vài món khác theo cách nấu thịt rừng, tùy sở thích.

Còn muốn ăn một cách trường giả, thì đem thịt chưng với thuốc Bắc : trần-bì, thực-địa, ý-đĩ, bá hạp v.v...

Toàn thân con rùa đều ăn được cả, chỉ vứt cái bụng phần và một khúc ruột già mà thôi. Bộ đồ lòng rất ngon, nhứt là gan của nó, béo và thơm (phải gỡ mật bỏ).

Ở miệt đồng quê, qua mùa hạn, người ta thường đem ra chợ Cà Mau bán rùa vàng rất nhiều, người hành khách nào mua rùa đem lên xe hơi hoặc dưới tàu thì luôn-luôn bị « mời » xuống xe hay lên bờ lập tức, vì chủ xe và tàu đồ rất kỵ rùa và kỳ-đà, tin dị-đoan rằng : nếu chổ hai loại này, thì máy hay trục-trắc, theo lời ví : « Kỳ đà cắn mũi » và « chậm như rùa ».

oOo

Cần-đước, cũng thuộc loài bò-sát, nhưng lớn hơn rùa nhiều, có con nặng đến 5,6 kí, thịt dai nhách, ăn không ngon và cũng nấu nướng như thịt rùa.

Trong tỉnh An-Xuyên, chỉ gặp nó trong ngọn rạch Cái-Tàu và rạch Liều-Dừa mà thôi.

oOo

SẤU và KỶ-ĐÀ

Loại sấu đẻ trứng vùi dưới đất hay dưới cát, tại mé sông lớn hay mé biển, trên « đón ». Nhờ sức nóng mặt trời, cũng

như trứng rùa, cần-được và kỳ-đà, trứng sấu nở ra con. Lối 20 ngày sau, sấu con biết bò tới bò lui và lặn xuống nước. Lúc đó nằm giữa bầy cả chục con tại mé nước, tự nhiên sấu mẹ vùng đập đuôi mạnh vài cái. Đó là lúc nó sửa-soạn nuốt sấu con, hoặc lấy đuôi quật cho chết : con nào lanh chân nhảy xuống nước trốn kịp thì sống, còn con nào chậm-chạp thì bị sấu mẹ nuốt hoặc đập chết ngay.

Tạo-hóa đặt đề như thế có lẽ để đỡ khổ cho loài người chớ loại thú cầm dữ-tợn và sanh-sản con cái vẹn toàn, thì tai hại biết bao nhiêu ! Cũng như loài rắn lục, khi đẻ con, nếu ai được mục-kích đều ngạc-nhiên : đầu rắn thì cắn chặt vào cành cây, còn đuôi quấn vào cành cây khác, rắn vặn uốn cong mình nhiều lần, mạnh cho đến đôi nứt da bụng lột con ra ngoài. Trong khi ấy, quạ, diều hoặc bù-cắt hờm sẵn ; con nào lột xuống bò lẹ thì sống, con nào chậm thì bị chim nuốt hết. Rắn mẹ bị nứt bụng chết đã đành, rắn con cũng sống sót không còn được bao nhiêu.

Loại sấu nhỏ gọi là sấu cá. Từ năm 1930 đến nay, vì tàu chạy theo sông rạch quá nhiều làm động nước, nên sấu miệt Cà-Mau rút trốn ra biển, hoặc sông lớn như Vàm-Đầm, sông Bò-Đề, sông Đầm-Chim, Dày-Chảo, Cái-Ngay và Tam-Giang là nơi trong đối yên tĩnh hơn.

Thỉnh thoảng cũng còn gặp, nhứt là tại Vàm-Đầm, nhiều con khá to. Đôi khi thợ rừng đi lên săn chim trên « dớn » có gặp sấu ở dưới bưng.

Thịt sấu ăn ngon, nhất là lược rời chấm mắm nêm ăn với chuối chát và rau sống, nhưng không mềm và thơm bằng thịt

kỳ-đà. Đầu sấu, sau khi chặt lia cổ rồi, lổ vài phút sau, nếu đứt cây vào miệng, hai hàm nó còn ngoấp lại nghe cái « bộp » rồi mới không còn cụ cựa nữa.

Lúc trước, tại Cà-Mau, người Huê kiều cử ăn thịt sấu, vì thường hay về Tàu, sợ trải qua biên cả, rủi tàu chìm, bị sấu ăn thịt lại (?).

Câu sấu rất dễ: cột mồi bằng vài con vịt, sống hoặc một con chó trên cái phao do nhiều búp dừa nước kết lại, để nổi lênh bênh trên mặt nước thành một cái bè nhỏ, rồi cột vào mình con mồi một lưỡi câu lớn có nhiều ngạnh bén. Kế đó, dùng một dây dổi mây thật chắc, một đầu cột vào lưỡi câu để trên bè, một đầu thì cột vào gốc cây to, chính giữa sợi dây thông xuống sát đáy sông có cục đá nặng giữ đứng lại một chỗ cho phao khỏi bị trôi đi. Thường phao đặt tại vịnh có bực hầm cách bờ sông lổ vài thước, là chỗ sấu hay trằm mình.

Khi sấu tấp mồi, nhờ nghe chó tru và vịt kêu, thì tự nhiên phải mắc câu. Người ta chỉ lặn xuống nước (ở dưới nước sấu không dám há miệng ra, sợ nước vô bụng) khóp mỏ nó lại cho chắc bằng dây sắt và cột treo bốn căng lên lưng, để khi trọc lên mặt nước, nó không thề tấp và quẩn mình.

oOo

Kỳ-đà nhỏ hơn cá sấu nhiều, mình màu vàng có đốm đen tiếng Pháp gọi là « iguane ». Lưỡi nó đen, thụt vô le ra, liên-liền thường ở trong bụng hoặc trên cây, chớ ít khi ở dưới nước, trừ khi bị chó săn rượt nà quá, phải nhảy xuống ao vũng mà trốn.

1 hịt kỳ đà ăn thom, ngon hơn thịt gà, khi làm món xé

phay trộn với bắp chuối rau răm. Còn đem xào lăn thì dầu có kèm « mộc-tồn » chút đỉnh, cũng làm các bọm nhậu rõ dãi, khi nói đến.

Muốn làm thịt kỳ đà, cứ chặt đầu rồi « làm lòng » nghĩa là trun nước sôi cho tróc lớp da ngoài, chớ không lột da như trăn hay sấu. Trừ khi đem bán cho mấy tiệm trứ da, người ta mới lột da.

Trứng kỳ đà ngon và quí nhất : thứ trứng già có vỏ cứng đem về nướng chớ không luộc, mùi thơm ngào-ngạt và vị béo không thứ trứng nào bằng, nhưng khó kiếm được, vì kỳ đà đẻ trong bọng cây, (tại rừng Cà Mau chỉ miệt Xóm-thủ và Tàn-thuận mới có.)

Săn kỳ đà rất thú vị, nhưng phải có chó chuyên môn săn kỳ đà, cũng như chó đặc biệt đi săn heo rừng, hoặc khỉ hay lợn nòi : thợ rừng tập luyện công phu các loại chó săn đặc-biệt cho mỗi loại thú rừng.

Chó săn kỳ đà phải là chó lớn cỡ chó xi, lanh lẹ, sủa lớn, đánh hơi giỏi, chạy mau và len lỏi trong bụi rậm dễ dàng. Khi kỳ đà bị chó rượt chun vô bọng cây thì phải phí thì giờ dùng bữa bữa bọng. Nếu nó còn ló một chút đuôi thì rất dễ. Cẳng kỳ đà có móng dài, bén và nhọn, nên mấu nó bám chặt vào cây, sức mạnh con người không sao kéo ra nổi. Trong trường hợp ấy, thợ săn dùng chước, và chỉ trong nháy mắt là bắt được ngay.

Khi niu được đuôi rồi chỉ cần đẩy thật mạnh cho nó vô sâu thêm nữa. Làm như thế, tất cả mấu của kỳ-đà bị sút ra khỏi thân cây. Không để mất thì-giờ, bắt thình-lình lúc đó, người ta kéo mạnh ra.

Kỳ-đà không còn bầu vào đầu cho kịp nữa, bị tuột ra rất dễ-dàng và thợ săn chỉ còn trói 4 chân nó lại. Gặp trường hợp kỳ-đà lặn xuống nước, muốn bắt nó, dễ ợt, thợ săn cứ bình-tĩnh nhẫn-nại, hãy đợi một chút cho nước bớt đục, rình xem chỗ nào có sóng tăm lên, là chỗ ấy kỳ-đà đang nằm trốn, cứ việc lặn xuống trói giò, dưới nước nó không dám há miệng ra mà cắn mình như sấu.

oOo

ĐĨA MÉN — ĐĨA TRẦU — VẮT

Đĩa mén là loại nhỏ con. Đĩa trầu cỡ bằng ngón tay út và khi hút máu trầu no nê rồi, thân mình tròn vo như ngón tay cái và dài đến cả tấc.

Đĩa ở miền nước ngọt, nhất là nước tù trong ao, hào vũng sinh lây. Chúng ưa nước đục, chớ ít gặp ở nước trong.

Thường thường, người nông phu sau trộn ngày vất-vã ngoài đồng trước khi về nhà bèn xuống ao vũng đứng rửa sơ-sịa mình mấy, rồi về nhà mới tắm.

Khi nhúng mình xuống nước còn trong khe, thì không thấy con đĩa nào, lối vài phút sau, nước bị động và bùn nổi lên. Đó là lúc đĩa ở dưới bùn chun lên bú máu. Sau khi lên bờ, người nào cũng thấy ít lắm vài con đĩa mén đeo vào chân.

Đĩa trầu thường ở nơi trầu nằm nghỉ : bàu, hầm sinh và vũng lây. Thân mình con đĩa dai lắm, nên người ta thường ví : «Dai như đĩa đói» là phải ! Có thể nói đĩa dai hơn keo-su. Khi chưa hút máu trầu, mình nó dài chừng

5 phân, 10 phút sau, có thể đo được gấp đôi và trở nên no tròn, có khi bằng ngón tay cái.

Người bị đĩa cắn thường lấy vôi ăn trầu thoa trên đầu nó liền đó, nó nhả ra ngay và để lại hai vết, có khi biến thành ghẻ.

Có người cho rằng: đầu chặt con đĩa ra 5, 3 khúc, rồi đem phơi nắng cho khô, khi nhúng nước lối 10 phút, con đĩa sống lại thành đôi ba chục con đĩa nhỏ khác.

Đó là trường-hợp mấy con đĩa có chứa, trong bụng nó có con sấm, lúc chặt ra, làm sao đĩa con chết hết được. Khi nhúng nước, đĩa con sống lại và trong chốc lát, ngo-ngoc và lột được.

Vắt — Vắt thuộc về loại đĩa, mình dài lối 3 tới 4 phân, lớn cỡ, còng chân nhang, không ở dưới nước, mà thường trốn dưới cỏ tại những nơi ẩm thấp và dơ dáy, nhất là ngoài vườn. Nó cũng cắn người hoặc các thú-vật (chó, mèo, chim, cò v. v...) đáng hút máu, nhưng vì nhỏ con, nên ít hại.

Khi trời mưa lâm-râm, nếu mình bước chân trên mấy đồng cỏ khô thường bị con vắt chun trong ống quần và đeo vào ống quyển hoặc bắp vế. Chừng thấy nhột và ngứa như bị muỗi đốt, vén ống quần lên, thì gặp ngay ít con đã hút máu no-nè rồi.

Nó không bò như con cuốn chiếu hay con rít, mà nó « đo » như ta dùng ngón tay cái và ngón giữa mà đo gang vậy. Hễ đặt nó vừa rút tới, thì mình nó cong lại, đầu liền nhả ra mà lẹ-làng đi tới trước, và mãi như thế.

Con vắt tuy nhỏ, nhưng người ta gớm hơn con đĩa, vì nó

ở cả đoàn dưới cỏ, khi động-địa, đôi ba trăm con (có khi nhiều hơn nữa) ngóc đầu lên và đua nhau mà « đo » đặng di-chuyển từ phía.

Cũng như khi bị đĩa cắn, cứ lấy vôi ăn trầu mà chấm vào đầu và đốt liền đó, nó nhả ra, co quặp mình lại, rồi chẳng bao lâu thì chết.

Tại hai sào chim của ông Đội Chiếu (cách tỉnh-ly lối 600 th) và ông Hội-Đồng Độ (ở Bà Hình). có không biết bao nhiêu là vắt, vì các loại chim bay đi tha cỏ về làm ổ, mang nó về sanh sản ra rất nhiều.

oOo

CỌP CÀ-MAU

Trước năm 1915, nếu miền Trung có « cọp Khánh-Hòa, ma Bình-Thuận » thì ở Cà-Mau có « cọp Cà-Mau hầu Đá-Bạc »

Lúc bấy giờ, chung quanh Cà-Mau còn rừng gừa, tràm, rặng, dừa nước mọc um tùm và lắm heo rừng.

Nhà cửa dân-cư làm rào kiên-cố, ngay kế mi nhà sau chớ không trồng vườn tược chi được hết. Còn nhà nào có vườn thì ít khi dám ra làm cỏ, thường để cỏ mọc cao tới lưng quần.

Cọp Cà-Mau không dữ-tợn như ở miệt núi cao, rừng-rậm. Nhiều khi đi rừng ăn ong, đốn đườn hay đốn lá, róc lạt hoặc đốn cây, nếu rủi gặp cọp thì hươu mác rừng và nạt cho lớn vài tiếng vang dội, cọp hoảng sợ cong đuôi chạy mất

Nhưng đôi khi đói quá, cọp cũng vào tận xóm bắt heo và bắt người ăn thịt. Một lần bắt heo của thím Khiếu và hai

lần bắt cháu ông giáo Hậu và ông thân bác hương hào Gổ.

Vì vậy tại vùng Cà-mau, không ai dám gọi là « con » mà là : « ông Thầy », « ông Hồ », hoặc « Hia cạp, khai », hoặc « Hương quản » ! Đình nào, miếu nào, cũng có thờ cạp, gọi là miếu ông Hồ, còn ngay trước sân đình, luôn luôn xây một miếng tường bề cao lối 2 thước, trên có đắp nổi hình con cạp to, vẫn vẹn thấy sợ.

Cạp rất oai. Đi rừng, dắt chó theo, nếu chó quẩn quít theo mình, ngoắc đuôi lia-lịa và la : « oản ! oản » bên mình chu, hoặc té đái là lúc nó đánh được hơi cạp ở gần đầu đó.

Cạp nhiều nhất ở Cái-Bát, Trèm-Trèm và Năm-Căn. Có người thuật lại rằng tại Cái-Bát một chị đàn bà, vì con khóc lúc ban đêm dỗ không nín, bèn bồng lại sát vách lá, nơi có lỗ trống dưới chân giường, đưa chân ra ngoài lỗ vách rồi rửa : « Cạp mà bắt mầy », Rồi cho đứa bé, lúc ấy một con cạp rình ở ngoài từ hồi nào, thò chân vô chụp đứa bé tha đi mất. Từ đó về sau, xóm này không ai còn dám rửa : « Cạp bắt mầy » hay « Cạp vật mầy » nữa !

Lần hồi, dân cư đến Cà-Mau khai thác rừng làm ruộng, cạp bị dồn về những nơi hẻo lánh, rốt cuộc gần như bị tuyệt giống. Hiện nay, ở Cái-Bát và Cái-Ngay chỉ còn có vài con, thỉnh-thoảng thợ rừng mới gặp được thôi, vì hai nơi này còn heo rừng vốn là môi ưa thích của cạp.

Thịt cạp ăn ngon hơn thịt ngựa, đồ sớ và ngọt nước.

Thiên hạ đồn rằng ăn thịt cạp thì phải cử ăn măng tre trong ba tháng, vì nếu rủa thịt còn dính lòng, hoặc rầu vào bao tử sẽ thành sâu. Nhưng đó là câu nói ngoa mà thôi.

Riêng chó thì rất kỵ thịt cạp. Ta thử đem một miếng thịt

cọp quăng cho chó, lập tức nó tập lền, nhưng kể đó, lại nhả ra, sữa lên om-sòm và chạy trốn mất

Đi rừng cũng vậy, hễ đánh hơi cọp là chó té đài ngay.

Ngày trước, chỉ ông quận trưởng mới có súng nên ít ai giết được cọp, trừ ra đôi khi cọp mắc bẫy gài nai hoặc heo rừng, cho nên mới có việc treo giải thưởng 100 \$ cho ai đem nạp da cọp tại quận, hoặc tỉnh.

CHƯƠNG III

Thương-mãi — Giao-thông

THƯƠNG-MÃI

Sản-vật trong tỉnh nhiều, dân chúng xài không hết, mà còn bán cho mấy tỉnh khác, chở về Thủ-đô, xuất cảng ra ngoại quốc nữa.

Sản phẩm chánh là lúa ở trong ruộng chở ra tỉnh-ly bán cho mấy chánh, rồi chánh còn lại cho ghe chài có tàu dòng từ



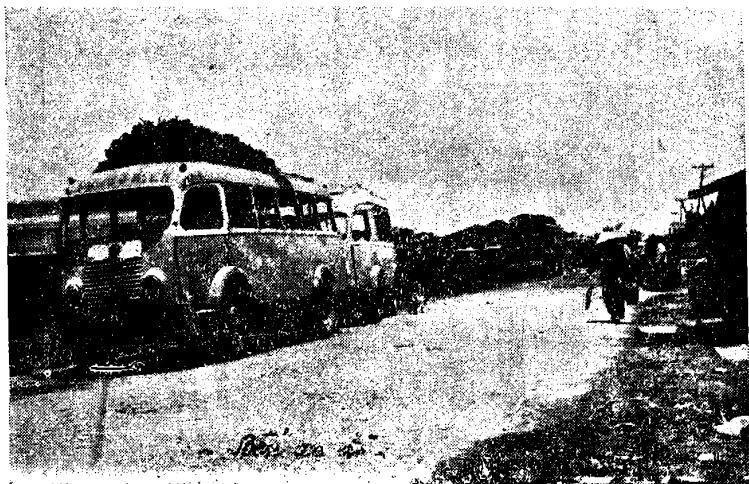
đoàn về Chợ-lớn xay ra gạo. Hiện nay giá thị-trường một gia lúa tại Cà-Mau là 800 đồng.

Cá biển, cá khô, vi cá, bong bóng cá mè, đường, cũng được chở về Thủ-Đò, hoặc bán tại chỗ cho tàu Tân-gia-ba đậu ở ngoài khơi vàm sông Ông Đốc và Rạch Gốc.

Mỗi ngày xe vận tải chở về Sài-gòn nào cá mẳn, heo, gà, vịt, trứng, cá đồng, cá bống kèo, mật ong, sáp, rùa, lươn, đuòn, da trăn, da kỳ đà, da rái, tôm khô tôm lụi, mắm con, mắm ruot, khô lóc, khô sặc, các loại hoa-màu v.v... Giá thị trường một ký tôm khô từ 900 đồng đến 1.000 đồng.

Ghe chài còn chở than, củi, cừ, lá dừa nước, lạt ; ghe rồi thì chở nước mắm, dưa hấu, vỏ dứa, cây mốp (để làm nón) vòng rừng (để làm guốc), dây choại và chiếu lầy.

Xe hàng ở Thủ-Đò chở về tỉnh-ly : tơ, lụa, hàng vải,





đồ hộp, trái cây ngoại quốc. các thức uống, đồ hàng xén cho mấy tiệm tạp-hóa, săng nhớt dầu lửa v.v.

Vì tình lý ở vào thời kỳ kiến-thiết, nên nhiều nhà thầu xây cất nhà cửa và phố xá chở về nào cát, cây mít và đá ở miệt Long-Xuyên, Châu-Đốc, gạch ngói ở Sa-Đéc và Vĩnh Long, tôn, xi-măng ở Sài-gòn. Còn cây ván thì trại cưa ở tỉnh cung-cấp đầy đủ.

Quán cốc cất dãy-đặc theo mé sông từ lò heo đến khỏi Cầu-quây, chen-chít nhau trên một cây số, không chứa một ngõ nào đặng đi xuống mé sông.

Tiệm buôn trưng bày đủ thứ hàng hóa, xa xỉ phẩm, và đồ ngoại quốc.

Vào buổi sáng mai, chợ nhóm chặt hết đường cái từ cầu

tàu ngó qua Ty Công-Chánh đến rạp hát Huê-Tinh : kẻ mua người bán tới lui rộn-rịp, nhiều đến đôi chen chân không lọt, người đi đường len lỏi dưới hàng ba cửa mấy tiệm buôn mà xê-dịch khó-khăn.

Lúc sau này, có thêm một cái chợ lộ-thiên nữa lập tại đập Kinh 16, là chỗ có bến tàu đò, cũng bán đủ thứ thực phẩm cần thiết : thịt heo, cá, rau cải, trái cây, nhiều nhất là tôm cua, giá rẻ hơn trên chợ.

Đêm đến, đèn điện «nê ông» thấp sáng trưng trên các đường sá, du khách dùng thì giờ nhàn-rỗi đến hai rạp cải-lương và chớp bóng «Huê-Tinh», «Huỳnh-Long»] đặng giải trí trong vài tiếng đồng hồ (hiện nay hai rạp này chưa tiện mở cửa_lại).



Phía sau chợ tại Công.trường «Bạch-Đặng» giầy-đầy các quán bán thức ăn và nhậu : cháo tiều, cháo cá, cháo gà, vịt, mì, hủ-tiểu, chả giò, nem nướng, hột vịt lộn, đồ ngọt v.v... quy tụ khách đi dạo mát và tạo quang-cảnh rộn-rịp và vui mắt, làm cho người nào đã lìa khỏi Cà-mau trên 10 năm nay nhìn không ra bộ mặt cũ của quận xưa nữa.

Nền thương-mãi được phát triển mau-chóng là nhờ dân cư đông, thêm phương tiện giao-thông được nới rộng.

Sự phồn-thịnh này còn hứa-hẹn một tương-lai huy-hoàng hơn

oOo

ĐƯỜNG GIAO-THÔNG

Tỉnh An Xuyên có nhiều sông rạch, nên sự lưu-thông rất dễ-dàng bằng ghe xuồng chèo hay gắn máy và tàu đò

Về đường bộ chỉ có ba đường :

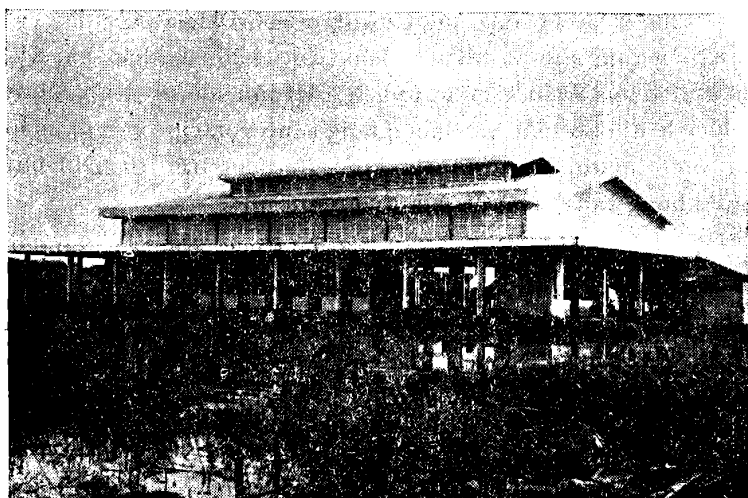
1) Từ Tỉnh-ly đến Tắc-Vân là quận châu-thành Quản Long cách xa 12 cây số 200, đi luôn lên Gia rai là 35 cây số.

2) — Cà-mau — Năm-Căn : 65 cây số qua các xóm : Rạch Rập, Nàng, Âm, Rạch Muối, Rau-Dừa, Cái-Nước, Phú-Mỹ và Đồng Cùg.

3) — Càmau — Thới-Bình : 36 cây số qua các xóm : Tân-Lợi, Tân-Lộc, Đầu Nai, Chợ Hội và Điền Huyện Sử.

Đường thứ nhứt thuộc về quốc lộ 16 nên được tráng nhựa và tu-bổ thường xuyên : xe đò nhỏ, xe lam và xe lôi (rò-mọt) có gắn máy đưa bộ hành từ sớm mai tới chiều.

Hai con đường sau vừa đồ xong đất đỏ hăm đặng làm



*Chợ mới đã cất xong
Hiện giờ, nhiều dãy phố lầu mọc lên đại lễ «khánh thành»
đặng mở tiệm buôn*

nền tảng, thì gặp thời cuộc khó khăn. Trước kia xe đò chạy từ Cà mau vô tới Tân-Lợi, Tân-Lộc; còn đường đi Năm-Căn thì chưa kịp mở cho xe cộng-đồng chạy, chỉ có công-xa xử-dụng được lối 5,6 tháng rồi thôi.

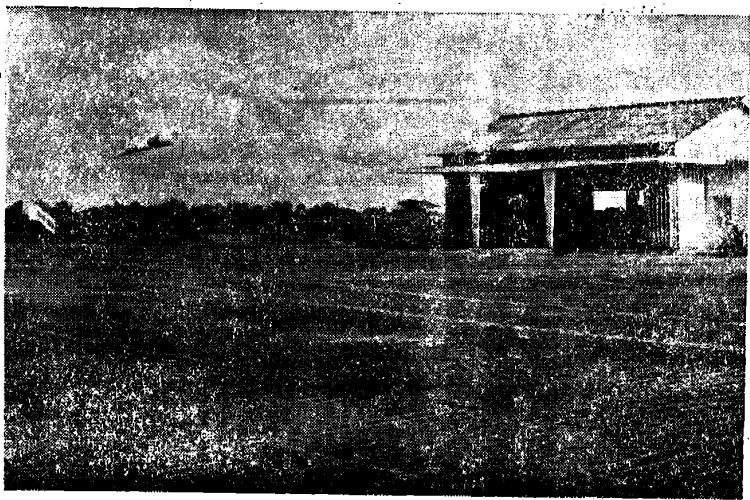
Ngày nào an-ninh trật tự vẫn-hồi, đường Cà-mau — Năm-Căn sẽ là mạch máu chánh của tỉnh An-Xuyên, vì chẳng những có xe đò đưa rước hộ-hành, mà xe vận-tải còn đến tận quận-ly Năm-Căn chở than được và thổ sản lâm sản và hải-sản (nhứt là tôm khô) ở miệt Ông Trang và Rẫy Chệc về Tỉnh-ly và Thủ-đô.

Tàu dò và ghe máy chuyên-chở hành khách chạy từ Tỉnh-Lý đến Cái-Tàu, Trèm-Trèm, vàm sông Ông Đốc, Đầm Dơi, Bàu Sen, Xóm Thủ và Năm-Căn.

Trên đường xe hơi từ Cà mau đến Sài-gòn có nhiều hãng xe đồ chạy mỗi ngày, hành khách tấp nập, nhưng thường bị kẹt hai bắc «Cần-Thơ» và «Mỹ-Thuận».

Ngày 23-1-1962, Hàng Không V.N. mở đường bay từ Sài-gòn đến Cà mau. Lúc ban đầu dùng máy bay Cessna 5 chỗ ngồi đáp tạm xuống sân bay quân sự ở gần cầu sắt Gành Hào.

Từ khi hoàn thành sân bay dân sự, cách tỉnh-lý 20 k.s., thì lại có «Dakota C.3» được 30 chỗ ngồi, đem ra bay và dọc đường có ghé qua Cần-Thơ. Hành khách mỗi



Sân bay dân-sự

ngày thêm đông đảo, nhứt là thương mại.

Hiện nay giá biểu hành khách lên rất cao : giá vé một lượt Saigon — Camau là 2.370 \$; hành lý thặng dư : 47 \$ 40 một ki-lô ; hàng hóa 31 \$ 60 một ki-lô (áp dụng kể từ 16 02-1972).

Nhiều khi có chuyến bay đặc biệt và kể từ ngày 1-5-1968 đến nay khỏi ghé trạm Cần-Thơ.

Trước năm 1945, Chánh-Phủ Pháp, vì thấy tương lai của Cà mau hứa hẹn rục-rỡ, nên vạch dự đồ án cho xáng xút vằm sông Ông Đốc thêm rộng lớn và còn xút thêm một con kinh thật sâu từ ngã ba Gành Hào băng tắt qua sông Ông Đốc để lập tại quận lỵ Cà mau một thương khẩu thứ nhì.

Nhưng biến cố xảy ra, dự án phải hoãn lại.

Bài bổ túc

HÒN KHOAI

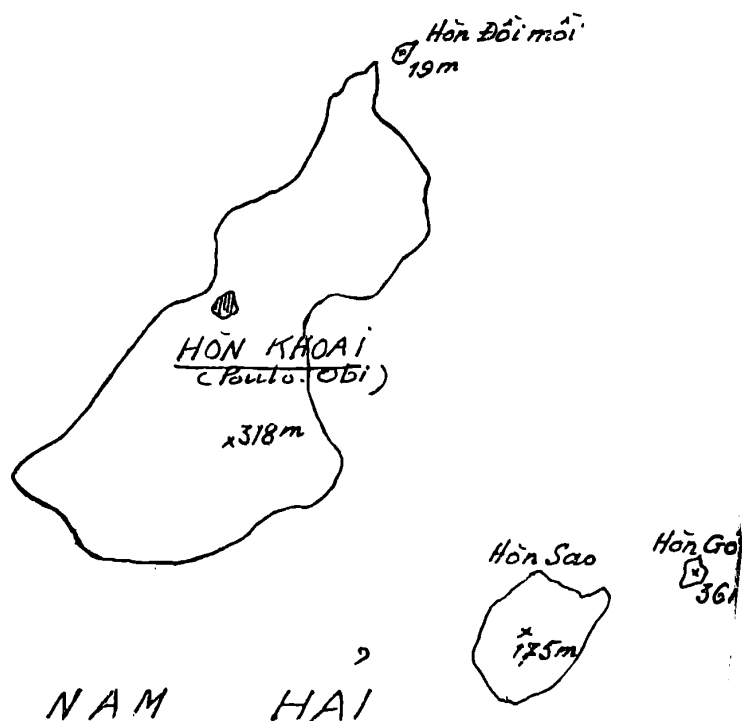
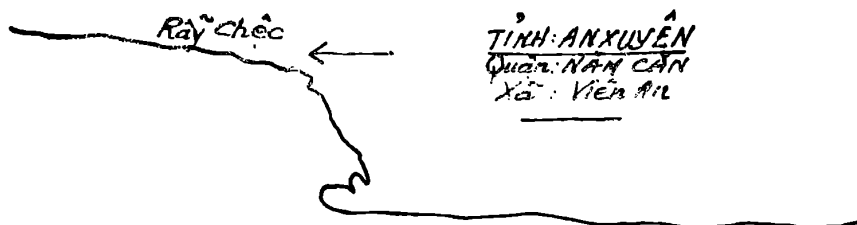
Hòn Khoai tiếng (Pháp gọi : Poulo Obi) là thắng cảnh đẹp nhất trong tỉnh An-Xuyên, nằm ngoài biển Nam-Hải, phía Nam.

Hòn cách xa đất liền 12c.s. 250. Tại bờ Rẫy Chệc, hình bóng Hòn-Khoai giống như trái dừa khô trôi lắc-lư ngoài biển, phía trên có màu đỏ chói : ấy là nóc tháp Hải đăng lợp bằng ngói tây.

Diện tích Hòn phỏng chừng 5c.s. vuông cao 13 lần hơn Hòn Đá Bạc, mồm cao nhất là 318 m. Từ lâu rồi, người Huê-kiều đến ở làm rẫy và trồng cây ăn trái. Vì vậy đến nay, còn nhiều bụi khoai mì, khoai rạn và nhất là khoai mỡ có gai nhọn, củ dài đến 0,m 60 mọc rải-rác đó đây và trong kẹt đá, cùng nhiều cây xoài và mít gốc to lớn và tàn sum-sê có thể gọi là cổ-thụ.

Đồng bào ở xóm Rạch Gốc, Rạch-Tàu và Rẫy Chệc thường dùng ghe nóc, trọng tải đến vài trăm gia đến chở nước hòn đem về uống. Nhiều mạch nước ngọt chảy xuống tới mé biển nghe lách tách, người ta cứ đặt máng xối cho nước chảy xuống ghe (gọi là chở lan) hoặc vào lu mái đem về để dành uống.

Chung quanh hòn toàn là đá và vực sâu, không có bãi cát. Hòn chia ra 2 phần như ở Vũng-Tàu : bãi trước và bãi sau.



Bề cao (mồm núi cao nhất): 318 m
 Diện tích: phỏng chừng: 5 Km² 600
 Cách xa đất liền: 12 Km 250
 (bờ biển)

Tại bãi³ sau, không nhà cửa chi hết : chỉ thấy vài chòi lá thô-sơ của người đánh cá ẩn-trú lúc giông mưa.

Nơi bãi trước, vài nhà người Huê-Kiêu cất đã lâu năm rồi; họ trồng củ sắn và vài thứ cây thuốc Bắc như : Xuyên-diên-thất, cây họ-phát có vỏ dày như vỏ quế, cây sâm-nam củ lớn bằng ngón chân cái, có vị nhân nhần, xắt mỏng ra rồi chưng, dùng trị bệnh đau bụng rất hiệu nghiệm. Họ còn trồng nhiều cây chanh giầy, trái to bằng cườm tay. nhưng ít chua hơn loại chanh thường, trái nhỏ hơn.

Đọc theo mé hòn, nhưt là ở bãi sau, nước trong vắt đến đôi thấy dạng nhiều con cá mập nhỏ lợi vồn-vơ theo kẹt đá ngầm đặng rình đớp loại cá nhỏ. Tại đây còn có long tu (rong biển) đóng theo nhiều tảng đá, mà người ở Rạch-gốc đến lấy nước hòn, thường dùng dao bén cạo đem về nấu canh với với cá, ăn mát và bổ. Nhiều bầy chim nhạn và én liệng qua liệng lại không ngớt.

Đường lên hòn cũng dễ đi, nhưng mất bọn thì giờ, vì đi theo khu ốc, như đường lên Đà-Lạt vậy.

Đọc đường, phong cảnh rất đẹp : hai bên mé, nhiều loại hoa rừng mọc xen trong kẹt đá, phò đủ màu sắc, quuyến rũ ong bướm bay lảng-vãng.

Du khách nghe tiếng róc rách của khe nước chảy, tiếng rừ-rì của cu xanh trốn nắng trong mấy lùm cây sắn, tiếng liu-lo của chim chia-vôi và nhiều bầy trau trầu bay kiếm mồi về nuôi con, hoặc đánh giặc mỏ vôi nhau giành trên mấy quày chuối rừng vài trái chín bói.

Trên cành, nhiều con nhen và sóc nhanh-nhen nhảy lên tuốt xuống tìm trái cây khô mà gặm, hoặc chơi trò cút bắt vờ nhau.

Lại còn tiếng kêu chát chúa của vài cặp chim cao-các (1) Khiến chim nhỏ rút vào lùm lá sum-sê mà ẩn trốn. Vào khoảng nửa đường lên tháp, có cái hồ thiên nhiên đầy nước trong vắt, do dài khe chảy vào, tràn xuống đến tận mé hòn phía bãi sau. Tại hồ này, nhơn viên tháp Hải-đăng thường đến tắm.

Trên đỉnh hòn tháp vươn mình trôi-trọi trên nền trời cao vút và xanh biếc : mây bay thấp thoáng, gió thổi vùn vụt, lũ khách thấy được cảnh trời nước bao la và sự hùng-vĩ của núi non.

Từ xa xam, lù lù rẽ nước chạy ngang qua hòn một chiếc tàu, cái ống khói khổng lồ và đen kịt phun ra từng chấp nhiều cuộn khói dày đặc. Nhiều khi, còi tàu ư lên inh-ôi, như hiệp sức với sóng gió đặng tạo thêm nhiều tiếng ồn-ào, hỗn độn, khôn tả.

Chính tại nơi đây, hồi cuối năm 1940, người «gát-dan» hải-đăng tên Olivier (mới vừa thay thế Ô. Lebras) bị ám-sát do một nhóm 10 người quá khích, trong đó có tên Xến, con một người Huê-Kiêu, có nhà ở tại hòn đã nhiều năm. Người cầm đầu là ông giáo Phan-ngọc-Hiền nguyên trưởng-giáo trường Rạch-Gốc, lúc ấy ở tại hòn dạy học tư cho một nhóm trẻ.

oOo

(1). Chim cao-các : Loại chim ở miền núi, giống như công : có lông đen mỏ vàng phía trên mỏ như có chấp thêm cái mỏ thứ nhì thường gọi là chim «lính» như chim hồng-hoàng vậy.

Rất tiếc là Hòn Khoai ở cách xa bờ biển trên 12 c.s nên ít ai đến viếng. Nhưng đồng bào ở Rạch-Gốc, Xóm Thủ, Rẫy Chèc, Ông Trang và Rạch Tàu, qua mùa gió thuận biển êm, thường đến lấy nước uống hoặc tìm bắt đồi mồi, lấy ỏ yến hay cạo rong biển.

Đến đây, ai ai cũng được thoải mái với cảnh trời nước bao la, nhưng lại ngậm ngùi cho loài cá và con người giết lẫn nhau :

Biển rộng thình thình cá ăn cá,

Trời cao lồng lộng người giết người !

(âm chỉ cá mập con đớp loại cá nhỏ và vụ ám sát năm 1940)

oOo

HÒN ĐÁ BẠC

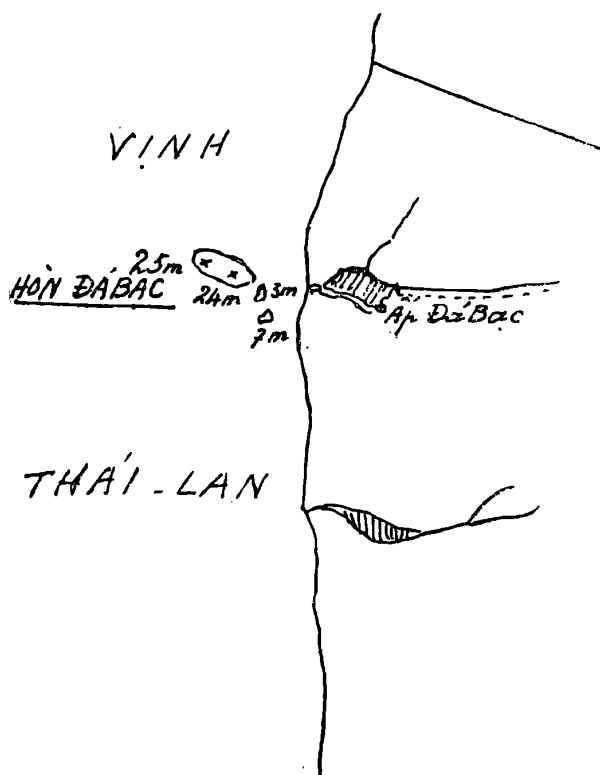
Hòn Đá-Bạc nằm trong vịnh Thái-Lan chỉ cách đất liền 460 th mồm cao nhất được 24 th, diện tích phẳng chừng 6 mẫu 75, cách vàm sông Ông Đốc lối 27 c.s về phía Bắc, và thuộc về xã Khánh Bình-Tây, quận Sông Ông Đốc.

Muốn đi đến hòn phải dùng ghe biển chạy buồm và mất chừng 4,5 tiếng đồng hồ, tùy theo gió xuôi hay ngược.

Như tên đã gọi, chung quanh hòn, trên mặt nước cũng như dưới đáy biển, có nhiều tảng đá màu hơi trắng. Nhờ đó, con hàu đóng theo thành khối ở dưới nước sâu lối 9,10 thước.

Phong - cảnh bao - la, nhưng kém vẻ hùng-vĩ hơn Hòn Khoai, vì phía đông ở gần đất liền và rất cận ; khi nước ròng

TỈNH: AN XUÂN
 Quận: Sông Ông Đốc
 Xã: Khánh Bình Tây



Bề cao (mồm núi cao nhất): 24 m
 Diện tích (phỏng chừng): 67.500 m²
 Cách xa đất liền (bờ biển): 460 m

sát, người ta có thể lội chân từ bờ ra tới hòn, vì nước ngập đến ngực là cùng.

Trên hòn có ngôi chùa nhỏ, lợp lá, chung quanh trồng chút ít hoa quả. Ban ngày gió thổi hiu-hiu, ban đêm trăng soi vắng vặc tiếng chuông chùa « bon bon » vọng lại, hòa lẫn với tiếng mõ « lốc cốc » như cảnh tỉnh và thúc giục con người mau cải-tà qui-chánh đứng tu như tích đức.

Phía Bắc và phía Tây rải rác vài chòi lá của những người đánh lưới ngoài khơi che tạm để tránh cơn mưa giông, chỉ có phía Nam là đứng kè.

Trên mặt biển, ít khi sóng lớn, nhiều tảng đá nhô lên « rơ gan cùng tuế nguyệt ». Du khách cứ lựa một tảng nào bằng phẳng, dọn hỏa lò ra đặt ăn « tạp phẩm lù » với con hào.

Hàu ở đây như ở Thọ Mai (xã Phú-Mỹ) lớn con và ngon như hàu ở Nha Trang vậy. Thọ lặn đem lên từng khối to chẻ ra từng con, rồi ăn sống với chanh hoặc ăn chín tùy sở-thích. Đệ tử Lưu-Linh nào có dịp đến đây ăn hàu tươi mới vừa chắt ra, chắc chắn sẽ « quất » ngay trên mấy tảng đá.

Chính tác giả làm cảnh này hơn một lần, tuy không phải là bộn nhậu.

Vì vậy nếu viếng Hòn Đá Đạc thì hãy nhớ mua hàu đem về, hoặc ăn tại chỗ.

Khung cảnh hoang vu và trang nghiêm của hòn nhắc cho người lữ-khách nhớ đến hai câu thơ của Bà Bang Nhãn, khi tả cảnh núi Ngũ Hành :

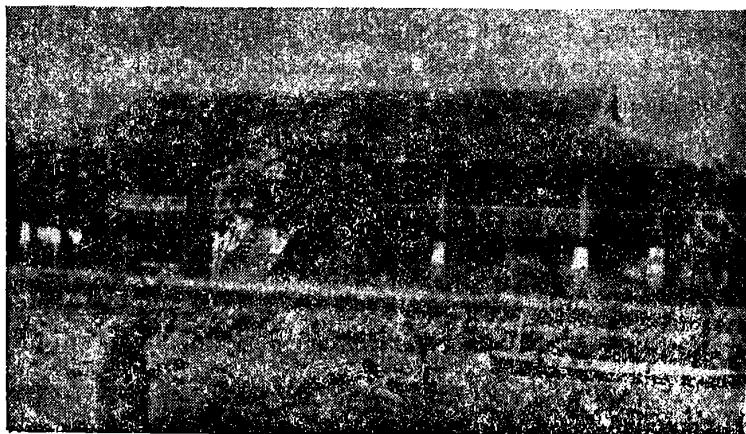
« Cảnh trí nào hơn cảnh trí này :

« Bồng lai thôi cũng hẳn là đây ».

NĂM - CĂN

Chúng ta thường nghe nói đến hai tiếng Năm Căn, như là than được Năm-Căn, vì vùng này toàn là rừng cấm, đầy được và vẹt, cung cấp than cho Nam phần. Nhưng ít ai có dịp bước chân đến Năm-Căn, vì xa xôi, cách tỉnh lỵ lối 85 c.s. về đường thủy và 65 c.s. về đường bộ.

Năm-Căn nghĩa là 5 căn nhà. Trước kia, tại đây, không thấy một nhà nào cả. Nhắm chỗ trung-tâm giáp nước, nên thương thuyền thường qua lại, hoặc xuống Ông-Trang mua tôm khô và cá khô biển, hoặc qua rạch Bà Thanh hay Ông Định đốn củi, hoặc xuống Rạch-Gốc chở ba-khia và ốc len, hoặc ra Rẫy Chệt chở dừa hủ.



Nha quận Năm Căn (1940)

Đầu tiên, một người Huê-Kiều tên Chệc-Hột đến đây dựng lên 5 căn trại đáy. Lần lần, vài người Huê-Kiều khác cũng đến cất nhà rãi-rác dựng đóng đáy và làm rẫy : tôm cá được nhiều và hoa quả tốt tươi.

Thấy được nhiều huê-lợi, đồng bào Việt-Nam lần hồi đến đây sanh-nhai bằng hai nghề nói trên.

Vào năm 1938, Năm-Căn đã trở thành một thị-trấn sung-túc rồi : lò than mọc lên như nấm, nhà cửa đông-đảo dân cư tấp nập, thương mại phồn-thịnh, ghe cộ và tàu dò rộn-rịp. Năm Căn, một quận cũ của tỉnh Bắc-Liêu , tuy ở xa - xôi nước mặn và nhiều muỗi, nhưng là giàu nhất của tỉnh An-Xuyên hiện nay, nhờ huê-lợi rừng cấm (củi, than) và hải sản (tôm cá).

Qua năm 1942, có đường xe hơi đi từ Cà-Mau đến Năm Căn, xuyên qua các xóm Rạch Rập, Rạch Muối, Cái-Rắn, Rau Dừa, Cái Nước, Phú Mỹ và Đồng-Cùng. Vì đường chỉ trải bằng đất hầm nên lúc đó chưa mở cho sự lưu thông công cộng. Hiện nay, đường xe này bị đứt đoạn nhiều chỗ chưa tiện sửa chữa.

Về đường thủy, tàu dò chạp mỗi ngày đưa trước hành khách và tải về tỉnh-lỵ các thổ sản ở Năm-Căn

Chợ Năm Căn nằm bên hữu-ngạn sông Cửa Lớn, bắt nguồn từ ngã ba Tam-Giang đến mũi Ông Trang. một ngọn sông rộng lớn, nước chảy mạnh nên ghe thuyền tấp nập tại quận-lỵ chở củi ở rừng cấm về lò than, rau cải ở Rẫy



Hạt Thủy-Lâm Năm Căn (1943)

Chèc, cá biển và sò huyết ở Ông Trang, tôm khô ở Rạch Tàu...

Chung quanh Năm-Căn, bên hữu-ngạn cũng như bên tả ngạn, có rất nhiều lò than, ngày đêm khói lên nghi-ngút chẳng khác chi khói nhà máy xay lúa ở Bình-Đông và Bình-Tây. Luôn luôn người ta phải hít mùi khói khét ngột và hơi cay của dầu bấc củi được cháy trong lò.

Nền trời Năm-Căn ngày đêm bao trùm một vầng khói đen từ lò than bay ra.

Ở Năm-Căn việc sanh nhai rất dễ dàng: dân tứ xứ đến ở dòng đảo đặng làm củi cho lò than, hoặc sống về nghề chài lưới. Người lao-động mỗi tháng trung bình làm ra trước năm 1945, lối vài trăm đồng bạc là sự thường, và người ta

hay nhắc đến câu : «Nhất phá sơn lâm, nhì đấm Hà Bá» là vì đó.

Thật vậy, ở Năm-Căn, làm giàu mau nhất là phá rừng kể đó là nghề hạ-bạc (chài lưới). Nhưng làm ra tiền dễ dàng thì tiêu tiền cũng mau lẹ. Ở Năm-Căn có tiếng là nơi dân cư bị xô đẩy vào hai tật xấu : «Chơi tiền và giỡn tiền». Vì vậy dân nghèo vẫn hườn cốt.

Quận-ly Năm-Căn càng ngày càng sung túc thêm. Khi nào trật-tự an-ninh vẫn bời thật sự, đường xe hơi được trải đá, xe đồ, xe hàng lên xuống rần-rộ, đồng bào sẽ đến viếng Năm-Căn một cách dễ dàng.

Và nhờ đó Năm-Căn sẽ trở nên phồn-thịnh hơn nữa
oOo

RẦY CHỆC

Cách vàm Rạch-Gốc lối 12 c.s. và mũi Cà-Mau 10 c.s. có một xóm gọi là Rầy-Chêc trước kia trong địa đồ ghi là «Jardin Chinois» chạy dài theo mé biển độ chừng 3 c.s. rưỡi nằm giữa hai con rạch Nhưng-Miên và Khải-Long.

Cách đây trên 40 năm vài người Huê-Kiều đến đây làm rầy, trồng rau cải và cây trái, huê-lợi được nhiều, vì phong thổ hợp và có bãi cát như biển Hoành-Tấu ở Bắc-Liêu, song đường lưu thông chỉ xử-dụng được các con rạch nhỏ, quanh co khúc-khuỷu, trải qua một mạng nhện rạch, ghe xuồng thường đi lạc đường.

Nếu đi ghe máy, từ xóm Ông Trang đến, phải mất

ít nhất là 4 tiếng đồng hồ, còn kể từ tỉnh-lỵ An-Xuyên, thì đường dài trên 90 c.s. Bỏ lẽ ấy, người Huê-kiều đã bỏ nơi này, nhường lại cho người Việt-Nam.

Đây là một bãi cát đẹp màu vàng, lúc nước ròng sát có thể đi ra xa gần trăm thước mới gặp bùn lầy. Từ mé biển vô lối 20 th, rau muống biển bò dày đặc với bông màu hường lợt. Rồi kế đó, là cây thuốc cá, dùng làm thuốc đề khử trùng và giết sâu bọ (trong việc trồng lúa).

Phía trong bờ trồng dừa ta, dừa xiêm, chuối, chanh, rau, thơm, củ cải, bắp cải, nhưt là dưa hấu : có thể gọi là « dưa khổng lồ » lớn chưa từng thấy, thịt vàng và đỏ hột đen rất ngọt. Nhiều quây chuối lá xiêm trên 10 nải, mỗi trái lớn bằng trái chuối hột, nhiều quây dừa xiêm gần 20 trái, phải đốn



nguyên quày chớ vắn bề từng trái không được, có cây rất thấp đứng dưới đất với tay là tời trái. Rau thom thì lá lớn, bắp cải tốt cân nặng đến 3 ký, không kém bắp cải Đà-lạt bao nhiêu, còn chanh giấy thì lớn gần bằng trái quít đường, măng cầu dai cũng to trái và ngọt.

Hai vườn lớn nhất ở đây thuộc về ông Quản Sặng đã đi qua Pháp đánh trận giặc Âu-Châu (1914-1918) và của người em là ông Ba Sang, nổi tiếng là có dưa hấu, lớn trái ngon và ngọt.

Kể mi vườn, là ven rừng mắm, đước và vẹt con, cao lối vài thước, ốc len đeo từng chùm trên cành, cứ rung nhánh cho nó rớt xuống bắt bỏ vào giỏ

Dưới đất, ba khía bò loi nhoi. Dọc theo mé biển, lúc nước ròng, trẻ em bắt con nghêu rất đông. Ban đêm, cách Rẫy Chệc lối vài cây số, hướng mắt về phía Rạch-Gốc, người ta thấy đèn bắt ba-khía trong rừng mắm thấp sáng một góc trời. Ba-khía này có tiếng ngon, gọi là ba-khía Rạch-Gốc, cũng như gọi than đước Năm-Căn vậy.

Từ chập, ánh sáng đèn hải-đăng lờ ra rọi đường cho tàu đi biển. Ban ngày, ngó ra khơi thấy Hòn Khoai rõ ràng, trên đỉnh là tháp hải-đăng nóc lợp ngói tay đỏ chói. Hình thoảng tàu khói chạy qua chạy lại phun trên nền trời khói đen nghịt, hoặc thuyền đánh cá theo ven biển giương buồm trắng xóa coi lạ mắt và ngoạn mục.

Chẳng những Rẫy Chệc là nơi sản xuất rau cải và trái cây to lớn và tốt, mà lại còn là nơi nghỉ mát hiếm có, nhưng

phải tránh tháng sáu và tháng bảy dương lịch là hai tháng có muỗi nhiều nhất (vì gió trong rừng thổi ra biển).

Tỉnh-Trưởng Bắc-Liêu Ô. Mialin, năm 1942, đã đến viếng bãi cát tốt này và có mỹ ý cho cất một nhà nghỉ mát cao ráo gần vườn dừa hấu của ông Quản Săng.

Rồi đến năm 1943, trước khi dời tỉnh Bắc-Liêu về làm tham-biện Cần-Thơ, ông lại ra lệnh cho Ty Giáo-Huấn tổ-chức một cuộc nghỉ hè trong 3 tuần cho đoàn học sinh gồm 40 trẻ trường tiểu-học Cà-Mau, thấu thập được kết quả khả quan.

Cuộc nghỉ hè này do tác giả điều-khiển với sự cộng tác của 4 giáo chức Cà-mau.

oOo

MŨI CÀ-MAU VÀ BÃI BÙN

Chung quanh mũi Cà-Mau và Bãi Bùn, dọc theo mé biển bùn lộn với cát (phù sa) vẫn tiếp tục bồi lấp bờ biển không ngừng.

Tại Bãi Bùn, nhất là lúc gió mùa hạn thổi, nước bùn biển Nam-Hải phụ thêm vào nước trộn đất phù sa của sông Cửu-Long chảy xuống mũi Cà-Mau gặp giọt nước bên vịnh Thái-Lan chảy qua làm cho mũi này và Bãi Bùn trước kia rộng mênh-mông, nay hẹp lại và chỉ là một bãi lầy.

Theo tài liệu trong địa đồ in năm 1904 và nhiều hình ảnh do máy bay chụp sau này, chúng ta thấy từ cửa Gành-Hào đến vàm rạch Đường Kéo, đã mất một nửa thửa

đất chạy theo mé biển lối 4,000 th, tính ra trung bình mỗi năm lở 90 th, bởi các lý do sau đây :

1. Tại mũi Cà-Mau, nằm bên phía vịnh Thái Lan, mỗi ngày có hai con nước 1 lớn và 1 ròng.

2. Từ mũi Cà-Mau đến Vũng-Tàu, trong biển Nam-Hải mỗi ngày có 4 con nước : 2 lớn và 2 ròng.

3. Ngọn gió mùa hạn thổi mạnh hơn mùa mưa, nên nước biển Nam-Hải có chất đất phù sa chảy mạnh hơn đem lại nhiều bùn lóng tại mũi Cà-Mau và Bãi Bùn.

Như thế, trong 7,8 chục năm nữa, mũi Cà-Mau và Bãi Bùn sẽ là một vùng cây mọc um-tùm nhờ đất bồi thêm.

Bằng chứng, là vào năm 1935, Ông Moquillon, giám-đốc Ty Thủy-Lâm Cà-Mau, đi từ Ông Trang đến Rạch Tàu, cách mũi Cà-Mau vài cây số, theo mé biển, phải dùng một chiếc ghe biển nhỏ, vì tầm nước có 1 th 35 mà thôi. Còn hiện bây giờ, thì chỉ dùng xuồng có thâm hạ 0 th 50 là nhiều.

Một yếu tố quan trọng nữa làm cho Bãi Bùn ngày một lấp thêm mau, là mạng nhện rạch ở vùng bán đảo Cà-Mau (xin xem lại bản đồ) lúc nước ròng, chảy ra biển, xuyên qua nhiều giáp nước và lưng tôm (dos d'âne) hai bên mé biển dày đặc cây cối, nhứt là rễ cây mắm ăn bằm xuống đất nên giọt nước bị giảm tốc độ, thành thử đất bùn lắng xuống vòm ở Bãi Bùn.

Trái lại, cũng theo hình ảnh chụp trên máy bay trong tháng giêng 1949, khi dòm xuống, người ta thấy, từ cửa sông Gành Hào đến vòm rạch Đường Kéo, mé biển như là một

cái áo bị xé xơ xác, đó là gió thổi và nước chảy mạnh làm bờ bị lở một ngày một thêm ; lở cho đến đỗi trước kia có một số cù lao nhỏ nay đã tiêu mất hết. Nhiều chỗ lở sâu vô, bực trung là 4 c.s, đôi khi đến 6,7 cây số, trong thời-gian trên 60 năm.

Cũng trong khoảng mé biển nói trên, qua mùa hạn, người ta thấy nhiều lươn sổng to dài đến 35 th.

Trái lại, từ vàm rạch Đường Kéo đến mũi Cà Mau và đi luôn quá mé vịnh Thái-Lan, thì đất bồi không có chỗ nào lở cả, vì gió mùa thổi không mạnh, giọt nước không chảy mau, và cũng nhờ dọc theo mé biển có nhiều cây mắm trắng, rễ mắm cầm đất lại. Bồi nhiều nhất là từ mũi Ông Trang đến cửa sông Bảy Háp.

Tóm lại, đất lở phía bên biển Nam-Hải được bù trừ lại phía bên vịnh Thái-Lan, tại mũi Cà-Mau và Bãi Bùn, là hai nơi mà rừng vẹt được trừ phủ đã mọc lên từ 30 năm nay và đã qui tụ một số đông dân cư sống về nghề làm củi.

Xem địa đồ tỉnh An-Xuyên, chúng ta thấy mũi Cà-Mau nhô ra ngoài biển cả, phía đông và nam là biển Nam-Hải, phía bắc là vịnh Thái-Lan.

Nhưng khi bước chân đến nơi, hoặc trên máy bay dòm xuống thì thấy rõ ràng là mũi không còn hình nhọn : chỉ thấy một dãy đất bề ngang lối 4 c.s. có một vũng eo bị đất phù sa bồi cạn một ngày một ít như ở bãi ông Trang.

Đứng trên mũi này, thấy hai xóm : ấy là xóm Mũi và xóm Rạch Tàu, cách mé biển lối 600 th. Còn cách Xóm Mũi hướng mắt về phía đông, lại thấy một bãi cát chạy dài theo Rẫy Chẹt,

ngó ra khơi thì thấy Hòn Khoai xanh um, nằm giữa trời nước mênh mông

Khi nước nhảy lớn, nhiều đoàn ghe lưới ngoài khơi chạy buồm về phía Rạch-gốc và Rầy-Chệc, hoặc về Xóm Mũi, hoặc vô Rạch Tàu về xóm. Ghe nào cũng chở đủ thứ cá biển : bống mú, cá vượt, rô biển, cá hường, cá chét, cá gộc và tôm xi-buối để làm tôm lụi.

Chim nhan sen, ban ngày sắp hàng đi tới đi lui rượt bắt cá thòi lòi, con còng và con dĩa tràng. Đứng ở xa, người ta tưởng như thấy một đoàn lính đang diễn binh và sắp hàng đi tới.

Khi đêm tối đến, kể từ tháng 8 d.l. thì quang cảnh mũi Cà-Mau thay đổi nhiều và không khí trở nên mát lạnh : gió biển thổi rào rạt vào bờ và dồn muối vào rừng cấm. Trong rừng, trên cành cây, hằng triệu con đom đóm nhấp nháy coi rất đẹp mắt trong khi tiếng dế rầu-rĩ, hòa lẫn với tiếng sóng vỗ và tiếng kêu chát chúa của loài chim ăn đêm.

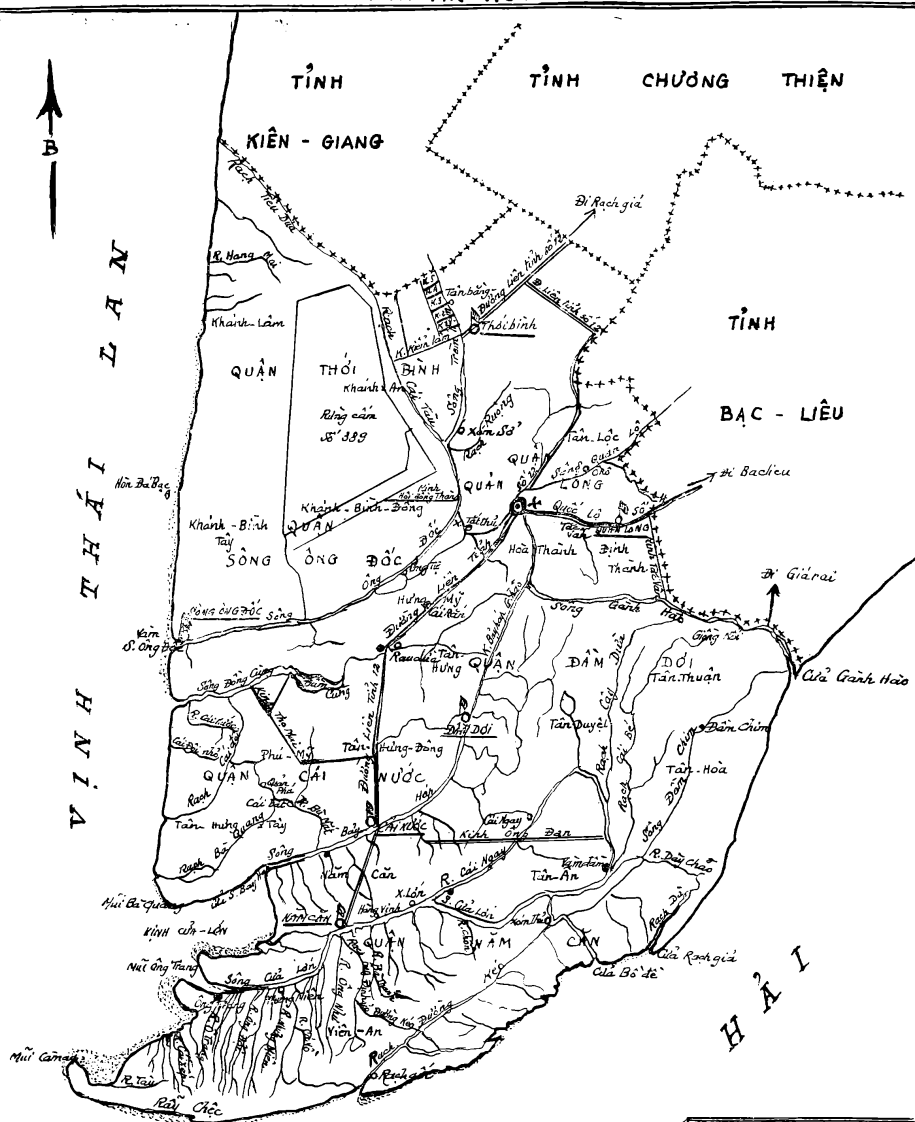
oOo

LÒ THAN NAM-CĂN

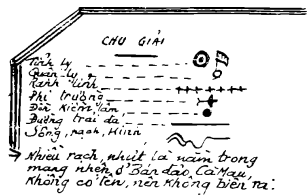
Trong toàn xứ Việt-Nam, tỉnh An-Xuyên đứng đầu trên số 46 tỉnh hiện hữu, về phần sản xuất than được, lượng cũng như phẩm và ai cũng công nhận là Năm-Căn nhờ có nhiều lò than, nên trở thành một quận trù phú, mặc dầu ở tận miền xa xôi, cách tỉnh-lỵ trên 65 c.s.

Với diện-tích rừng cấm rộng 120.175 mẫu tây và 772 miệng lò than, tỉnh An-Xuyên sản xuất trung bình, trước kia,

TỈNH AN-XUYÊN



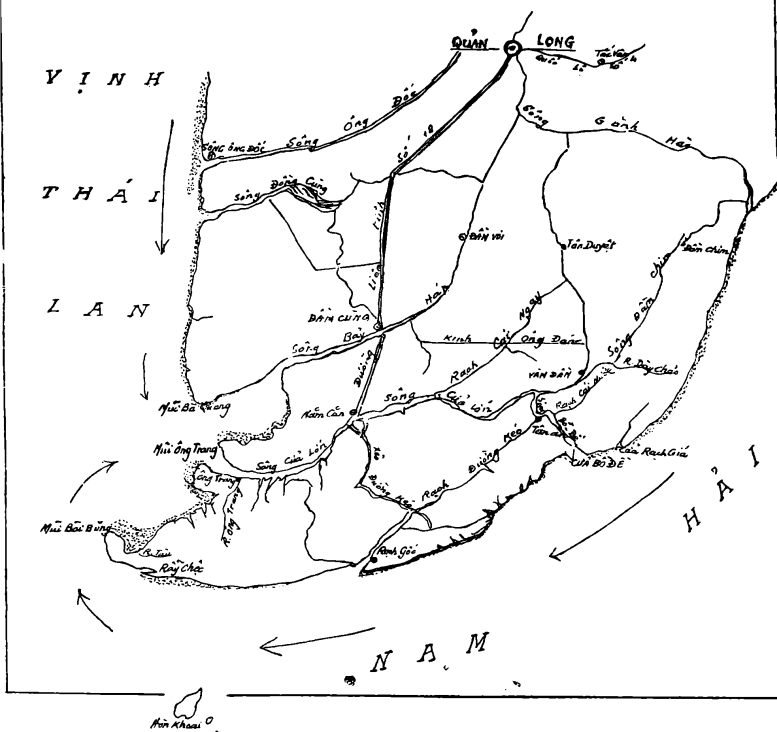
N A M



Ex/le: $\frac{1}{400,000}$

CHỦ GIẢI

Tỉnh lỵ. ①
Quận lỵ. ②
Xã. ③
Đất phù sa
Huyện Giết nước chảy
Đường trục. ←



mỗi tháng 95.140 tạ than, (mỗi tạ 60 kí lô). Đó là chưa kể một số không ít lò xây cất lậu (bất hợp pháp) trong rừng cấm, mà sở Thủy-Lâm kiểm soát không xiết được.

Những nơi có lò than nhiều là : Dày-Chảo, Vàm-Đầm, Xóm-Thủ, Xóm-Lớn, Hàng-Vĩnh, Bà-Thanh, Ông-Định, ngã ba rạch Đường Kéo, Năm-Căn, Tắt Biền và Nhưng Miên.

oOo

Xây lò than là cả một nghệ-thuật theo lối cổ-diễn, phải dùng thợ chuyên môn có nhiều kinh-nghịệm tại địa-phương.

Lò hình bầu tròn như hình cái bánh bao, xây bằng gạch như lò gạch, nhưng bề cao chỉ từ 3 m 20 đến 3 m 80 và đường kính phải 7 m 20, đó là thể lệ của Nha Thủy-Lâm định đoạt. Nhiều chủ lò xây tới 10 th đường kính, nên lắm khi lò bị sụp (1) và than cháy ra tro hết. Phía trước lò, có một cái cửa để vô củi và than, đồng thời là nơi chụm củi đốt lò, thường là củi cây mấm hoặc cây tạp. Hai bên hông và phía hậu-bối, có xây bốn cái ống khói, cách khoảng bằng nhau để cho khói bay ra.

Khi vô lò, củi được bề dài phải 1 th, bề kính từ 1 tấc trở lên (cũng như tấc của Nha Thủy-Lâm) gọi là củi đòn, lột vỏ sạch sẽ và sắp dựng đứng một lớp dưới và phủ trên vài lớp nằm. Trên phía chót lò, chừa một khoảng trống lối vài tấc.

Thề-thức hầm than, theo lối cổ-diễn nói trên phân ra

(1) Lò sụp : Đôi khi, tăng-khạo vô ý, để cho số cung khói nóng trong lò thì ít, còn số khói bay ra ngoài quá nhiều, khiến cho khói ở trong không đủ áp-lực chụp lửa ngấm xuống, nên ngọn lửa có dịp bốc trở lại, làm lò phát hỏa và tất cả số than cháy thành tro.

làm 3 giai-đoạn :

1/ Tại cửa lò, đốt củi cho cháy lên lửa ngọn, tạm gọi là « lửa dương » đặt đun cho thân lò mau nóng và chứa hơi nóng trong lò thật nhiều, hấp cho củi lò tiết ra chất nước : thời-gian này thì thường từ 4 đến 7 ngày, tùy củi khô hay ướt. Lò tỏa ra khói màu trắng đục và dày đặc, nhưng ít cay.

2/ Nhờ sức lửa ngọn thường xuyên cháy tại cửa lò, cũng từ 4 đến 7 ngày, người tăng-khạo (2) cứ xem khói tiết ra theo 4 ống khói nói trên, mà biết củi còn hay hết chất nước. Chừng nào hết, nghĩa là không còn cần đến lửa ngọn nữa, người ta chỉ dùng sức nóng trong lò mà hầm củi, chẳng khác chi sức nóng trong lò bánh mì hấp chín bánh vậ. Tăng-khạo phải thu hẹp cửa lò lại : đóng tro tàn của củi đã chum trong mấy ngày qua còn chứa một thứ lửa ngầm, tạm gọi là « lửa âm ». Lửa âm này thông hơi qua trong lỗ cây củi được, theo chiu dài, mà không cháy bùng lên được bởi vì lò xây bít bùng, không đủ số dưỡng khí cho lửa cháy phùng lên có ngọn.

Hơi nóng trong lò bốc lên nóc, rồi trở dội xuống chân lò, thành thử, củi bắt đầu thành than, từ phía trên trước, rồi chín lần lần xuống phía dưới chân. Trong giai đoạn này, khói tỏa ra màu ngũ sắc coi đẹp mắt, và có óng-ánh chất dầu hắc, mùi cay gắt.

3/ Qua giai đoạn chót, sau khi củi vào lò từ 10 đến 15 ngày tùy theo lò lớn hay nhỏ, khói màu ngũ sắc bắt đầu lợt lần

(2) Tăng-khạo : là tiếng thổ âm Triều Châu có nghĩa là : người coi sóc lò than hay ruộng nương, thay thế người chủ lò hay chủ điền.



Một dãy lò than tại Năm Căn

rồi hóa ra màu xanh biếc ; rồi cuộc chỉ còn lưà thừa và gần hết màu. Lúc bấy giờ, mùi khói bắt đầu thơm phức, như mùi khoai lang nướng vậy.

Than đã chín, chỉ còn lo bít hẳn cửa lò cho lửa ngấm bị ngộp và chờ đúng 6 ngày đêm cho lửa lò tắt hết và than nguội. Chừng ấy, tăng khạo mới khai cửa lò, một số lao công chuyên môn bắt đầu ra than.

Năng xuất mỗi lò được từ 150 tạ đến 400 tạ (mỗi tạ 60 ki) mỗi thước củi đòn (stère) hầm ra được 3 tạ than.

Hiện nay, giá thị-trường của than được do « Hợp-tác-xã than » định đoạt, còn thuế thì do Nha Thủy-Lâm.

XƯỞNG NƯỚC MẮM

(Tại Vàm sông Ông Đốc)

Trước kia, tại Vàm sông Ông Đốc, có đến 3 xưởng làm nước mắm, vì ở ngoài khơi có nhiều ghe đánh loại cá lớn con như : cá gộc, cá mè đường, cá chét, cá bẹ, cá vượt v. v... Khi ghe về tới bờ, người ta lựa ra các thứ cá nhỏ con để làm nước mắm như ; cá mòi, cá nục, cá cơm, cá tép là cá thường đánh được trong mùa gió nồm, thời ròng 6 tháng trong một năm, kể từ tháng ba dương-lịch.

Nước mắm là món gia-vị chánh của người Việt-Nam, không những để ăn sống, nghĩa là chấm mấy món ăn lặt, mà lại còn dùng nêm canh, kho cá, kho thịt v. v., ngon và thơm hơn khi người ta dùng muối.

Mỗi xưởng có từ 8 đến 10 cái thùng lớn bằng cây, hình trụ, đường kính lối 1 th 30, ghép lại bằng nhiều miếng ván, có 3,4 niền tre cột chắc chắn ở phía ngoài cho ván khỏi bung ra. Ở gần đáy thùng, cũng ở bên ngoài, còn 2 cái vòi làm bằng ống tre nhỏ cỡ ngón tay út, đóng nút bằng cây mốp hay chồi cây bần, mỗi vòi đều học vải. Trong ống tre người ta còn quấn chung quanh cái nút nhiều lọn tóc vò rối lại dặng cho nước cá chảy theo và nhỏ ra từng giọt.

Trong thùng, dưới đáy, có sắp một lớp trấu trộn với vỏ hào hoặc vỏ nghêu, vỏ sò chừng vài tấc. Khi cá rửa sạch-sẽ rồi người ta đổ vào thùng, hể một thúng cá thì nửa thúng muối, và kế tiếp một lớp muối thì một lớp cá, mãi như vậy cho đến khi đầy thùng.

Kế đó, phải lấy cây nhọn mà xom cá và dùng chĩa ba trộn cá và muối cho đều. Sau rồi còn thêm ở trên chót thùng một lớp muối và một lớp cá nữa cao khỏi miệng thùng, để khi cá thấm muối xẹp xuống là vừa.

Để như vậy được vài ngày, bắt đầu mở hai cái vòi tre đựng búng nước muối chảy ra. Lần lần muối cục tan rã và mấy lớp cá xẹp xuống trong thùng. Người ta sắp lên thêm trên mặt thùng một lớp lá chằm, rồi vài người lực-lưỡng leo lên đập cho chặt xuống, cũng như trước khi gài mắm lóc vậy.

Nước muối lấy ra vài bữa trước được đổ lên trên mặt thùng phải vẫn thêm vài cục đá to đựng ép mấy lớp cá cho chặt chẽ thêm.

Giai đoạn đầu đã xong: cứ để như vậy mãi cho đến khi muối thấm lần lần vào cá, thường là trên 3 tháng, hoặc một thời gian xấp đôi, tùy theo loại cá bỏ hay chắc thịt.

Khi cá rửa nát ra hết rồi thì mở vòi cho nước mắm chảy ra. Nước này là nước nhất, còn gọi là nước mắm nhĩ, chảy ra jới vài trăm lít trong 48 giờ, màu vàng lợt, mùi thơm và ngon nhất.

Khi nước nhất lấy ra hết, đổ thêm nước muối khuấy sẵn vào thùng, hoặc nước cá đã chảy ra từ nhiều thùng khác để dành lâu nay, hoặc là nước tráng thùng cũng được. Chúng ta thường thấy màu vàng sậm của loại nước mắm thường là vì sau khi lấy nước nhất ra rồi, người ta tráng kẹo đổ vào giữa thùng cá đựng cho có màu tươi.

Rồi cứ tráng đi tráng lại mãi mấy thùng cá cho đến khi không còn nước mắm nữa; lúc ấy, chỉ còn một thứ nước đục

đầy cặn bã; mỗi thùng như vậy lấy ra lõi 3.000 lít nước mắm thường.

Nước mắm nhĩ đem vô chai 0175, còn thứ thường vô lĩn 2150 đăng tung ra thị-trường.

Bã còn lại không vứt bỏ : bã cá mèi dùng thắng dầu đốt đèn, còn bã cá nục, cá cơm, cá chét thì làm phân bón rau cải rất tốt.

Hiện nay, tại Vàm sông Ông Đốc, chỉ còn 2 xưởng, vì xưởng thứ ba của Ông Trần-Hoan tự Cón đã dời về tỉnh-ly 4,5 năm nay, tại bờ kinh xáng đường lên xóm Ô-Rò

Nước mắm do ba xưởng kể trên sản xuất vượt mức nhu cầu trong tỉnh, nên còn đem bán ra trong vài tỉnh kế cận.

CHƯƠNG IV

CHÍNH - TRỊ

Guồng máy chính-trị giống như mấy tỉnh khác.

Đầu tỉnh là Tỉnh-Trưởng có hai phụ-tá : Phó Tỉnh Trưởng Nội-An và Phó Tỉnh-trưởng Hành chánh.

Tại Tỉnh-ly có Nghị-viên hàng tỉnh trước kia gọi là Hội đồng địa hạt, còn làng thì nay gọi là Xã.

Theo sắc lệnh 045 ngày 1-1-1969, thì Hội đồng xã gồm có
ỦY BAN HÀNH CHÁNH XÃ.

Xã Trưởng

Phó Xã Trưởng hành chánh

Phó Xã Trưởng An-ninh và 6 Ủy Viên.

Ủy viên Kinh tài, Ủy viên Thuế vụ, Ủy viên Hộ tịch, Ủy viên Quân sự, Ủy viên Văn hóa và Xã hội, Ủy viên Canh nông và Cải cách Điền địa.

Văn phòng xã có :

Chánh thư ký,

Thư ký,

I Cán bộ Thông Tin và Chiêu hồi,

I Cán bộ Kỹ thuật.

Ở Quận, thay mặt Tỉnh-Trưởng có Quận-Trưởng và Phụ tá Quận Trưởng, với một số thư ký hành-chánh giúp việc.

Các Ty, các Sở gồm :

- 1.— Tòa Hành chánh.
- 2.— Tòa H. G. R. Q.
- 3.— Ngân khố.
- 4.— Công chánh và Kiến thiết
- 5.— Y-Tế.
- 6.— Quan thuế.
- 7.— Hạt Thủy-lâm
- 8.— Thuế hỗn hợp.
- 9.— Điền địa.
- 10.— Thanh niên, Thông tin.
- 11.— Công Dân-vụ.
- 12.— Mực súc.
- 13.— Hợp tác xã và Nông-tín.
- 14.— Ngư nghiệp.
- 15.— Bưu-điện.
- 16.— Ty Tiểu học, Trung-học.
- 17.— Đài Vô-tuyến điện.
- 18.— Đài Khi tượng.
- 19.— Cảnh sát và công-an.
- 20.— Dinh điền.
- 21.— Trung-tâm cải huấn.

Tỉnh An-xuyên hiện nay gồm 6 Quận, 8 Tổng và 23 Xã.

- 1 — Quận Châu Thành *Quận Long* có 4 Xã :
Tân Xuyên, Định-Thành, Hòa-Thành, Tân-I.ộc
2. — Quận *Đầm Dơi* có 4 Xã :
Tân Duyệt, Tân-Thuận, Tân Hòa Tân-An,
- 3 — Quận *Cái Nước* có 6 xã
Tân Hưng, Tân Hưng-Đông, Tân Hưng-Tây,
Thuận-Hưng, Hưng-Mỹ, Phú-Mỹ.
4. — Quận *Thới Bình* có 4 xã :
Thới Bình, Khánh-An, Khánh-Long, Tân-Phú.
5. — Quận *Sông Ông-Độc* có 3 xã :
Phong Lạc, Khánh Bình-Đông Khánh Bình-Tây.
6. — Quận *Năm Căn* có 2 xã :
Năm-Căn, Viên-An.

CẦN GHI NHỚ : Quận Đầm Dơi trước kia đóng tại Đầm-Dơ gần Xóm Ruộng, nay đóng tại Giá-Ngựa, bên hữu ngạn sông Bảy-Háp thuộc xã Tân-Hưng.

Quận Cái Nước, trước đóng tại Cái Nước ngọn, nay lập tại cầu sắt, bắc ngang sông Bảy-Háp, trên đường lộ xuống Năm-Căn cũng bên hữu ngạn sông Bảy-Háp.

Quận sông Ông-Độc, trước ở tại Vàm Rạch-Ráng, nay đã dời về Vàm sông Ông-Độc như cũ.

DÂN SỐ

Dân số trong tỉnh được 276.650 người, gồm có :
270.643 người Việt-Nam

3.048 người Việt gốc Hoa.

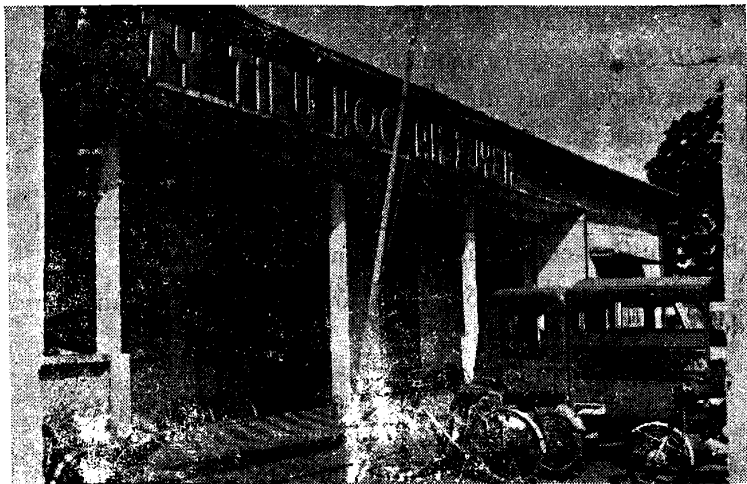
2.959 người Việt gốc Miên

oOo

XÃ HỘI

An-Xuyên là một tỉnh mới, thành hình từ năm 1956, vì ở xa xôi, cách Sài-gòn đến 344 cây số, nên nền tài chánh chưa được dồi dào, còn kém khuyết về phương tiện chở chuyên vật liệu xây cất từ thủ đô đến tỉnh-lỵ và tải các thổ sản lên thủ đô.

Tuy nhiên, về mặt văn-hóa, nhờ tinh thần phục-vụ của giáo-chức các cấp và sự hiếu học trẻ em, ty giáo huấn thâu thập được nhiều kết quả khả quan trong việc mở mang thêm



trường sở, cũng như thành tích vẻ vang trong mấy kỳ thi T. H. Đ. I. C và Tú tài.

Dưới đây là tổng số học sinh các trường công lập và tư thục trong năm 1969.

$$\left. \begin{array}{l} 30.556 \text{ nam} \\ 5\,368 \text{ nữ} \end{array} \right\} 35.924$$

Tại tỉnh-lỵ có một trường Trung học công lập có ban Tú-tài loàn phần từ 2 năm nay ; 3 trường Trung học bán công có một trường lấy tên là Trung học bán công Nguyễn Hiền Năng. Trong toàn tỉnh có 24 trường tiểu học 56 trường sơ cấp, gồm 21.221 học sinh : 10.324 nam, 10.897 nữ.

Tư thục có mấy trường sau đây :

Trường Tiểu-học Bảo-Lộc (Công-giáo).

Số lớp học	11 lớp
Số Giáo viên	11 nữ
Số học sinh	690
	Nam 358, Nữ 332

Sơ cấp 'Bác-ái' (Việt gốc Hoa) xã Định-Thành

Số lớp	:	03
Số giáo viên	:	03
Số học sinh	:	158 Gồm có 86 Nam, 72 Nữ.

1/ Trường Trung-Học Công-Lập An-Xuyên.

Số phòng học	:	17
Số lớp học	:	28



Số Học sinh	:	1.577
Số Giáo sư	:	28 Gồm có 11 Nữ và 17 Nam,
— Đệ Thất	:	07 lớp
— Đệ Lục	:	04 —
— Đệ Ngũ	:	04 —
— Đệ Tứ	:	04 —
— Đệ Tam	:	04 —
— Đệ Nhị	:	03 —
— Đệ Nhất	:	02 —

2/ Trường Trung-Học Bán-Công Quản-Long

Số lớp	04 lớp
Số học sinh	: 234

Số Giáo sư		06
— Đệ Thất	:	02 lớp
— Đệ Lục		02 lớp.

3/ Trường Trung-Học Bán-Công Thới-Bình.

Số Lớp	:	05
Số học sinh		248
— Đệ Thất	:	02
— Đệ Lục	:	01
— Đệ Ngũ		01
— Đệ Tứ	:	01

4. Trường Trung-Học Bán-Công Nguyễn-Hiền-Năng An-Xuyên

Số Lớp	:	18
Số học sinh	:	1498
— Đệ Thất		06
— Đệ Lục	:	05
— Đệ Ngũ		04
— Đệ Tứ		03

5. Tư-Thực Bảo-Lộc An-Xuyên.

Số lớp	:	08
Số học sinh		605
— Đệ Thất	:	05
— Đệ Lục	:	02
— Đệ Ngũ	:	01

6. Tư Thục Trung Học Dục Tài An Xuyên.

Số lớp	:	02
Số giáo-viên	:	02
Số học sinh	:	118
— Đệ Thất		01
— Đệ Lục		01

Tiểu Học Dục Tài

Số lớp	09
Số giáo viên	10
Số học sinh	549 gồm có :
	296 nam, 253 nữ.

Trường này cất lầu bê-tông cốt sắt rất đẹp, nhờ Usom viện trợ sắt và xi-măng nên 2 dãy lầu trị-giá gần 20 triệu.

Sơ Cấp Bết-Lê-Hem (Tin Lành) Định-Thành.

Số lớp học	06
Số giáo viên	06 nữ
Số học sinh	267 gồm có : 128 nam, 139 nữ

Sơ Cấp Bết Lê-Hem (Tin Lành) Quản-Long.

Số lớp học	:	06
Số giáo viên		06 nữ
Số học sinh		211 gồm có : 132 nam, 109 nữ.

Sơ Cấp « Văn-Trị »

Số lớp học	:	03
Số học sinh		113 gồm có 67 nam, 46 nữ
Số giáo viên	:	01

Về Y Tế, một bệnh viện lớn và đẹp đã cất xong gần tòa Hành-chánh, ngó ngang qua đài khí-tượng, kèm theo một bảo-sanh-viện, trang bị đầy đủ.

Sau Tết Mậu Thân, tòa nhà đồ sộ này vì bị Việt cộng đốt phá nên được cất lại trong năm nay với chi phí là 15 triệu bạc.

Mỗi quận-ly, đều có chẩn-y-viện và bảo sanh-viện. Chánh quyền địa phương rất quan tâm đến nền y-tế nông thôn, nên đồng bào có đủ thuốc men được săn sóc khi đau ốm và tránh được nhiều bệnh tật.

oOo

TÔN - GIÁO

Sau năm 1945, các tôn-giáo không còn quyền tự-do tín-ngưỡng : đình, miếu, chùa, nhà thờ, nhà giảng và thánh thất bị tàn phá. Nhờ Chính phủ Cộng hòa tái lập an-ninh, nên đồng bào có dịp kiến thiết lại nhiều chùa chiền, các tôn-giáo phát triển lại như trước, và trong mấy ngày lễ lớn, tín-đồ tựu họp đông đảo đặng hành lễ.

Tại tỉnh lỵ, hiện nay có đình thần Tân-Xuyên, chùa Đức Phật tổ, chùa Bà Mã châu, chùa Ông Bồn, chùa Cô Hồn, chùa Tịnh độ cư sĩ, miếu Gia Long, miếu Ông Thần-Minh, Thánh thất Cao-đài, hai nhà thờ công giáo và nhà giảng Tin Lành.

Theo bản thống kê mới năm 1969 của tòa Tỉnh-trưởng, tổng số tín đồ lên tới 44.300 gồm :

22.000 Tịnh độ cư sĩ

15.000 Công giáo
 3.700 Thiền lâm
 3.200 Cao đài
 và 400 Tin Lành

Ngoài ra còn có một số đồng đồng bào theo đạo Phật, tu tại gia theo tục lệ cổ truyền

oOo

SINH-HOẠT

Đồng bào sinh sống tại tỉnh-ly tương đối dễ dàng hơn miền quê, vì đầy đủ tiện nghi,thuốc men không còn thiếu thốn, vật thực cần dùng mỗi ngày dồi dào và rẻ nhờ sản phẩm cá tôm địa phương.

Ban ngày thì lo làm việc đặng nuôi gia thê đái tử, ban đêm rảnh rang dạo mát và xem phố phường buôn bán tấp nập nhất là phía sau chợ có bán đủ thức ăn.

Trong mấy vùng ruộng nương, đồng bào chuyên nghề cày cấy và trồng trọt hoa quả quanh năm.

Nơi miền rừng cấm và nước mặn, thì họ đốn củi, cưa cây, chằm lá, dệt chiếu, bắt cua, ba khía, đóng đáy, xây nò bắt tôm cá trong sông rạch, giăng câu ống,giăng lưới, đầy xiệp, đi trề và đánh cá gộc và cá mè đường ngoài khơi. Chẳng những họ sinh sống đầy đủ nhiều khi còn được mua đồ ngoại quốc với giá rẻ như : đồng hồ, bút máy, áo mưa, đồ hộp, thuốc thơm v.v... do tàu ở Tân-gia-ba qua mua cá khô và cá tươi ướp máy lạnh đem đến.

Tóm lại, dân cư trong tỉnh đều siêng năng theo dõi nghề **ng nghiệp** của mình với nếp sống mộc mạc và yên tĩnh, vui tươi và hạnh phúc.

Bài bỏ-túc

ĐÌNH LÀNG TÂN-XUYỀN

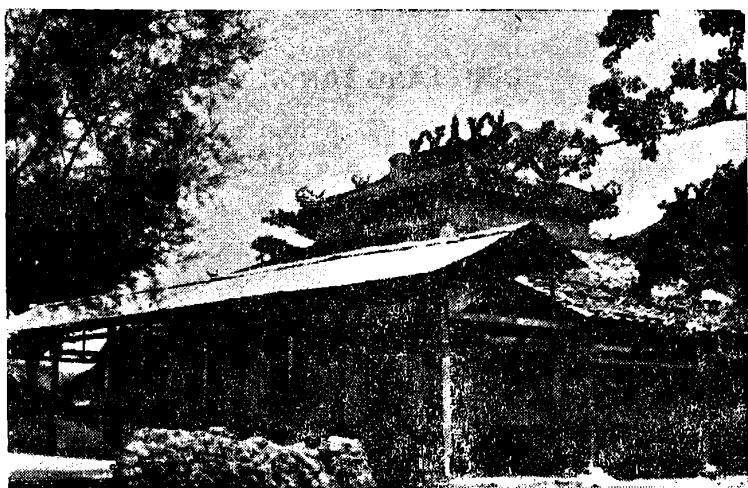
Đình làng Tân-Xuyên đã có trên một thế kỷ rồi (hồi trước làng gọi là An-Xuyên). Đến khi Quận Cà-Mâu thành tỉnh lấy tên là An-Xuyên, thì làng sở tại lấy lại tên cũ là Tân-Xuyên.

Đình này thờ sắc Thần do vua Tự - Đức phong vào năm 1880, đề trong một ống tre lớn có nắp đậy, sơn son phết vàng coi rất đẹp. Bỏn sắc hình vuông dài, ước độ 45 cm x 40 cm, bằng loại giấy tốt bền bỉ hơn giấy bạch màu vàng lọt pha lẫn màu xanh lọt, và hình rồng vàng màu đậm hơn. Trong sắc, chữ viết bằng tay, đều đặn và sắc sảo, cỡ chữ viết trên các con cờ tướng tròn bằng cây mà chúng ta thường thấy. Mực dùng viết màu đen đậm và láng bóng, chữ thì được 7, 8 hàng (tiếc rằng lu lờ không đọc được) bên mấy hàng này, có ghi :

«Sắc phong bỏn cảnh Thành Hoàng Chánh trực hựu thiện Đôn-Ngưng chi thần».

Sau rốt có đề niên hiệu Tự-Đức và ngày ? tháng ? năm 1880. Trong sắc, không biên tên vị Thần nào.

Theo lời các vị bô lão thuật lại, thì từ xưa, làng nào xây cất đình vừa xong, muốn có sắc Vua phong, hương chức tán và cựu phải nhóm họp lại làm tờ đứng xin và tờ ấy được quan địa-phương xem xét, nếu được chấp thuận, thì chuyển đến triều-đình. đề nghị lên nhà Vua ân tứ ban sắc cho làng ấy.



Khi được ban sắc rồi, Hương-chức làng lễ trụ dòng đủ, tổ chức lễ long trọng dâng rước sắc về đình mà thờ. Ngày ấy sẽ chọn là ngày mà hằm năm trong làng đảo lệ « Cầu an », còn gọi là Kỳ-Yên. Cho nên, chúng ta thường thấy ngày cúng Cầu an thường khác nhau trong lãnh thổ xứ Việt Nam, ngoại trừ khi một ngày mà Vua ban 2 hoặc 3 sắc. Ngày lễ Kỳ-Yên đình An-Xuyên là ngày 13 tháng 5 âm lịch mỗi năm.

Sau các cuộc cúng tế trong dịp Kỳ-Yên, hương-chức tàn làng Tân-Xuyên luôn dịp có thiết tiệc đãi đẳng thần hào và viên quan tại quận-ly và thường thường kết thúc buổi lễ bằng vài châu hát bội cho công chúng xem.

Cách tổ chức lễ cúng rất linh đình. Trước hết, là lễ « thỉnh sắc » vì sắc thần không để tại đình, sợ e bị trộm cắp,

tại đình chỉ có 1 ông từ lo quét dọn cho sạch-sẽ và thắp nhang đèn mỗi buổi chiều. Sắc thần được giao cho 1 người phụng thủ, thờ tại nhà người này, sau khi được ban Trì-sự đình chỉ định. Khi người phụng thủ sắp qua đời, thì ban Trì sự nhóm họp lại gấp đặt chọn người khác thay thế. Bồn sắc thần thường luân chuyển như vậy, và khi phải giao qua người khác, thì tổ chức lễ « thỉnh sắc » rình rang đặt bàn giao.

Trước năm 1935, người được chọn lựa phụng thủ, là Ông Hội-đồng Trần-đắc-Danh. Khi ông sắp thiện chung, thì sắc được giao qua Ông Hội-đồng Lâm-kim-Huyền.

Như đã nói trên, lễ « thỉnh sắc » rất trang nghiêm : cờ xi (lâu nay cắm trên 2 giàng lô bộ) lấy ra giàng tề đi đầu, kế đó, là bàn hương án đặt rước Sắc Thần, hai bên có lính Cảnh sát mặc sắc phục và bông súng hầu, sau rốt là mấy ông kỳ lão, chức việc trong làng, chót là giàng lễ nhạc bắc cầu.

Tại đình Tân-xuyên, đêm 13 âm lịch thì cúng « sơ lễ » đêm 14 là « chánh tế » sáng ngày rằm là hoàn tất.

Chiều lại, tiệc thết đãi nhân viên các ty các sở, thân hào, điền chủ và thương gia.

Trong buổi tiệc này, năm nào cũng vậy, thường thấy chả giò, vịt tiềm, xán lầu v.v... luôn luôn có nhiều đĩa xôi. Đến khi tráng miệng, không khi nào thiếu món bánh thưng, là món phải khéo tay mới được ngon, trước kia do hương-chức bàn hội tề, trước hết là ông cả, kế đó là ba vị Hương-thần, Hương hào và Xã-trưởng đảm nhận cúng lịnh thần mỗi người một mâm.

Đó là đại cương và vài chi-tiết của lễ Đáo lệ Kỳ yên tại đình.

Đến năm 1945, Ông Hội đồng Lâm-kim-Huyền (hiện nay vẫn còn sống) đã phụng thủ hai sắc thần (Tàn-Xuyên và Tàn-Yên từ năm 1938) phải tản cư như mọi người khác, sau khi Việt-Minh thi hành chánh sách «vườn không nhà trống». Trước khi đi, ông yêu cầu ban trị-sự đình và hương chức tản cư nhóm họp gấp đặt tìm kế hoạch bảo thủ vẹn toàn 2 sắc thần nói trên, chớ khi tản cư đem theo bất tiện.

Mọi người hiện diện đều đồng ý giao hai sắc thần cho ông chủ chùa Đức-Phật-Tổ, đình ninh rằng nơi cửa Thiền không ai đến khuấy phá.

Nào dè, bọn gian manh và người Miên ở các Sốc trong quận tràn ra châu thành và đến chùa lục soát lấy một ít vị Phật nhỏ, lư thao, chân đèn và đại-hồng chung đem bán ráo trôi.

Sau ngày hồi cư, mấy ông Hương-chức tản và cựu sự nhớ đến ngày Kỳ yên là ngày 13 tháng 5, âm lịch, bèn quay heo và đem lễ vật tựu đến đình cúng Thần.

Nào dè, khi đến chùa chỉ cách đình không quá 100 thước mấy ông đều bật ngửa hết, khi nghe ông trụ trì nói rằng : « Hai sắc thần để trong ống tre, bọn Miên tưởng là của quý nên lấy đem đi mất».

Vì vậy, đình làng Tàn xuyên hiện nay không còn sắc Thần nữa.

oOo

CHÙA ĐỨC PHẬT TỔ - SƯ

Đức Phật Tổ sư, vị Đại-Đức chơn tu được sắc phong

Hòa-thượng, là người đầu tiên đã sáng lập ra ngôi chùa QUAN ÂM TỰ tại Cà Mau.

Đời Tự-Đức tại Huyện LONG XUYỀN, tức là quận Cà-Mâu cũ và nay là tỉnh An-Xuyên, có thầy TÔ-QUANG-XUÂN gốc ở Đầm Dơi xã Tân-Duyệt là người sùng bái đạo Phật, ham việc tu-hành, tuy không thi phát trường chay khổ hạnh, nhưng bẩm tính người luôn-luôn giữ lòng ngay thẳng, làm lành lánh dữ, sẵn dạ thương người, bà con láng giềng ai ai cũng kính yêu.

Gia đình đã cầu hôn cho người, sắp đến ngày làm lễ sơ vấn, thì người đi đón cưới về chụm đặt lo đãi đãi bà con trong cuộc lễ Tiểu đăng khoa. Người vào rừng, may gặp được cuốn kinh « NĂM ÔNG » mỏng rở, và khi trở về nhà, lại nặng lòng lo việc Đạo, bèn từ khước hẳn việc hôn nhân, dứt tình



quyến thuộc, quyết tâm theo việc tu hành.

Thầy ra đến Cà - Mau chọn nơi thanh tịnh lập một cái am, đêm ngày tụng niệm. Việc làm của thầy khiến một số người mỉa mai qua hai câu sau đây :

« Tu sao đầu lược điềm trang,

Tóc thời không cạo, dung nhan như đường »,

Thầy rằng : « Nơi chốn Phật đàng,

Lấy câu sắc sắc làm đường phán phàn ».

Nhưng thầy vẫn kiên tâm theo Đạo, một lòng tin tưởng đức Phật Như-Lai. Qua mấy năm tụng kinh niệm Phật, lòng thành của thầy đã được chứng-minh. Thầy cất hai dãy nhà để nuôi bệnh, ở gần chùa, đặt sẵn sóc và cho thuốc men, ngày đêm lo lắng, không nề cực khổ gian lao, nên nhiều bệnh trầm kha cũng được lành mạnh, Theo lời các vị tiên bối thuật lại : Có lần chúa tể sơn lâm bị bệnh, cũng tìm đến thầy mà xin thuốc. Vì vậy, tiếng thầy được đồn đãi xa gần, từ Bãi-Xầu, Ba Xuyên đến Bạc-Liêu ai cũng đều kính phục. Bồn đạo càng ngày càng-đông, kẻ góp công người góp của, xây dựng cảnh chùa và trùng tu cho tốt đẹp thêm.

Việc tu hành như thế, tưởng cũng đã yên, không ngờ xảy ra tai bay họa gởi : thầy bị kẻ ganh hiềm ghét ngổ, vu cáo là gian Đạo-sĩ, cổ tâm làm loạn. Thầy bị quan trên bắt giải về Gia-Định. Bồn đạo lấy làm đau xót trước cảnh người ngay mắc nạn, khóc than thảm thiết, tất cả đều muốn đi theo, nhưng thầy vô về an-ủi bồn đạo rằng : «Lòng thành rồi sẽ có ngày sáng tỏ».

Trên đường đi, thầy rất khổ sở, vì quan trên ra lệnh canh phòng nghiêm ngặt. Ròng rã mấy tháng trời, trải qua các nơi Láng Giài, Bạc Liêu, Trà Ôn, Vĩnh-Long, Mỹ-Tho, Chợ Lớn, nơi nào thầy cũng được đón tiếp, sùng bái. Trước sự kính mộ của mọi người, từ xa đến gần, quan trên lại bày ra nhiều trò thử thách : nào là lột tượng Phật dưới chiếu ra lệnh cho thầy ngồi, trộn thịt với đồ chay bảo thầy ăn, nhưng thầy là bậc chân tu, được các đồng môn giúp tánh linh cho thầy tránh qua mọi thử thách.

Đến chừng ấy, quan trên thấy thầy là đẳng cao siêu chánh quả, bèn dâng sớ về triều-dinh bày sự thật. Sẵn lòng kính trọng đạo Phật, đức vua lấy làm thương xót cho người chơn tu mắc nạn, bèn sắc phong Hòa Thượng :

Trong khi chờ đợi thánh chỉ, quan trên cho thầy tạm ở tại chùa Kim-Chưởng. Nơi đây, thầy rất buồn bực. Phần thì tưởng mền bồn đạo, phần thì lo chùa chiền Cà Mau không ai chăm nom chu đáo, nên thầy than :

« Ngày đêm trắc trở chẳng yên,
Cà Mau cảnh nợ chùa chiền ai coi.
Tấm lòng mơ tưởng không nguôi,
Năm đêm tưởng đến ngùi ngùi lụy rơi »,

Đến ngày mồng ba tháng 6, thầy cho bồn đạo trong chùa Kim-Chưởng biết thầy sắp thoát tục. Vị hòa thượng và bồn đạo đánh chuông, gióng trống inh-ỏi, và đi báo quan trên.

Các quan lại dâng sớ về Triều một lần nữa. Đức Vua bèn ban cho hai cây gấm để tẩm liệm thi hài và đem linh cửu của thầy về Cà Mau an táng.

Ngày nay, tại chùa QUAN ÂM TỰ Cà-mau, đứng giữa không gian vôi vọi là một cái tháp trang nghiêm gần bên phương trượng của chùa, nằm bên tay trái, khi đi vào : ấy là đi thể của Đức Tồ-Sư thoát tục về Tây-Phương nêu lại đời đời một tấm gương cho phái đạo Thiền Lâm.

Trong kinh có câu : «NHẤT THIẾT DO TÂM TẠO» hễ làm lành thì gặp lành.

« Ai ai cũng ở trong trời,

Tu thời được phước, tránh nơi luân hồi ».

Chùa xây cất tốt đẹp và sơn phết huy hoàng, trước sân và chung quanh đều có cây cối um tùm và bông hoa đua nở bốn mùa.

Ngày Tết, ngày rằm và vía lớn, đồng bào ở tỉnh-ly và tin đồ ở mấy xã lân cận tề tựu đông đủ dâng lễ Phật.

Và cũng chính tại nơi ngôi chùa đồ sộ này, năm 1926 ông trụ trì Đào-Bá-Nhân, nhờ sự giúp đỡ của ông Huyện danh dự gu ên-Công-Khanh, (năm ấy năm qu, ên chủ Quận Cà Mau) có tổ chức lễ Trường Hương, Trường Kỳ được kết quả mỹ mãn. Và nhờ sự có mặt của nhiều vị hòa-thượng ở lục-tỉnh đến, nên Chùa Đức Phật Tồ càng nổi tiếng thêm.

oOo

CHÙA BÀ MÃ-CHÂU

Chùa này hiện là « THIÊN HẬU THÁNH-MẪU » tục gọi là Bà Mã-Châu, ở trung-tâm tỉnh-ly, nằm giữa ty Cảnh-Sát Công-an, và ty Bưu-điện cũ, trước mặt là ngã ba Sông

Gành-Hào, tại mé sông có sân rộng lớn tráng xi-măng, có nhiều quán bán thức ăn và uống và một cây xăng, sân có hàng rào bằng gạch bao quanh.

Ngôi chùa tuy xây-cắt theo cổ lệ như chùa Huế-Kiều ở các nơi khác, song nguy nga đồ sộ có nhiều cây cột bằng đá xanh, cửa bằng cây danh mộc, kèo, đòn tay và khánh thọ đều chạm trổ và sơn son thếp vàng rất công phu.

Chính giữa là chánh-điện, nơi thờ Bà, trước bàn, đủ các đồ nghi trượng, lổ bộ và hai cây lọng lớn, hai bên có đông lang, tây lang, sau là nhà kho và hầm bê-tông chứa nước mưa.

Trải qua bao biến cố, ngôi chùa vẫn đứng sừng sững còn nguyên vẹn : đó là công trình của ba Bang : Triều-châu, Hải-nam và Quảng-Đông.

Ngày đêm, khói nhang nghi ngút, ánh đèn rực rỡ. Bà tánh, nhất là trong ngày rằm và vía lớn, phần đông là Huế-Kiều, rầm rộ và thành tâm đến cúng kiến thỉnh nguyện, tạo ra một cảnh tấp nập nhưng tôn nghiêm.

Trước kia mỗi năm rằm tháng giêng là ngày vía Bà cúng lớn, luôn mấy ngày đêm và thường có hát Tiều trọn 1 tuần lễ. Khi bế mạc, lại có tổ chức cuộc cho vay tiền bạc và hồng cam : người vay cho rằng tiền bạc đem về làm ăn mau phát đạt, còn trái cây ăn nên thuốc. Vay thì một phải trả hai, không cần làm giấy nợ, tài phú của chùa chỉ biên tên họ và địa chỉ người vay vào sổ, song luôn-luôn, ai nấy đều sòng phẳng qua rằm năm tới.

Cuộc lễ hào hứng nhất là «thí-giàn».

Giàn cất cao lối năm thước, bề mặt 6 th x 15 th, trên lót ván rằm và chất đầy giỏ trái cây và thịt heo, đựng thì gấn kẹo đậu phụng, kẹo mè, bánh in, bạc giấy v.v... do các thương-gia đem đến cúng. Chính giữa giàn, đề hình ông Tiều bằng giấy bồi, lớn cỡ người thật, trong bụng đề một số bạc vài chục đồng. Đây là món hấp dẫn nhất mà ai-ai cũng hờm sẵn chờ khi cúng xong và nghe tiếng trống thứ nhứt vừa đánh thì lệ làng treo lên móc ruột ông Tiều mà lấy số tiền. Nhiều khi, người đi giựt giàn đồ máu với nhau, chỉ vì ông Tiều.

Đến nay, tục lệ : hát Tiều, cho vay và thi giàn không còn nữa vì gây tổn kém quá nhiều cho quỹ nhà chùa.

Trong ngày vía và rằm khác (Trung-Nguyên và Hạ Nguyên) khách thập phương mang nhang đèn và lễ vật đến



chùa cúng rất nhiều.

Trong chùa, lại còn cho xin xăm và bần xăm như tại Lăng Ông Bà Chiểu, song khác một điều là người ngoài không được bần xăm và bần nhang đèn, vì là độc quyền của ông Từ (ông này Cai quản và săn sóc chùa không có lãnh thù lao mỗi tháng).

Lối 50 năm về trước, năm nào nắng hạn lâu ngày và khí trời oi bức, thường có «Nhộn» tức là bệnh-truyền-nhiễm như: thiên-thời, dịch-hạch, trái-giống v.v... thì ban Trị-sự chùa tổ chức lễ: «Lên giàn hỏa».

Người ta đốt than trước cho kịp cháy đỏ, trên sân chùa, độ khoảng 3 th x 10 th, bề dày chừng 10 phân. Khi đúng Ngọ (12 giờ trưa), một người lực lưỡng ăn mặc như hát bội: đội mào, mang gươm có treo lục lạc, mặt vẽ rằn ri dữ tợn, quần màu đỏ chói, đi chân không, (cũng có mang lục lạc), chạy tới chạy lui đôi ba chục lần gần đồng than lửa này. Sức nóng đến đôi, đứng xa 5, 6 thước, mà chịu không nổi. Người ấy chạy gần lửa, mặt mày đỏ kè mồ hôi ước đầm, mà chân không bị lửa tấp.

Trước kia, người ta hay đến trước bàn Bà vận cô gà mà thẻ. Nhiều người «thẻ mắc thắt rối» sợ ứng thiên của Bà, nên thường bị đau ốm. Tục này hiện nay hãy còn nhiều người muốn quýt nợ, nếu buộc đến trước bàn Bà mà thẻ, thì không khi nào dám tới và phải trả nợ ngay.

Gần đây, nhưt là ban đêm, nhiều người có «máu đỏ đen» đến xin xăm, cầu Bà ứng mộng vài điềm chiêm bao đáng bàn đánh đề «số đuôi», là môn cờ bạc thịnh hành tại

Cà-Mau, mặc dầu nhà chức trách địa phương vận dụng đủ mọi phương cách ngăn cản và lùng bắt.

oOo

CHÙA ÔNG BỒN

Chùa này trên 100 năm rồi, trước kia, cất tại ngã ba sông Gành-Hào, nơi là Ty Công-chánh hiện nay.

Theo lời các bô lão kể lại, chùa Ông Bồn do ban Phước-Kiến tạo lập mang hiệu là «Phước-Lãnh Miếu». Trong chùa, có đến 2 sắc thần phong là «Phước Đức Chánh-Thần» vào niên hiệu Tự-Đức thứ 8 năm 1856.

Trong sắc thần thứ nhất ghi thêm chữ : «Lạc-Hòa» và trong sắc thứ nhì, có đề : «Lạc-Hội». Ngoài 2 sắc thần, kể trên,



Chùa Ông Bồn tại xóm Phước Kiến đã cất lại bằng vật liệu nặng

lại còn một cái khánh, sơn son phết vàng phía trong khắc một chữ «THẦN» rất lớn và thờ một tượng bằng cây bè cao lối 3 tấc, mà người Phước-Kiến gọi là : «ÔNG-BỒN».

Khi người Pháp đến đặt nền thống trị tại Cà-Mâu, hồi cuối thế kỷ vừa qua thì địa điểm nói trên được chọn để xây cất văn phòng và dinh chủ Quận. Vì vậy chùa ông Bồn bị bắt buộc dời đi nơi khác.

Sau khi xem địa thổ, ban Phước-Kiến nhận thấy doi Bạch Rập là nơi thuận lợi nên họ chung đạu tiền bạc cất chùa lại tại địa điểm mới.

Nhiều ông Bang-trưởng tuần tự điều khiển chùa này : Bang Ton, Bang Yên, Bang Lò, Bang Tĩnh, Bang Cọ, Bang Chánh, Bang Hồ, Bang Nam v.v... Lớp người trước chết đi, còn cháu họ vẫn tiếp tục công việc thờ phượng của ông cha, và một phần lớn do sự liên hệ hôn nhân, lần lần, họ đồng hóa với người Việt-nam, để rồi cuối cùng trở thành người Việt-Nam thiệt-thụ. Vì vậy, lối 40 năm sau này, chùa Ông Bồn do người Việt-Nam đảm trách việc cúng tế. Và nếu không có tên xóm Phước-Kiến còn lưu lại đến ngày nay, thì ít ai còn nhớ cội rễ chùa này do người Phước Kiến tạo ra.

Biến cuộc năm 1945 đã tàn phá di tích cũ : Chùa bị đốt, các cây đa cổ thụ trước chùa bị đốt sạch và sắc thần cũng bị vạ lây

Khi đồng bào xóm Phước-Kiến hồi cư vào đầu tháng 5 năm 1946, thì kẻ công người của dựng lên một cái miếu bằng lá tạm dùng nơi thờ phượng.

Mãi đến năm 1960, nhờ sự nâng đỡ của chánh quyền cùng

sự đóng góp của đồng bào, chùa Ông Bồn được xây cất lại bằng gạch ngói, có một võ-ca ba căn, một thảo bực nguy nga tráng lệ, để thờ phượng.

Hằng năm, đến kỳ đảo lệ, ngày rằm và 16 tháng giêng à.l. ngoài sự chung lo của đồng bào địa phương, còn sự chăm sóc và tham dự của Hương chức xã Tân-Xuyên.

Trước kia, mỗi lần cúng, cũng heo cúi lễ vật, nhưng có tục là quan khách chỉ ăn toàn là mì xào : thứ mì kỹ xào với con hàu tươi, tôm khô và thịt heo, có đến cả chục chảo đựng để ăn thay thế cho cơm.

Khi cúng xong, đồ ăn dọn lên trên 9,10 bộ ván, một người đánh phèn la vang rền cho đồng bào trong xóm hay đến dự tiệc. Mỗi năm thường có nhiều chiếc ghe nóc của người Phước kiến ở tận Rạch-Gốc, Năm-Căn và Ông Trang đều cách Cà mau trên 60 c.s. qui tụ-về dâng dự kỳ đảo lệ, đậu từ vàm Rạch Rập đến ngã ba Gành-Hào, dài trên 300 th

Kể từ năm 1960 về sau, tục lệ cúng kiến được thay đổi : ngày rằm thì cúng và đãi chay qua ngày sau thì rông là mặn, cho hạp với thời buổi này, và tục lệ ăn mì xào không còn nữa.

oOo

MIÊU ÔNG THẦN MINH

(Tiền - sử Ông NGUYỄN-HIỀN-NĂNG)

Năm Nhâm Tuất (1802), Đức Thế tổ nhà Nguyễn, niên hiệu Gia-Long, dẹp yên nội chiến và thống nhất giang-sơn.

Qua năm canh-thìn (1820) Vua Minh-Mạng lên kế vị.

Đức Minh Mạng là ông Vua thông-minh, cần mẫn, hết lòng lo việc nước. Về phương diện chính trị, đề đi sát nhân dân và điều hòa nền hành chánh : nhà Vua chủ trương chia quốc gia ra Tỉnh, Phủ, Huyện, Tổng và Xã.

Trong khuôn khổ đó, đất Nam Kỳ được chia thành 6 Tỉnh : Biên Hòa, Gia Định, Định Tường, thuộc miền Đông và Long-Hồ, An Giang, Hà Tiên thuộc miền Tây.

Cà Mau hiện nay là huyện Long Xuyên, thuộc tỉnh Hà Tiên.

«Long Xuyên» là địa danh do Vua Gia Long đặt ra, sau khi quan sát cuộc diện ; ba con sông lớn (Ông Đốc Gành Hào Quan-Lộ) chạy vắt qua một vùng đất khá phì nhiêu.

Theo truyền thuyết vào khoảng năm 1837 dưới triều vua Thánh tổ Minh Mạng, Ông Nguyễn-thiện Năng (mà về sau



nhiều người Nam gọi trại là Nguyễn-Hiền-Năng) người sinh trưởng ở Trung-Việt, được vua sắc phong Tri Huyện và bổ đến trấn nhậm Huyện Long-Xuyên,

Quan Huyện đem gia quyến, gồm một vợ và một con nhỏ, cùng đoàn tùy tùng đến nơi nhậm chức. Ngài là một vị quan trẻ trung, văn võ kiêm toàn, thanh cần liêm chính, nên suốt thời gian trấn nhậm, rất được nhân dân trong huyện tôn trọng và kính mến.

Thời bấy giờ, nước nhà đã được tự chủ, sự giao thông dễ dàng, nên các ngoại kiều, như là Khách-trú (Hoa-Kiều) phần đông họ Quách, từ Tân gia ba, Xiêm-La (nay là Thái Lan), Cao miên tràn sang đây lập nghiệp và ra sức cạnh tranh với người bản xứ trong thương trường.

Trong thời gian trấn nhậm huyện Long-Xuyên, ngài cai trị rất nghiêm nhặt và thẳng thắn. Những người ý thể hiếp cô buôn gian trốn thuế.. đều bị ngài đòi tới nha huyện trừng phạt nặng, như đóng gông, xú trượng, giam hậu v.v ..

Ngài thương mến người bản xứ, nhưng đối với người người Hoa kiều, ngài có rất ít cảm tình, nên trong việc phạt vạ, họ thường bị nhiều cực hình khổ khắt. Vì thế, mối căm thù ngầm cháy trong lòng họ, và ngày đêm họ mong chờ cơ hội để vùng dậy báo thù.

Đến năm 1851 là năm Tự Đức thứ 4, trong nước có nhiều loạn lạc, giặc giã cướp bóc nổi lên đánh phá tứ tung.

Thừa cơ hội ấy, và lợi dụng mối căm thù âm ỉ cháy trong lòng họ Quách tại huyện Long-Xuyên, phủ Liêm cũng là người Hoa-Kiều (chức Phủ thời đó là chức Bang trưởng gần

đây), bèn xúi dục và cầm đầu một số người họ Quách nổi lên đánh phá xóm làng, phía Sóc Trăng rồi đánh tràn qua Cà Mau với mục đích xung hùng một cõi và sát hại quan huyện Năng đăng rửa hận.

Trước tình trạng đó, quan huyện, với ý định giải hòa, sai hai tên lính lệ đi tìm mời Phủ-Liêm và một ít người trong kiếng họ Quách đến Nha Huyện đăng thảo-luận.

Bấy giờ Phủ-Liêm và thuộc hạ đang hội họp để bàn mưu định kế đánh phá Nha huyện nên khi hai lính lệ đến nơi liền bị chúng bắt trói. Đồng thời chúng dùng ghe lớn chèo đến tấn công Nha Huyện.

Được tin cấp báo, biết rằng nguy cơ đã đến, mặc dầu đang bị đau nơi chân ngài và phu nhon (vốn cũng là người võ nghệ siêu quần) cùng nghinh chiến với quân phiến loạn. Ghe giặc cập bến. Quân giặc ồ ạt tràn lên bờ. Ngài và phu nhon đốc toàn lực chống lại quân thù. Nhưng quả bất địch chúng hai vợ chồng đành mở cửa sau diu dắt con thơ chạy lẫn trốn vào rừng và tìm cách sang sông quan lộ, ẩn trú sau xóm Phước-Kiến, Quân giặc xông vào đập phá nha huyện và theo dấu truy tìm Ngài rất gắt. Quá tức giận vì không tìm ra được tung tích Ngài, bọn chúng mới truyền rao : Nếu dân xóm Phước-Kiến không bắt quan Huyện đem nộp, thì cả xóm phải bị thiêu hủy.

Vì lòng nhân đạo, không nỡ để dân lành liên lụy vì mình, Ngài quyết một mất một còn với giặc : liền nhờ người đưa sang sông, trở lại. Thuyền vừa cập bến tại quãng cách chùa Cô-Hồn hiện nay chừng 50 thước, thì quân giặc xông

vào đám chém dữ dội, Ngải và bà Huyện tay hồng con đều chống trả kịch liệt. Quân giặc từ khắp nẻo kéo đến mỗi lúc mỗi đông. Xác giặc nằm ngổn ngang trong trận địa. Liệu không thể đương cự trước thế giặc quá mạnh. Ngải thì can giặc, phu nhân thì bồng con mà chạy trong tiếng reo hò của kẻ địch cho đến mút xóm. Đến đây, ngải và bà đều sức tàn lực kiệt...

Hai Ông bà Huyện bị quân giặc hạ sát một cách thảm thương, còn đứa con nhỏ, giặc không ngần ngại nắm hai chân vung lên cao mà đập xuống đất vỡ sọ chết tốt.

Thì hải cả ba, không hòm không vạt, không chẵn chiểu... bị quân giặc vùi dập chung vào một hố ngay địa điểm trận đánh cuối cùng.

Từ đó giặc họ Quách hoành hành tại huyện Long Xuyên, nhưng, chẳng bao lâu quan huyện Tiếp, trấn nhậm huyện Kiên An, hay hung tin liền xin viện binh của triều đình xuống huyện Long-Xuyên dẹp quân phiến-loạn. Giặc họ Quách do Phủ - Liếm cầm đầu bị thảm bại, lớp tử thương, lớp bị bắt sống, lớp thoát chạy tán lạc...

Quan huyện Nguyễn thiện Năng tuy đã ra người thiên cổ nhưng hồn thiêng không chết thường ứng nhiều điềm lành...

Từ đó về sau, không rõ vì nguyên nhân nào, người Hoa Kiều mang họ Quách còn ở lại đây thường bị chết một cách bất ngờ và thảm thiết : có người đang mạnh giỏi nửa đêm đâm ra hốt hoảng la lên, rồi học máu ngã lăn ra chết.

Người Hoa kiều nhứt là người thuộc dòng họ Quách và cả đàn chúng trong huyện đều tin tưởng, là hồn thiêng của Ngải ứng lên để giải oan hoặc báo thù (?).

Năm 1886, dưới triều vua Hàm Nghi (trước khi bị Pháp bắt) để được sống an toàn vì sự tin tưởng trên, một số Hoa-Kiều sinh sống ở Cà mau hợp nhau xây mộ đá và dựng miếu thờ ngay trên phần đất mà xưa kia họ Quách đã vùi dập Ngải và vợ con. Miếu này sau lại dời về gần Cầu quay bây giờ. Kỳ diệu thay ! Kể từ đó, khách trú họ Quách được yên ổn và làm ăn càng ngày càng phát đạt. Để nhớ ơn Ngải, mỗi năm, đến ngày mồng 6 tháng 7 a.l. người Hoa Kiêu chung đậu tiền bạc cùng người bốn xứ thành kính đến miếu thờ Ngải để quy tế long trọng.

Và những ai xuôi ngược trên dòng sông Quan lộ, đều chú ý về phía hữu ngạn, sừng sững một ngôi miếu, kiến trúc theo lối cổ điển, phía hậu có ngôi mộ to tướng. Đó là miếu thờ (ÔNG THẦN MINH) — một húy mà nhân dân trong huyện dùng để suy tôn quan-huyện NGUYỄN-THIỆN-NĂNG.

Năm 1938, chánh phủ Pháp khởi sự làm cây cầu quay trên Sông Quan Lộ, để nối liền lộ trình Cà Mau — Bạc-Liêu. Miếu và mộ quan huyện nằm ngay dưới phần đất thuộc dốc cầu, nên vị chủ quận bấy giờ ra lệnh cho Hương chức sở tại cải táng hài cốt Ngải và vợ con tại khoảng đất giữa chùa Quan-Âm Bồ-Tự và đình xã Tân Xuyên ngày nay,

Vì đã trải qua một thời gian khá lâu, hơn nữa, lúc chôn cất không hòm quách, nên lúc khai mộ, người đương thời chỉ lấy được một cái sọ lớn, vài ống xương chân và một ít chuỗi hồ.

Lễ cải táng được chánh quyền cho phép tổ chức trọng thể, có hương chức làng, tổng và một đội lính đi đưa. Bài

vị và tước của Ngài được đưa tạm thời vào đình làng chờ ngày tái lập miếu mạo.

Ngày qua tháng lại, kể đến những năm giặc giã, rồi tiếp theo cuộc chinh biến năm Ất-Dậu 1945, công việc tái lập miếu không tiến hành được. Mãi đến năm 1955, miếu võ được trùng tu. bài vị và tước của Ngài đem về thờ phượng tạm tại đình xã.

Năm 1963, nhờ sự giúp đỡ của chánh quyền, các vị hảo tâm cùng nhau kẻ góp công, người góp của xây cất ngôi «Nguyễn-Công Thần-Tự» để thờ phượng Ngài.

Giờ đây với tâm thành hoài niệm các bậc tiền bối, toàn kẻ hậu sinh là các con của xứ Càmau xin kính cẩn ghi lại cuộc đời trung cang nghĩa khí của Ngài, gọi là nghiêng mình dâng lên anh linh Ngài một nén tâm hương và đóng góp vài nét sử liệu vào quyển lịch sử Càmau (Tỉnh An-Xuyên) một tỉnh cuối cùng của miền Nam nước Việt, được thành hình bằng máu đào xương trắng của bao nhiêu đấng anh hùng liệt sĩ.

oOo

CHÙA CÔ HỒN

Tại tỉnh lỵ CAMAU, cách đập kinh 16 lối 150 th, hướng về phía lò heo cũ là một ngôi chùa kiến trúc theo lối kim thời bằng vật liệu nặng, tráng lệ và rộng rãi. Trước chùa một cái sân lót gạch tàu thường cho các chành mướn đặt phơi lúa hột hoặc chất lúa đã vô bao : ấy là chùa Cô-hồn do hai Bang Hải-Nam và Khe (Hakas) chung đậu tiền bạc xây cất cách đây lối 35 năm Nơi đây cũng là chỗ mà ông

Huyện Nguyễn-thiện-Năng, chủ quận huyện Long-xuyên (Cà mau cũ) trấn nhậm và bị bọn người Tàu họ Quách giết với vợ và đưa con duy nhứt, dâng trả thù chánh sách cai trị nghiêm khắc của quan huyện đối với gian thương.

Nhiều người lầm tưởng là chùa này để thờ một cô nào đó hoặc có tên HỒN : sự thật là chùa của 2 bang nói trên thiết lập ra để thờ những vong hồn cô đơn bị bỏ rơi, không ai cúng kiến (theo tự-điền Đào-duy-Anh dịch ra tiếng Pháp là «*âmes abandonnées, sans culte*»).

Một vài nhơn vật gốc Hải Nam tại Cà mau, như ông. Bang SON ở ấp Ô-rô, xóm Tân-thuộc, và con ông Chúa Tàu CÚI ở vàm sông Ông Đốc, có người mẹ là Bà Mười Tàu-Kích vừa tạ thế cách đây vài năm, đã thuật lại sự tích chùa Cô-Hồn như sau :

«Trước năm 1910, Cà mau và Rạch-giá là 2 nơi có nhiều nhứt người «Huê-kiều thuộc bang Hải-nam, vì lẽ 2 tỉnh này ở phía đông vịnh Xiêm-la gần Tân-gia-ba ở phía Tây-nam nên tàu buôn thường ở tận cù - lao Hải - nam đến buôn bán mỗi năm, nhứt là trong mùa hạn.

«Họ đến trên tàu buôn bằng cây thông, mỗi tàu có 3 cột buồm (đôi khi tàu nhỏ thì 2 buồm. Bánh thì lại to lớn, tay lái bề hành tròn trên 0 th 50, phải có 2 người tài công lực lưỡng điều khiển mới bề qua bề lại được. Người địa phương gọi là «Tàu ô» (Tàu của bọn cướp biển) tàu Hạ (ở Tân - gia - ba đến) hay tàu Hải-nam (ở cù lao Hải-

nam tới) chở đầy nhóc : dầu lửa, ống quẹt hiệu con sấu, vải đen còn gọi là vải Hạ, bánh bích-qui nhỏ cỡ đầu ngón chơn cái phía trên có gắn bông đường màu hường đựng trong thùng thiếc củ hành, cam tàu, hồng khô, trái vải. Đôi khi tàu chở á-phiện lậu giấu trong cột buồm và nhiều thùng rượu whisky «Black with» dưới hầm phía trên có 2 nắp đậy kín. Bị sở thương chánh Cà-mau khám phá nhờ có người điềm chỉ, có một lần tàu và đồ quốc cấm, bị tịch thu, Chứa tàu và thủy-thủ thì áp giải về Saigon giao cho Sở Tân-đảo ở Chợ cũ đăng trục xuất về Tàu.

Khi đến bến, tàu neo dưới sông từ đầu kinh 16 đến lò heo cũ, lối 1 tháng, vừa cất hàng, vừa ăn (mua) khô lóc, khô bời (cá sặt lớn con), khô bẹ, cá mận, tôm khô, chiếu lát trắng chớ không mua loại có màu, lát nguyên sợi cột thành bó. Năm nào địa bầu thất mùa, hoặc «chìm» (bị ngập nước khi mưa lớn) tàu chưa được khảm, thì họ phải chở thêm cả trăm con heo cho đầy tàu.

Khi tàu lui ra tới vàm sông Ông đốc, thì trục chỉ Tân-gia-ba (Singapour), chớ ít khi ra biển Trung hoa đặng về cù lao Hải nam. Vì lẽ ấy, nên tại Rạch giá và Càmau, dân chúng thường gọi là tàu Hạ.

Theo truyền thuyết vài người Tàu thuộc bang Hải-nam vừa kể trên ; thì không được biết chắc chắn dưới trào vua nào (Gia long hay Minh-Mạng ?) hải quân V.N. đi tuần tiễu dọc theo duyên hải chia ra làm ba chặng : Hanoi—Vũng tàu—Mũi Càmau, sau rớt, Mũi Càmau—Hà-tiên.

«Trong một đêm tăm tối, tại miền Trung-Việt, tàu tuần

bắt gặp một chiếc tàu Hải nam 3 buồm chở cả thảy 109 người toàn là đàn ông gồm chúa tàu, tổng khải (đầu bếp) thủy thủ và lối 10 chú từng (con nít) đề sai vật Hải quân V.N. nghi đó là tàu ô đi ăn cướp, vì trong lúc khám xét mấy hầm tàu gặp nhiều bạc nén, vàng thoi và nữ trang đắt giá, chớ không có hàng hóa chi cả.

«Khi 2 bên giằng co nhau, một trận đấu khẩu kịch liệt xảy ra : rớt cuộc 1 thủy thủ V.N. và ông chúa tàu ầu ẩu rồi trong lúc xô xát với nhau ông bị trượt té đập đầu vào be tàu bể óc chết liền. Bọn thủy thủ tàu Hải nam đâm ra uất hận toan làm dữ nên tất cả đều bị hải-quân V.N. chém quách hết thì hải-quảng-xưởng biển làm mồi cho cá mập. Chỉ còn sống sót 1 chú từng nhờ đêm tối lén chung trốn trong kẹt hầm, phía sau lái có một cái ky lớn đập kín lại ?

«Tàu được giòng về cố đô Huế và tiền bạc bị tịch thu hết. Vài ngày sau vụ hành quyết tập thể này được phát giác, nhờ chú từng còn sống sót tố cáo với vợ ông chúa tàu là người V.N. thuộc dòng dõi nhà vua.

«Chú từng này thuật lại sự việc rùng rợn đã xảy ra. Và cách đó chẳng bao lâu, bà vợ ông chúa tàu tình cờ bắt gặp 1 người lính thủy V.N. khi dạo phố phường, có đeo một chiếc nhẫn bằng vàng y, nhận hột màu hường có gọt cạnh : đó chính là món nữ trang kỷ niệm của bà tặng cho chồng. Bà bèn đến yết kiến Hoàng-thượng và rất tiếc kết cuộc ra sao không ai được biết ?

«Vài tháng sau, linh hồn ông chúa tàu và một số thủy - thủ thường về ứng mộng cho gia đình, nhứt là cho mấy ông chúa

tàu đi buôn qua V.N. và Tân-gia-ba, nên nhiều tai họa thảm khốc như bão tố thành linh, hoặc tàu bị «phá nước» (lũng lồ khi chạm đá hàn ngoài khơi) Nhờ đó, thủy thủ kịp thời cho tàu hướng về chỗ an toàn trú ngụ hoặc khám phá chỗ lũng mà trắm lại cho tàu khỏi bị đắm.

«Còn nhiều chuyện hiển linh khác nữa của vong hồn 108 người bị giết nhạp xác lên đồng báo tin cho tàu Hải-nam tránh được nhiều cuộc cướp bóc của tàu ô

«Vì các lẽ nói trên người Hải-nam sinh sống tại Càmau và rải rác trên lãnh thổ V.N. lập ra Chùa Cò Hồn dâng thờ vong hồn những người Hải-nam chết oan không có bà con quyền thuộc thờ phượng và cúng kiến.

oOo

Mới đây, hơn dịp ngày Xuân Nhâm-tý (1972) tôi có đến nhà hàng «Thiên Nam», số 53 đường Công Lý (Pasteur) và hạnh được hầu chuyện với Ô. X . . . một người Hainam chính tổng 47 tuổi giúp việc tại đây, nói khá rành tiếng Việt. Ông cho tôi biết ông là người sanh trưởng tại cù lao Hải-nam hiện cha mẹ còn sanh tiền tại đó, ông đã lìa quê hương trên 20 năm nay, không có dịp trở về cố quốc, và cù lao Hải nam dân số trên 3 triệu phần đông thiên về C.S. Dân Hải nam có thể đáp máy bay từ Saigon về Hồngkong mà thôi. Còn muốn về cù lao Hải nam nếu không phải là người có thế lực và thân chánh quyền thì phải lên đáp tàu Anh-quốc nhỏ neo lúc ban đêm mà trốn đi.

Ông lại cho biết thêm một vài tài liệu quan trọng nữa: «trên cù lao hiện nay, không biết bao nhiêu chùa cò hồn dọc «theo mé biển đã lập ra gần 1 thế kỷ rồi dâng thờ vong hồn của «trên 100 người Hải nam bị giết ngoài biển Trung-Hoa (chớ không có nói đúng là 108 người) nhứt là trong những xóm có tàu buôn và tàu đánh cá, vì họ thường linh đình trên mặt bể.»

Chúng tôi định ninh rằng những tài liệu do nhiều người Huệ Kiều, Hải nam cung cấp trên đây còn nhiều thiếu sót.

Xin quý vị đọc giả vui lòng bỏ tấc cho sự tích «Chùa Cô Hồn» được hoàn mỹ.

(1) Rất tiếc không chụp được ảnh chùa, vì trước sân nhiều quán có dựng lên bít hết mặt tiền.

oOo

MIẾU GIA-LONG

Khởi cầu quay Ca-mau phía Kinh xáng đi lên Ô-rô, lối 200 thước, còn một cái miếu nhỏ xưa gọi là «Miếu Gia-Long» còn gọi «Miếu Quốc-Công» hoặc «Âm-dương thần».

Miếu này lối 08 th x 10 th trước kia không được trùng tu, nên coi mỗi u tẹ : sân cỏ mọc um tùm, có một cây dương cao và cằn cỗi, trong miếu nền đất đóng rong xanh lè vách thì nhện giăng tứ phía. Miếu do vua Gia-Long hạ chỉ lập ra để thờ các vị công thần vì nước bỏ mình. lúc ngài chạy xuống miệt Cà-Mau.

Trong miếu, thấy một cái bàn thờ cũ kỹ, sơn son phết vàng, đã phai màu, trên đề nhiều bài vị, lư hương và một cái hộp cây lớn bịt một ẩn nhiều chỗ. Hộp này đựng nhiều tờ giấy bạch có viết chữ Nho, chữ cọn chữ mất, khó mà đọc được, chỉ biết đó là sắc vua ban, ghi nhiều tên và chức vị các quan tày tày, hoặc chết vì bệnh tật, hoặc bỏ mình trong lúc đi hộ tống, trong đó có tên Nguyễn văn Vàng, tử trận tại sông Khoa Giang và nhiều quan võ khác cũng mang họ Nguyễn.

Mỗi buổi chiều, một ông từ đến đốt nhang rồi về, chờ ít khi cúng tế.

Trước năm 1945 khi nào nhộn, thì hương-chức làng An-Xuyên làm lễ gọi là «Tống gió».

Người ta kết một chiếc tàu nhỏ bằng bẹ dừa nước, để trên một cái bẹ chuối khá to độ 2 th x 5 th, trang hoàng hình nhơn mang cờ xí đủ màu sắc, coi rất ghê sợ.

Sau khi hành lễ trong miếu xong thì lối rạng đông, ba hồi trống nổi lên inh ỏi đèn sáp đốt sáng trưng trên tàu, nhang cắm khắp chỗ : lối 20 người dân lực lưỡng khiêng chiếc tàu xuống mé sông, đặt trên bè chuối chờ ghe giồng ra sông Ông Đốc.

Trong chiếc tàu, có một con heo tươi ít lắm là một tạ, gà vịt, xôi chè và bánh trái đủ thứ. Lại thêm một mâm đèn với một hộp á-phiện.

Trước mũi ghe, thầy Mang là thầy Pháp trừ đàn ở Rạch-Rập, mặc đồ đen, thắt giây lưng đỏ mặt mày vẽ rằn ri, tay cầm gươm sáng trắng, quơ qua quơ lại, hò hét vang dậy dưới sông.

Ghe tới ngang nhà nào, thì trên bờ nhà đó phải bỏ muối cục vào lửa mà đốt cho nổ lên.

Khi ghe dắt chiếc bè ra tới ngã ba sông Ông Đốc và Rạch Giếng thì đợi đến nước ròng chảy thật mạnh, mới vứt dây cho bè trôi ra biển, nói đúng hơn là ra vịnh Thái-Lan.

Nhưng bè và tàu không hề trôi tới vàm sông Ông Đốc được, vì cách Rạch Giếng lối 10 cây số là tới Rạch Cui, một sóc Miên đông đảo. Họ đã đoán trước lúc nào bè trôi ngang qua, nên hờm sẵn nơi đó, kéo bè và tàu lại, dọn hết các đồ vật cúng

quả, mở yến tiệc linh đình tại mé sông, rồi phá cho bè chìm.

Đồng bào ở Càmau rất tiếc là không được bảo tồn di tích quý báu, nhất là hộp sơn son phết vàng đựng sắc vua Gia-long ban cho các vị công thần có công hộ giá Ngài khi ẩn trú tại Cái Tàu và Cái Rắn.

oOo

MIẾU CÁ-ÔNG

Tại rạch Ông-Trang, thuộc xã Viên-An, cách vàm trên 100 th, kế bên Hội-đồng xã có một ngôi miếu thờ cá Ông, trên 50 năm rồi.

Ở gần biển, khi cá Ông «lụy» (chết) thầy thường trôi tấp vào bờ, vì sóng đánh.

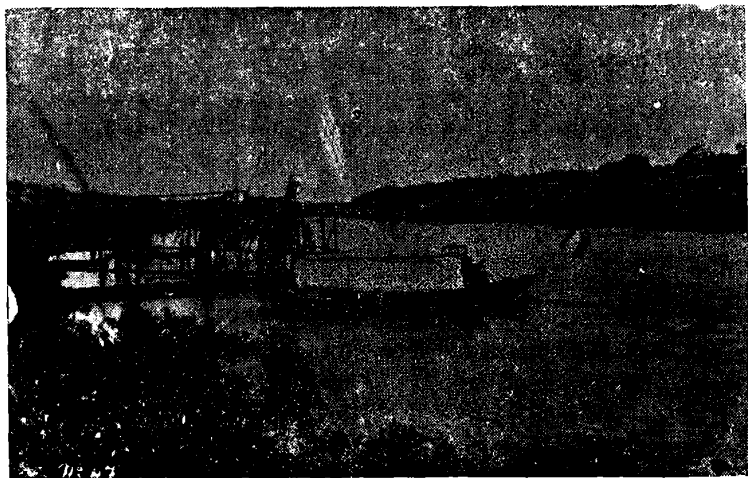
Tục truyền rằng : Cá Ông thường hay cứu vớt người đi biển ngộ nạn. Khi gặp ghe sắp bị đắm vì giông tố, cá Ông trồi lên mặt nước, đỡ ghe đưa vào trong cạn. Hễ cá Ông đi, thì luôn luôn một cặp cá đao theo hộ vệ hai bên mình, con nào cũng có đao dài trên 1 th.

Cá Ông thì hiền từ, còn cá đao dữ tợn : hễ gặp con cá nào muốn chạm đến mình cá Ông, thì hộ vệ tả hữu dùng đao của mình chặt qua chặt lại lia lịa và thật mạnh. Cá nào gặp đao nhọn và bén này đều phải tan xương nát thịt. Đôi khi sóng to

gió lớn nổi lên thỉnh linh, hoặc bão bùng liên tiếp, cá Ông rũi bị đánh vạt mạnh vào đá, thì lụy. Khi biết hung tin này, mấy người chuyên nghề hạ bậc đều nghỉ việc, tụ tập lại, bè ghe lớn đăng rước xác cá Ông về xóm lập miếu thờ.

Tại miếu Cá ông ở rạch Ông Trang, người ta thờ cái đầu lớn cỡ cái mái bầu và chút ít xương, sau khi tẩm vào rượu trắng và phơi khô.

Bàn thờ cá Ông nằm giữa, hai bên có một cặp đao của cá đao, cắm vào bệ bằng cây. Cặp đao này chỉ dài lối 1 th, một cái lâu ngày bị gãy chót trên, chớ đao lớn có thể dài đến 1 th rưỡi (như con cá đã bắt được năm 1925 tại cửa Bồ-Đề, mà cái



*Xóm và Rạch Ông Trang với cầu khỉ.
Cảnh vòm rạch này lối 100 th,
là « MIẾU CÁ ÔNG »*

đao bán cho Ông Bang-biện Thái ở Xóm Thủ.)

Đầu cá Ông thờ trên bàn trùm vải đỏ, còn cặp đao thì để trần, trông oai nghiêm và rùng rợn.

Ngày cúng miếu hàng năm thường là không nhất định, vì còn tùy theo thời tiết và gió xây hướng sớm hay trễ. Bà con trong xóm tụ lại đông đủ, vật heo cúi làm gà vịt và nấu chè xôi dâng cúng tế, xong rồi, đoàn ghe đánh lưới mới dám trương buồm ra khơi.

Năm nào cũng vậy, lần đầu tiên ra khơi, khung cảnh thật rộn rịp và vui vẻ, vì ghe nào cũng đều treo cờ vải nhỏ ngũ sắc, dài theo dây chằng cột buồm từ trên chót xuống đến be ghe, ở xa thấy như cờ treo của mấy trạm xăng tại Sài-Gòn.

CHƯƠNG V

VÀI TẬP - QUÁN, TỤC - LỆ CỔ - TRUYỀN

Trong mấy vùng xa xôi, còn nhiều phong tục và tập quán lưu lại đời này qua đời khác khó mà canh tân được, vì mấy ông kỳ cựu, nhất là bà lão, cho rằng : Những tục lệ ấy chính là của tổ tiên ta truyền từ lưu tôn, chứ không phải là của người Tàu nhập cảng !

Ta gặp nhiều nghi lễ phiền phức trong các việc quan-hôn, tang tế và cách trị bệnh .Nhiều phong tục, tập quán chịu ảnh hưởng sâu xa về sự tín ngưỡng quỷ thần của Trung Quốc, gây không biết bao nhiêu tai họa, làm cho người bệnh chết oan uổng, hoặc mang tật suốt đời.

NHÀ CỬA—Trong thôn quê, ít nhà vách tường cột gạch, mặc dầu nhiều người giàu với ruộng nương cò bay thẳng cánh. Thường thường, nhà lá, mái dày lắm khi đến 3,4 tấc, hoặc nhà ngói vách lợp (vách ván), ba căn xông, hay có hai chái gọi là «nhà trên». Kế đó là «nhà dưới» dùng vào việc bếp núc và làm vựa lúa. Phần đông nhà dưới thường đâm nóc xuống sông.

Trước mặt nhà trên, thường có «thảo bặc», không cửa nẻo và vách phen chi hết.

Khi muốn cất nhà, người ta coi ngày trong lịch Tàu và lựa hướng tốt. Khi thượng đòn đồng, chủ nhà cúng kiến và treo một cuốn lịch Tàu mới với một miếng vải đỏ lối 6 tấc vuông, vẽ hình bát quái đề chữ : «Khương Thái Công tại thử». Lễ ấy gọi là : «Thượng lương» (lên đòn đồng).

Chủ nhà phải đối đãi tử tế với thợ mộc, cho ăn uống đầy đủ, sợ e họ «ếm bùa» thì gia đình sẽ mang họa về sau (?).

Chính giữa nhà, là bàn thờ : phía trên, bàn thờ ông táo ; dưới đất : bàn thờ Ông địa hay Tài thần, hai bên bàn thờ Ông bà. Có khi, còn thêm hai cái trang trên nóc tủ hoặc trên vách nhà thờ ông Quan-Thánh đế-quân và Bà Cửu-thiên Huyền-nữ.

P phía trên cao mấy bàn thờ Ông bà, thường treo một tấm biển viết ba chữ Nho thật to, cỡ 3,4 tấc.

Còn ngay giữa nhà, trước mấy bàn thờ, thường là bộ ghế trường kỷ, trên có đề một cái gối dựa thật to : đó là nơi tiếp khách.

Nhà khá giả thường treo liễn cần ớc xa cừ, hoặc liễn kẻ ớp vào cột tròn khắc câu đối, chữ nho phết vàng.

Ngoại trừ cửa cái và cửa sau của nhà trên, ít thấy cửa sổ, vì vậy, trong nhà tối tăm và không có thoáng khí.

Trước sân, ít khi có hàng rào, nhà nào nhà nấy thường trồng cây cột nhỏ bề cao trên 1 thước, phía trên đóng miếng ván nhỏ sắp một cái lư hương và 1 cái ve chai đề cắm bông vào ngày mồng một và rằm : đó là bàn Ông Thiên, đốt nhang mỗi buổi chiều.

ĂN - UỐNG. Ở thôn quê, ít được dịp ăn thịt heo và thịt bò, thường ăn tôm cá và rau cải, vì vậy dân chúng được khỏe mạnh. Món ăn cần thiết là mắm : nhà giàu có đến đôi ba tạ, nhà nghèo ít lắm cũng cụ bị vài ba yến đựng đến mùa mưa, lúc khổ ăn, đem ra kho với cá, hoặc chưng ăn với rau dừa hay bông súng.

Gặp đám giỗ, nhà giàu thì vật heo, nhà nghèo cũng ráng làm gà vịt đựng cúng quảy Ông bà.

Thức uống thường là nước lã, hoặc trà Tàu, hoặc rượu nếp. Bữa ăn thường ngày dọn trên bộ ván ngựa, chén đĩa và tô bát đựng đồ ăn dọn chung một lần trong mâm cây hay mâm thau. Con nít thường ăn riêng chớ ít khi được ngồi chung với người lớn.

ĂN TRẦU. Thói quen ăn trầu không thể bỏ được nhất là mấy ông già bà cả. Khi lấy một lá trầu ngắt đuôi bỏ và quệt với kèm thêm một miếng cau tươi (hoặc khô) bỏ vào miệng hoặc vào ống xới bằng ngà, thau hay xương thì câu chuyện bắt đầu, đúng theo câu ca dao :

« Miếng trầu là đầu câu chuyện »

Miệng nhai ngồm ngoồm, tay xĩa thuốc liêu miên chủ và khách bàn về thời tiết, mùa màng, giá lúa, thời cuộc hiện tại trong và ngoài nước v.v...

Người nghiện trầu tìm cho được trầu vàng, vôi trắng và cau tươi thật ngon : nhiều « bà già trầu » nghiện cho đến đổi ăn một hơi 3, 4 miếng, nên người ta thường nói :

« Hề miếng kia hạ rộng, thì miếng nọ động quan »

Tuy vậy, tràu cũng có ích lợi : vị cay và mùi thơm tầy được mùi xú-uế trong miệng và làm cho răng được chắc thêm

HÚT THUỐC.— Người dân ở thôn quê hút thuốc bành, còn gọi là «thuốc Gò Vấp» hoặc thuốc giồng, vắn bằng giấy quuyến mỏng cắt ra từng dun cuốn tròn lại. Điều thuốc thì đầu lớn đầu nhỏ, đầu lớn để đốt, đầu nhỏ để ngậm. Họ không quăng bỏ thuốc tàn, mà thấm nước miếng dán trên cột nhà hoặc trên cánh cửa, thường thấy có nhiều hàng dọc ngang, đề khi hết thuốc gỡ ra mà hút cho đỡ ghiền

Thuốc rời và giấy quuyến đựng trong hộp, phía trong nắp có gắn một miếng kiếng, để soi nên gọi là «hộp kiếng» phía ngoài vẽ bông hoa đủ màu. Thanh niên thì bắt đầu hút thuốc diếu vắn sẵn.

ĂN - MẶC.— Trước kia người Văn-Lang là tổ tiên của chúng ta, mặc áo dài gài nút phía bên tay trái. Từ khi người Tàu qua cai trị thì Nhâm-Diên và Sĩ-Nhiếp truyền lệnh cho nhân dân gài nút phía bên tay phải.

Ở trong nhà, đàn ông thường mặc áo bà ba không túi, quần thì vận lại có sợi nhợ to thay thế dây nịt hoặc sợi dây lưng bằng vải hay lụa, phía trước treo tòn ten một cái hồ-bao đựng thuốc hút và giấy tờ.

Đàn bà, con gái thường mặc áo dài đen, nút bằng hồ-phách hay mã-nảo, trong có áo bó (áo túi bó chặt ngực) hoặc áo vá quàng, chớ ít khi dùng áo màu.

Vì vậy, ta thường nghe ở miệt đồng quê Cà Mau bốn câu hát chọc gái sau đây, khi gặp cô gái mặc áo vá quàng tóc bời

có giắt một cây nhím.

- «Áo vá vai, vợ ai tôi không biết !
Chớ bận áo vá quàng, chỉ quyết vợ tôi»
- «Áo đơm năm nút không màng,
Thương cô áo chẹt, vá quàng nửa lưng»
- Không thương cổ có hột vàng,
Thương em chiếc áo vá quàng năm thân.
- Thương em thuở áo mới may,
Bây giờ áo đã rách tay vá quàng.

Mấy ông già thường bịt trên đầu 1 cái khăn vải đỏ, đàn ông con trai thì bịt khăn xéo vải trắng. Ta thường nghe câu hát huê-tình sau đây, nhứt là ở xóm Cái-Rắn :

Ra về không lẽ về luôn,

Đề khăn xéo lại, lệ tuôn em chùi !

Mấy bà già vắt trên vai một cái khăn rằn hoặc khăn đỏ để lau miệng khi ăn trầu, đàn bà đội khăn một màu, con gái kim thời hơn một chút, đội nón lá buồn hay nón bài thơ.

Ít thấy thanh niên còn bới tóc nữa, họ hớt tóc ngắn thường «chải bảy ba».

Đàn bà vẫn bới tóc có bánh lái, bở hai, ba vòng xức dầu dừa cho thơm và láng. Đầu tóc có giắt một cây móc tai, hoặc một cây trâm bằng bạc.

Mấy cô gái nào theo kim thời, thì bới tóc cho gọn thôi, nên không còn bị chế diễu như câu hát huê-tình xưa nữa :

Chị kia bới tóc đuôi gà,
 Nắm đuôi giựt lại, hỏi nhà chị đâu ?
 Nhà tôi ở dưới đám dầu,
 Ở trên đám đậu, đầu cầu ngó qua.
 Ngó qua bên kiềng Tô-Châu,

Thấy em gánh nước trên đầu giắt trâm.

Khi kỳ yền chạp miều, hoặc đám cưới đám ma, mấy ông lão và đàn ông con trai đều khăn đen áo dài, chân mang guốc, giày hàm ếch hay giày Tàu mã-mị.

Mấy ông già thường đề râu cằm, đàn ông đề râu mép còn gọi là râu «ngạnh tre».

TRANG-SỨC. Mấy bà lão không đeo nữ-trang bằng vàng hay đồng, mà thích đeo nơi cổ một xâu chuỗi hồ và một đôi bông cũng bằng hồ hoặc mã-não.

Mấy cô gái thường đeo chun nôm, cà rá, dây chuyền và bông tai búp, bằng vàng hay đồng.

Thanh niên đeo vàm trống bằng đồng hoặc-cà rá nhận hột mai cạnh đủ màu, nếu khá giả, họ đeo đồng hồ tay.

HÔN - NHÂN.— Việc dựng vợ gã chồng trong thôn quê tại nhiều nơi còn theo thủ tục phiền phức như là : coi ngày, gã con ăn tiền v.v.

Tệ đoan nhưt là, «làm rề ở» : khi hai đảng sui-gia thoả thuận xong việc hứa hôn, thì chàng rề phải đến nhà cha mẹ vợ ở dựng công làm chuyện chẳng nhà, khác chi người ở đợ thi công, đặt đền bù phần nào công khó nhọc của nhạc gia. Chẳng

phải là làm rề ở, trong thời gian đôi ba tháng, có khi đến 6, 7 tháng, hoặc cả năm mà chàng rề vẫn chưa cưới được vợ.

Xưa kia, trong việc hôn nhân, có đến 6 lễ cả thầy, đến nay may thay ! được rút bớt lại còn 3 lễ chánh :

1. Lễ nạp cát (làm quen)
2. Lễ hỏi (ăn trầu uống rượu)
3. Lễ thân nghinh (lễ cưới rước dâu).

Thường khi, trong vùng Cà Mau, đám cưới phải đi ghe chèo hoặc ghe gấn máy đường xa mệt nhọc và tốn kém, nên người ta nhờ đến ông mai thương lượng bên trong cho khéo đáng còn hai lễ chánh mà thôi : ăn trầu uống rượu và lễ cưới.

Công việc của ông mai rất khó khăn phải uốn ba tấc lưỡi đáng bên sui gái khỏi làm eo xách, vì vậy, người ta thường nghe câu hát :

« Trong đời có bốn chuyện-ngu,

Làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm chầu »

Đến ngày lễ cưới, khi ghe chàng trai tới gần nhà sui gái, thì phải đốt pháo vang lên báo hiệu đang chuẩn bị tiếp rước. Đôi khi, ghe gặp nước xuôi tới sớm hơn giờ đã định, hoặc gặp nước ngược, tới trễ lỗi 1, 2 giờ sau thì bên sui gái lại bắt lỗi phải đem khay trầu rượu tạ lỗi, rồi mới được vào nhà.

Lễ vật trong lễ thân nghinh gồm 1 con heo đẻ trong cũi, trên gáy và lưng có rắc son tàu thật nhiều (sau này có thể thay thế bằng « heo nằm » nghĩa là trao một số tiền tượng trưng thế con heo sống), hai cây đèn sáp thật lớn có thoa son, nhiều mâm

rượu, trà, bánh, đồ hộp hoặc trái cây phải số chẵn mới được. 4, 6, 8... mâm, tùy theo giàu nghèo; một mâm trầu đem cho khéo với một quày cau, phủ vải đỏ, một cặp chén đựng rượu trắng.

Một ông bô lão lên đèn trên bàn thờ, lễ «Từ đường» khởi sự. Chàng rể mặc áo xanh, cô dâu áo đỏ, áo nào cũng rộng xùm xính, lạy mỗi bàn 4 lạy.

Kể đó, lạy ông bà còn sống, cha mẹ vợ và bà con cô bác trong thân tộc, mỗi người 2 lạy. Nhiều khi, sui gia gái khó tính, không cho lạy tất cả bà con ngồi chung lại trên bộ ván mà phải lạy từ người, hoặc từng cặp vợ chồng. Thành thử, chú rể nào gặp gia-đình bên vợ đông đảo bà con, khi rước dâu được, thì rã giò co gối.

Khi cô dâu trong buồng bước ra, và trước khi cặp vợ chồng ra về, thì chàng rể phải lạnh mắt bước lẹ tới «chụp bóng» người vợ, nghĩa là chen chân đi trước, đứng thực hành câu: «chồng chúa vợ tôi» nếu không lẹ chân, thì sau này người vợ sẽ lấn lướt ăn hiếp chồng.

Sau lễ cưới 3 ngày, lại còn thêm lễ «xá tợ». Chàng rể và cô dâu phải trở lại đỡ mâm trầu. Nhiều khi sui gái dễ dãi, trước khi rước dâu, cho cặp vợ chồng mới đỡ mâm trầu liền đó.

Nhưng nhiều khi, vì một duyên cớ nào đó, sui gia hai bên đàm ra xích mích, không ai lui tới đến ai, trái với câu ca dao «bà con một ngày một xa, sui gia một ngày một gần».

Hiện nay, tại mấy vùng xa xôi, vẫn còn nhiều cô gái

còn giữ nề nếp xưa là «cha mẹ đặt đâu con ngồi đó «hoặc» con gái 12 bến nước trong nhờ đực chịu » hoặc «áo mặc sao qua khỏi đầu » hoặc «Phụ mẫu sở sanh đề cho phụ mẫu định, con dâu dâm tự quyền cãi lệnh mẹ cha ».

Vì vậy nhiều cặp vợ chồng trước khi cưới hỏi không được hiểu biết tình tình nhau, nên đành tan rã sau một thời gian ngắn ngủi, trong sự ăn hận suốt đời của kẻ làm cha mẹ.

SINH - SẢN. Khi đàn bà có thai, thì cứ nhất là không ăn cua và ba khía, sợ đẻ ngang.

Đến lúc chuyển bụng, cấm tuyệt người chồng có mặt tại giường cũ.

«Đàn ông đi biển có đòi,

Đàn bà đi biển mờ còi một mình i».

Khi làm bồn, chỗ nào không có cò đỡ hương-thôn thì rước bà mụ ta, dùng miếng chai bén hoặc dao tẹm mà cắt rốn, chớ cứ không dùng kéo sắt.

Người sản phụ phải nằm lửa, uống nước đái con nít, ăn cơm với muối tiêu thật cay, thoa nghệ khắp thân mình, đến đầy tháng mới rời khỏi giường cũ.

Cấm người ngoài thân tộc đến thăm. Trên cửa buồng thường thấy treo 1 khúc xương rồng, hoặc dán một lá bùa giấy, vàng, chữ đỏ, dặng ếm tà ma.

Nếu trẻ sơ sinh thường hay khóc đêm, gọi là «khóc tang» thì nên kiếm xin cho được một chèo khăn tang của người khác đem về đốt rồi lấy tro hòa nước trà nhều cho nó uống.

Đúng 1 tháng, cùng «lễ đầy tháng» dâng tạ ơn 12 Bà Mụ, với chè đậu trắng, xôi đậu xanh, đỏ, vàng, tím, 1 con cua và một hột vịt luộc.

Đúng 1 năm là lễ «thôi nôi» cũng cùng như trên. Nếu sản phụ không đủ sữa cho con bú, thì mua giò heo về hầm ăn. Nếu đứa trẻ hay ềo uột, thì «ký bán» nó cho ông bà khuất mắt nuôi dùm, hoặc đặt thêm cho nó một tên xấu xí, nếu nó «xấu háy» khó nuôi như : con Bù tọt, con Thẹp, con Đít, thằng Cu, thằng Tèo, thằng Cầu v.v...

Con trai hoặc con gái cũng vậy, trên mỡ ác, đều có thoa một lớp dày vị «châu thần» cho ấm, và trong lúc được năm, bảy tháng, thường để hai cái vá hai bên đầu, con gái thì để chóp.

BỆNH - TẬT.— Trước kia chưa có y-tá hương thôn ở mấy xã xóm đông đúc dân cư, đồng bào miền quê thường dùng thuốc Nam, thuốc Bắc do người Huế-kiều bán.

Khi đau rét, nếu cơn nóng lạnh hoành hành dữ dội người ta dùng rau cần dày lá đâm nhỏ, trộn với vài lát gừng và một con thằn lằn sống đập bó cườm tay lại «nam hữu, nữ tả» đặt «chận cử». Nếu dùng toàn lá cây, thì theo định thức : «nam thất, nữ cửu».

Đến nay đồng bào khá tiến bộ biết xài âu dược, thường đến bác sĩ tỉnh-ly để khám bệnh và tiêm thuốc.

Tuy vậy, ở một vài nơi, thỉnh thoảng người ta còn nghe tiếng trống gióng tung - tung của bà bóng rỗi, hay tiếng hò hét của thầy pháp «lập đàn» chữa bệnh.

CHỒN - CẮT.— Nghi lễ ít ai làm đúng được vì rất phiền

phức. Nơi đồng quê, khi ông bà hoặc cha mẹ vừa tắt hơi, con cháu lấy vải đỏ đắp mặt lại và dùng 1 miếng vải trắng in dấu bàn chân có thoa son dặm để trong hộp hoặc trong khánh mà thờ, cũng nam tả, nữ hữu (lúc xưa, chưa có thợ chụp hình, nên không có ảnh được).

Đến ngày cúng giỗ, đem miếng vải ấy ra cho gia đình và bà con tụ lại xem. Đồng thời những kỷ-niệm êm đềm và tánh tình tốt của người quá cố được nhắc đi nhắc lại cho con cháu nghe.

Ấu cũng là 1 phong tục tốt vậy.

Người đủ ăn thì sắm quan tài để dành sẵn bằng loại cây thường mà gói ghém với vải bó và giấy sứt. Người giàu có thì dùng thợ đường (hòm) bằng cây danh mộc (cây trai hoặc huỳnh đàn), liệm bằng gấm vóc lụa là.

Nhà giàu thì có bàn minh tinh, trên bàn dựng 1 cây triệu (còn gọi là minh sanh) cao lối 5, 6 thước để tên họ, năm sanh, ngày tử của người quá cố, quan tài để trong nhà giàng có sơn son phết vàng, do đạo tỳ khiêng. Con trai mang giày rom, mũ bạc, áo thùng, chống gậy tre, con gái bỏ tóc xỏa, đội mũ nhọn bằng vải trắng che bít cả mặt mày.

Đây là vài câu hát xưa trong việc tang tế :

— «Một mai ai đứng bên kinh,

Ai phò giá triệu, ai rình quan tài ?

Bên kinh đã có con trai,

Giá triệu con gái, quan tài con trai».

— «Trưởng nam le lưởi rà hòm,
Con gái than khóc kể chòm cỏ may»,

Nếu tấn liệm trét chai phía trong quan tài không kỹ, xác chết sinh lên và chảy nước ra, thì tang gia cho rằng người quá vãng có điều chi không vừa lòng. Gặp trường hợp ấy, trai trưởng nam phải le lưởi mình mà rà ngay chỗ ấy cho hòm hết chảy (?).

Sau khi chôn cất, tang chủ sai người đi «kiến» thịt heo, nghĩa là đem biếu cho mỗi người đến giúp đám hoặc có phúng điếu, một miếng thịt heo, lớn nhỏ tùy theo công khó nhọc và số tiền cúng.

Còn những đồ vật nào mượn dùng trong đám ma chạy như bàn ghế, thì cột vào một sợi chỉ lụa màu đỏ, rồi mới huren lại.

Kể từ đó các con trai người quá vãng phải đề râu (không nên cạo), không được dự các cuộc vui chơi, con gái thì mặc toàn đồ đen.

Ba bữa sau ngày chôn cất, con cháu lại quây ra mã cúng lễ "mở cửa mã" để cho người quá cố được đi đầu thai. Đồ cúng gồm một con gà giò sống, một cây mía lau và tam sanh (một miếng thịt heo, một con tôm càng, một trứng vịt) ba món đều luộc chín. Khi cúng xong, họ cắm cây mía trước năm mồ và thả con gà đi đầu thì đi, chớ không đem về nhà, vì vậy thường thấy trước nhiều năm mồ có mọc bụi mía lau. Còn con gà bị lạc lối, đâm ra ngờ ngác, như lời ví :

«Lờ quờ như gà mở cửa mã»

Đến nay trong thôn quê, nhiều qui thức phiền phức đã được cải cách, việc mạ chay được giản dị hơn.

NHỮNG CUỘC GIẢI - TRÍ. Trong hương thôn, mấy ông lão thừa lúc nhàn rỗi, đọc sách chữ Nho, ngâm thi uống rượu nói thơ hoặc đánh cờ tướng.

Trai tráng thì khảy đàn, đá cầu, ca hát, đánh bạc v.v... vài nơi mở mang hơn, có chơi bóng tròn.

Con nít đánh đáo, cút bắt, thả diều, nhảy chằng chạu..

Sau này, có máy thu thanh dùng pin, nên khắp nơi được nghe tin tức thế-giới và trong nước, tân nhạc cổ nhạc, kịch vui, tuồng hát cải lương.

Đó là các cuộc mua vui rất thích thú cho đồng bào ở miền quê, chớ mấy gánh hát bội và cải lương không hề đến tận xóm xa xôi bao giờ.

oOo

MÊ - TÍN DI - ĐOAN

Nói về mê tin di-đoan ở đồng quê Cà Mau, thì kẻ không biết được, nên chỉ thuật dưới đây những điều mà tôi tận mắt thấy.

— Muốn cho con nít được sờn sờ, kiếm móng cẳng cộp bịt bạc hai đầu, hoặc vẩy con trút xoi lỗ cột chỉ cho nó mang vào cổ. Vài người lại cho đeo bùa, tom hay niệt : bùa thường bằng vải đỏ do thầy pháp làm phép, tom và niệt thì bằng chỉ trắng xe lại có một cục chì treo tòn ten từ bên vai trái choàng

xuống dưới nách bên mặt. Khi đeo ba món này, phải cử hẳn không nên chun dưới ván ngựa hay dưới sào phơi quần áo.

— Sau khi cúng xong lễ thôi nôi, người ta lấy ba món đồ sắp trước mặt con nít : một cây kéo, một cây viết và một kiếng soi hoặc một cây lược.

Nếu chụp cây kéo, lớn lên nó sẽ chọn nghề lao động, lấy cây viết, nó sẽ học hành giỏi giã, còn chụp cái kiếng hay cây lược, nó sẽ là người thông minh và có thứ tự.

Khi trẻ con bị nấc cụt thì lấy đuôi lá trầu thấm nước miếng rồi dán ngay chính giữa trán nó. Khi chúng nổi cơn ho thất thanh, người mẹ la lớn nhiều lần : chém ho ! chém ho !»

— Khi ngủ thức dậy, rui trặc cổ, thì lấy gối của mình nằm đem ra phơi nắng (nếu trời mưa dầm dề trọn ngày thì sao ?)

— Không nên dòm mắt vào lu nước, bóng mình dội xuống nước sẽ làm mình té sông, hoặc chết đuối.

Cũng không nên để bóng hình lọt vào quan tài lúc tàn liệm người chết.

— Phàm là học trò, cấm ăn căng gà, vì khi cầm viết tay bị rung tuồng chữ không được tốt.

— Không nên giởn trũng và la om sòm dưới tàn cây cổ thụ như : cây da, cây bồ-đề, cây gừa v.v... vì «Ông Bà» thường ngự trên các cây ấy quả phạt, mình phải bị ốm đau.

— Ngày Tết, không chạy đi mạnh chân, vì «động đất đai». Nhất là ngày mồng một cấm quét nhà, qua mồng hai mồng ba mới quét, nhưng từ ngoài sân quét vô chớ không được từ trong

quét ra, như vậy tránh được hao tài tổn của.

— Khi mắc xương cá trong cổ, lấy mỏ con còng cạo phơi khô (nhiều nhà có sẵn) cào nhẹ cuống họng năm bảy lần. Hoặc biết ai trước kia bị để ra ngược, cậy họ lấy tay cào cuống họng nhiều lần (có lẽ bị nhột cổ nên xương chạy xuống).

— Gặp lúc «nhộn» nghĩa là xảy ra bệnh truyền nhiễm, người ta thường cắm ngoài sân một cây nọc, trên chót có úp cái tin nước mắm phết vôi trắng, chỉ rằng những nhà ấy có con cháu của ông bà khuất mặt, được chữa ra.

— Khi cổ hoặc lưng bị giới ăn, thường tìm thầy mà khoán (làm bùa trên vết rồi thoa son).

— Nếu đau bệnh rét có làm cũ (khi lạnh, khi nóng) thì phải «chận cũ» (có nhiều cách, tùy địa phương).

Người nào làm ruộng trúng mùa nhiều quá, như trên 20 gia mỗi công tầm phát cấy (công ta lối 75 sào tây) thay vì thiết tiệc ăn mừng, thì trái lại phải xả xui: Người nhà lấy một cây chổi rom mới, đập nhẹ trên đầu nhiều lần, vì cho rằng hễ gặp lợi nhiều, thì có họa to.

— Gà hay vịt vừa nở ra chết ngộp, người ta để trên mặt đất, miệng la lên nhiều lần:

«Chập chộ mẹ mày chết, con mày sống»

Còn tay thì vỗ dưới đất. Đôi khi, gà vịt chết ngộp nhờ lấy hơi đất mà sống lại.

Trong các dịp cúng kiến nào có làm gà, không bao giờ ăn cặp giò: phải chừa lại để phơi phò, rồi đem treo tòn ten trên gian bếp, đợi thầy bói quẻ rùa đến xem vảy mà đoán vận mạng

cũng như tại quán «Thiên-lộc đạo.viên» hiện nay có treo 2 xâu dài cả trăm thước tây, phía bên hông mặt Lãng Ông tại Bà Chiểu.

Khi bị đòn giông nhà người khác đâm ngang mặt tiền nhà, treo một miếng kiếng soi, hoặc một hình bát quái đang phản chiếu, hình dáng xấu xa.

— Trong thôn quê, thường lấy đất sét nhồi cho nhuyễn đặt đắp 3 Ông Táo, dùng kê trách hoặc chảo lớn hấp bánh ếch và bánh tét. Khi Ông Táo bể, không nên vứt bậy bạ, mà phải đem sắp gần miếu Ông Thổ Thần ngoài vườn. Hỏa lò, cà-ràn, bình vôi cũng thế.

— Xảy bếp núc, cần coi ngày, trong lịch Tàu-

— Ra đi năm ba ngày, cần coi ngày xuất hành. Nếu đi lâu sợ con cháu nhớ mình, lấy một cục sáp nhỏ trét dính lại một chùm tóc của chúng nó.

Về việc coi ngày, có câu ca dao sau đây :

«Mồng năm mười bốn hăm ba,

Trong ba ngày ấy đừng ra khỏi nhà !»

Đồng bào còn nhớ tích xưa của Sơn-Tinh và Thủy-Tinh và tin tưởng rằng . đến ngày mồng ba tháng 10 âm-lịch. thì chắc chắn giông mưa lớn, ít ai dám đi đâu vì :

«Ông tha thì bà không tha,

Đánh nhau một trận mồng ba tháng mười».

và : «Ông tha nhưng bà chẳng tha,

Lại còn mười ba, hăm ba tháng mười».

Vì vậy trong mấy ngày kể trên, nhất là mồng ba tháng mười, tậu và xe hơi dò hay ế ẩm hành khách và rầu thúi ruột.

ĐỊA DANH

Cũng như nhiều tỉnh khác, tên sông, rạch, xóm và ấp thường đặt ra do thổ-sản hoặc lấy tên người đến lập nghiệp trước nhất, hoặc căn cứ vào một vài kỷ-niệm nào đó.

Rồi lâu ngày, theo lối truyền khẩu, địa danh trở nên sai lệch, nhiều khi không còn ý nghĩa gì hết, nhưng ai nấy cũng gọi theo thói quen. Sau đây là vài bằng chứng :

a) Do những người đến ở trước : Xóm Ông Muộn và Ông Tự (xã Phong Lạc) xóm Ông Bích (Xã Khánh Bình) kinh Biện Nhị (xã Khánh Lâm) kinh xáng Đội-Cường (xã Thanh-Phú), kinh xáng Bà Kẹo (xã Phú-Mỹ), xóm Bà Bèo và rạch Nàng âm (xã Tân Hưng) lung Bà Đội Om (xóm Bản Cú), xóm Bà Hình (xã Tân Hưng - Đông), rạch Bà Thanh, Bà Điều, Ông Quyền, Ông Định, Ông Như, Ông Do (quận Năm Căn), xóm ông Trang, xóm Rầy Chệc (xã Viên An) v.v...

b) Do thổ-sản, thú vật và cây cối. Sông Gành Hà xóm Đường Củi, xóm Ô-Rô, Kinh Bạch Ngưu, xóm Đầu Nai (xã Tân-Phú) rạch Muối và Cái Rắn (xã Tân Hưng) rạch Bù Mất và xóm Kiến Vàng (xã Tân-hưng Tây) rạch Vọp (xã Phong Lạc), rạch Chồn (xã Tân An) rạch Dừa Nước và rạch Ông Thầy (Xóm Thủ), xóm và Rạch Đầm - Dơi, Bàu Sen (xã Tân-Duyệt), xóm và rạch Đầm Chim, rạch Kỳ-Đà, Lung Chim và Bộng Kéc (xã Tân Thuận) xóm Nồng Kè và rạch Giồng Kè (xã Tân Lợi) rạch Chà-Là (xã Tân-Hưng Đông) xóm Rạch Rán (xã Khánh Bình-Đông) rạch và xóm Rau Dừa (xã Hưng-Mỹ) rạch Gốc (xã Tân-An), Hòn Khoai, Hòn Đá-Bạc v.v...

c) **Do tục lệ hoặc vài kỷ-niệm.** Kinh 16 (tĩnh - lý), sông Bảy Háp, vịnh La Làng (xóm Bần Cú) vịnh Nước Sỏi (xã Viên-An) v.v...

oOo

THÓ NGỮ

Còn gọi là (tiếng lóng) hoặc địa phương ngữ, chỉ dùng riêng biệt cho một vài vùng nào đó thôi. Cho nên đồng bào ở tỉnh khác, khi có dịp xuống tận thôn quê Cà Mau đều ngạc nhiên không ít khi nghe nhiều tiếng lạ tai.

Dưới đây là một số tiếng lóng mà tôi được biết

— Già né, nẫu : người đó (danh từ miệt thị)

Đi rồi, ngủ rồi : tắt hơi.

Ề mình : muốn đau.

— Vách lựa : vách ván.

Buồng gói : buồng ngủ có đựng đồ quý gói lại.

Nhà vuông : nhà việc làng vì cất vuông vức.

— Ịnh vải : xấp vải.

Giấy quuyến : giấy mỏng để vấn thuốc.

Một dun giấy quuyến : một xấp giấy cắt bề ngang bằng 1 điếu thuốc.

Áo bó : áo túi chật của con gái, bó ngực lại

Khăn xéo : khăn bịt bên cao, bên thấp.

Cây nhím : móc tai giắt trên đầu tóc, mặc dầu không phải bằng lông nhím.

- Túi lá liễu : túi lớn áo bà-ba phía bên hông tay mặt, hình bán nguyệt.
- Hộp rưng : Hộp bằng cây trầm, hình trái soan đựng trầu cau khi đi rừng.
- Ăn ba hột : điếm tâm, ăn rất ít, lấy lệ.
- Một cây rượu : một chai.
- Cái cống : Lon sữa bò, có cán dài để múc dầu, nước mắm.
- Cái ụng : Lu xưa to lớn, miệng trót, để chứa nước, dung tích bằng 2 mái vú.
- Cái tôn : nhạo đựng rượu không có quai.
- Cái phản : bộ ván ngựa, chớ không phải cây phẳng để phát cỏ.
- Cái tợ : bàn ba chân mặt tròn, xây tròn đượ.
- Gàu xà nách : Gàu lớn chằm bằng lá cây cà bấp (đọt) dứa nước.
- Mác mỏ vọ : mác mũi không nhọn.
- Cà lé : mùng nhỏ cho con nít ngủ trên võng
- Cái sĩa : giống như nĩa, nhưng đương có lỗ để phơ chuối hay sấy cau chẻ ra.
- Bánh cà bấp : bánh nếp gói bằng lá cà bấp, cây dứa
- Ông thầy, Ông Hồ. {
Hương quản, Hia Khai. { Con Cọp
- Vịt chàng bè : Vịt trống có lông dầu xanh lông lánh
- Già sói, chó đồng : Chim già đầy, lông ô.

- Xộn, bự : to, lớn.
- Con miều : Con mèo (có lẽ là tiếng «miêu» nói trại)
- Bông phượng : bông búp, bông lồng đèn.
- Dừa búng : dừa trái thật lớn.
- Cau ớt : loại cau nhỏ trái.
- Một hú : khoảng đường ở giữa hai người : người này hú người kia nghe được.
- Dập bã trầu : một nghinh, một chập.
- Tàn điệu thuốc {
Sôi siêu nước { chốc lát, trong giây phút.
- Đi đồng : ra ngoài đồng tiêu tiện.
- Mần ên : làm một mình.
- Gỗ giầy thép : lẹ làng (như đánh điện tín).
- Cầm lái vọt : dùng chèo đặt bát hay cạy, chớ ghe không có bánh lái.
- Một thiên lúa : một trăm gạ, chớ không phải một nghìn gạ.
- Đầu gà đít vịt : con lai, cha Tiều, mẹ Miên.
- Thầy tớ : đầy tớ (nói trại).
- Ninh ông, Ninh bà : đàn ông đàn bà, v.v...

Ở mấy xóm xa xôi, nhiều người nói đớt chữ R ra chữ G như : đi ra là «đi ga», rõ ràng là «gõ gàng» v.v...

Vì thế, ở Bạc Liêu, người ta thường chế diễu dân Cà Mau bằng câu này:

(Lấy cái gỏi, bắt con cá gỏi, bỏ vô cà gòn, đem xuống guồng).

Đến nay, phần đông đồng bào sửa đổi chút ít nhưng đánh lười chưa được đúng chữ R, mà thành ra chữ D : đi da, dồ dàng v.v...

Còn rất nhiều thổ ngữ, lược ra không hết.

oOo

TIẾNG TÀU — TIẾNG PHÁP — TIẾNG MIÊN

Dân nào cũng vậy có dùng tiếng nước ngoài xài thế tiếng nước mình, hoặc vì quen miệng, hoặc muốn loè rằng mình biết tiếng ngoại-quốc. Hoặc vì nước mình không có chữ đó dễ phổ diễn.

Tại tỉnh-ly và mấy nơi có người học chữ Pháp, thì thường nghe nói :

mông be (mon père)	—	ma me (ma mère)
ma phăm (ma femme)	—	moả toa (moi, toi)
cúp tóc (coupe)	—	áo bành tô (paletot)
giày ăn phón (en France)	—	bốc chinh (bottine)
cái son (casserole)	—	cái bù lạch (gargoulette)
cửa phơ nết (fenêtre)	—	banh-công (balcon)
ăn banh (en panne)	—	tà líp (tarif)
ba xí, ba tú	—	parci, partout v.v...

Ở đồng quê, người Việt thường gần gũi người Huế Kiều (nhứt là người Triều-Châu) ở rải rác lập tiệm tạp hóa hoặc giao thiệp với người Miên, ta thường nghe nói :

— **Về Tiếng Tàu** : hia (anh) chể (chị) củ (cậu, dượng) ý (cô dì) lữ, hóa (mầy, tao) ập (thối tiền) xính xái (chút đỉnh) ủ, bó (có, không) tiêu na má (chưởi thề) chia té (uống trà) chia muối (ăn cháo) chia bưng (ăn cơm) bờ xính căn (không hề gì) cái ui ná (giở đựng đồ ăn) bánh chia tuổi (bánh giá hay bánh cống) tùa (lớn) hia khai (con cộp) tào cáo (tùa cáo : chó lớn con) tăng ni (một tuổi với mình) tăng khạo (người quản lý coi điền hay lò than) v.v...

— **Về Tiếng Miên** : Bòn (anh) tàu na (đi đâu ?) xi hai (ăn cơm) bờ hốc (prây-hok : mắu trê) xà rông (cái chăn) cò bư (con trâu) tê (không) ngộp (chết) v.v...

Chúng ta nên canh tân cách nói chuyện, nghĩa là không xen tiếng ngoại quốc vào tiếng Việt nữa, trừ khi nào không có chữ dùng mà diễn tả được như : Thay vì nói (mòng be) thì nói : cha tôi, (ập tiền lại) thì nói : thối tiền lại, (bờ hốc) thì nói : mắu của người Miên.

Bài bỏ túc

HỌC MƯƠN

Sau khi các Thầy đồ xếp bút nghiên và dẹp tất cả rương trap lại, đứng vào lúc cụ Tú Xương đề cập đến thời kỳ : «đi học làm ông Phán» :

«Thôi có ra gì cái chữ Nho,

Ông Nghè, Ông Cống cũng nằm co».

.

thì trẻ em mới vào trường học chữ Quốc ngữ dạng «tối rượu sâm banh sáng sữa bò».

Vào năm 1905, thì đã có trường học tại Cà Mau rồi, lúc ấy gọi là trường tổng, chỉ có hai ông thầy dạy. Nhiều học-trò đã ngồi lớp nhứt (lúc ấy là lớp tư của ban tiểu học bây giờ) đến 3,4 năm và cứ nhai đi nhai lại chương trình cũ. Và cũng nhờ đó, nên nét chữ viết của học trò bao giờ cũng tốt.

Bởi trong Quận chỉ có một trường duy nhất, nên làng nào cũng phải gởi ra chợ một em trai lối 14, 15 tuổi đăng học chừng 3, 4 năm, rồi khi trở về làng sẽ được cử làm biện cho làng, lãnh lương mỗi tháng 4, 5 đồng bạc.

Mấy nhà giàu, không muốn cho con cháu mình bị bắt buộc đi học xa gia đình, (ra tận Cà Mau lúc ấy cho là xa xuôi lắm) bèn mướn con nhà nghèo đi học thay thế. Những ai có bà con ở tại quận-ly thường cho con tình nguyện đi học mướn, vì chỉ đem gạo ăn mỗi tháng, chứ không trả tiền com. Thành, thử

mấy anh học trò ấy, chẳng những khỏi tốn tiền cơm mà lại còn được lãnh tiền học mướn, và ba bốn năm sau trở về làng, được làm biện có đồng lương tháng.

Lần lần, làng này kể xóm kia, mở trường học, thêm mấy thầy giáo làng (Instituteur communal) nên từ năm 1945 về sau, không còn lệ «Học mướn» nữa.

oOo

ĐẢO VỖ

Đôi khi trong mùa ruộng, trời ngưng mưa làm cho mạ hoặc lúa bị thiếu nước, trở nên vàng úa gần chết hay là có xảy ra đại hạn thì trong xóm, đồng bào tổ chức cuộc «Đảo Vỗ» không phải là bơi đua ghe với nhau, mà là tụ tập đông đảo dưới sông, ghe có, xuồng có, bơi tới bơi lui, cả giờ, la rền dậy xóm ấp, la lớn chừng nào tốt chừng ấy, đặt cầu trời mưa xuống cho có nước uống và cứu vãn mạ lúa sắp chết khô.

Đôi khi, bữa sau, hoặc vài giờ sau, nhờ động lòng trời? mưa tuôn xuống như cầm tỉn mà đổ.

Lắm lúc sau khi bơi và la như thế có khi mây trên trời kéo đến đen ngịt, hình như khuyến khích đồng bào hăng hái bơi và la lớn thêm nữa.

Nhiều khi, không mưa giọt nào rơi hết, một luồng gió ác nghiệt thổi tới thỉnh linh đuổi mây về hướng Nam và trời trở lại quang đãng như cũ.

Rồi . . . ngày mai, ngày mốt, bữa kia, dân cư trong xóm vẫn tiếp tục đảo võ hoai, cho đến chừng nào mưa xuống mới chịu thôi.

Ấy là thói dị đoan mà đồng bào ở thôn quê chưa bỏ hẳn được, nhưng đôi khi cũng đem được chút ích lợi cho mùa màng.

oOo

DÁN LIỀN

Sau khi cúng lễ đưa Táo quân về trời, ngày 23 tháng chạp âm-lịch, nhà nào nhà nấy đều chuẩn bị ăn Tết, đàn bà lo bột đường cho sẵn để làm bánh trái : bánh ếch, bánh tét, bánh men, bánh gừng, bánh thửng, bánh bông lan nhất là bánh ổ (bánh ố) còn đàn ông thì lo quét dọn nhà cửa, chùi lư và chàn đèn thau trên bàn thờ. Điều chuẩn bị trước tiên là mua sẵn giấy hồng đào, mượn mấy ông đồ Nho viết liền dán nhà,

Đỏ đen đôi ba ngày Tết,
Mặn lạt năm bảy ngày chay.

Chẳng những dán liền trên cột nhà và bàn thờ, mà còn dán ngoài sân, trên cây cột cắm bàn ông Thiên, ngoài vườn, trên thân mấy cây cau, dừa, mít, ổi cho nó sai trái ? Lại còn cúng Ông Chuông, Bà Chuông bằng bánh tét với đường, rồi cũng dán liền khắp chuồng heo cho heo được được mạnh giỏi và chóng lớn, heo nái đẻ sai con (?).

Mỗi cái lư, mái, đều dán một miếng liền nhỏ lối 5 ph x 5 phân.

Dưới sông trên cột cầu nào cũng dán một miếng liễn chừng vài tấc bề dài. Thậm chí, trước mũi và sau lái mấy chiếc ghe cũng có dán nữa.

Tóm lại, dầu tới nhà giàu hay nghèo đều thấy đồ nhà và đồ vườn.

Sau này không còn thầy đồ viết liễn dùm nữa, nhưng có nhiều người viết mướn tại chợ : Ai muốn viết câu liễn nào hoặc những chữ gì, thì cứ mua giấy đem đến là xong việc lệ làng hoặc là mua những đôi liễn đã viết sẵn.

oOo

NGÀY TẾT Ở NÔNG-THÔN — ĐI CUNG HỈ

Ba ngày Tết ở đồng quê Cà Mau khá rộn rịp, nhứt là đêm giao thừa và ngày mồng một.

Nhà cửa được trang-hoàng tử-tế, ai ai cũng lo cúng kiến Ông Bà long trọng hơn ngày thường.

Đêm giao-thừa, đúng 12 giờ «thường gọi là «giáp canh, giáp cư», nhà nào cũng lo cúng «đầu năm», thường là ở ngoài sân, bằng hoa quả, gà giò luộc và chè xôi.

Sau khi cúng, người ta cắt cặp giò gà đem treo trên giàn bếp, đểng mướn thầy xem vầy đoán vận mạng của mình trong năm mới. Vì vậy trong nhiều nhà bếp còn vài cặp giò gà treo tồn ten nhiều năm và đóng khói đen thui.

Sáng mồng một, trẻ con, giàu cũng như nghèo, đều mặc quần áo mới «làm tuổi» Ông bà, cha mẹ, đểng chúc thọ, rồi được «lì-xì» bằng tiền bạc gói trong giấy đỏ, sau đó mới đi chơi.

Người lớn thì lạy bàn thờ Ông bà, kể đó, khăn đen áo dài sang mấy nhà thân bằng quyến thuộc cũng lạy bàn thờ luôn dịp «cung hỉ», nghĩa là trao cho chủ nhà một miếng thiệp bằng giấy hồng đào xếp tư, cỡ 10 phân x 10 phân, phía trước ghi tên họ mình, phía sau là 4 chữ Nho : Cung chúc tân xuân, với con dấu cây khắc khéo léo.

Chủ nhà được người thân thiết đến chúc Tết và lạy bàn thờ Ông bà mình, phải trả lễ lại : đến nhà những người ấy, nội trong ngày mồng một mà thôi dâng lạy bàn thờ của Ông bà họ, chớ đừng đợi đến mồng 2 hay mồng 3.

Nhiều khi, vì có bà con và người thân thiết đồng đảo, gia chủ phải đi khắp xóm lạy đến cả trăm lạy trong ngày mồng một, đầu gối rã rời, qua hai ngày sau không còn chân cẳng đi đâu nữa.

Ngày nay, tục lệ đi cung-hỉ vẫn còn duy trì ở nông-thôn Cà Mau, nhưng về phần lạy bàn thờ, phần đồng đồng bào đã giảm bớt.

oOo

VẦN CÔNG

Ở nông thôn không ai làm công nhật. Nếu có, thì cũng một vài người mà thôi, không thể hoàn tất được việc lớn như đào giếng, lợp nhà, gặt lúa trên thửa ruộng 5, 7 chực công v.v... trong một hai ngày.

Vì vậy, bà con trong xóm đi «kêu công». Rồi khi công việc đã xong xã, một ngày nọ, mình phải trả công lại : nên gọi là

«Vần công».

Khi bà con đến giúp việc, chủ nhà lo cơm nước cho, tiêm tất, một ngày ba bữa. thường là nước, vì công việc cực nhọc cần các loại thức ăn lâu đói.

Thường là cơm nếp trộn dừa nạo' bánh tét, bánh dừa bánh trôi nước.

Muốn dựng một ngôi nhà, ngoài thợ thầy còn phải đi kêu công thêm. Trong trường hợp này, chủ nhà phải vật heo, để cúng kiến, luôn dịp đãi đãi bà con bằng bữa linh đình.

Tục lệ này rất tốt, vì trong chòm xóm, bà con chẳng những có dịp tỏ tình đoàn kết và tương thân với nhau khi hữu sự, mà lại còn có cái lợi là ít tốn tiền hơn khi mượn người lạ và công việc làm chưa chắc được mỹ-mãn.

Hiện nay, tục lệ này vẫn còn tồn tại, và ai cũng hoan nghênh, khi có người trong xóm đến kêu vần công.

oOo

THẦY PHÁP CHỮA BỆNH

Nhiều ấp xa xôi chưa có trạm y-tế. Vì vậy khi đau ốm, đồng bào chỉ nhờ thầy lang chần mạch dùng thuốc Nam hoặc phải đi xuống 5, 10 cây số đến tiệm bỏ thuốc Bắc về sắc uống.

Ít khi gặp thầy giỏi coi mạch ra toa trúng căn bệnh nên miền nê-địa Cà Mau còn nhiều người bệnh hoạn.

Đồng bào hay tin dị đoan : mỗi khi đau thì cho rằng bị ma quỷ phá hoặc Ông Bà khuất mắt quả cần rước Thầy pháp đến chữa bệnh, hoặc bà bóng đến cúng rỗi.

Thầy Pháp lập trận đề con bệnh nằm trên giường chung quanh treo cờ xí đủ màu, nhang đèn đốt lên sáng trưng. Tay mặt thầy cầm một cây gươm bén có cột lục lạc khua nghe rồn rồn, tay trái cầm một miếng vải trắng dài mặt vẽ rằn rì coi dữ tợn, miệng la hét om sòm và đọc thần chú liên miên đặng đuổi tà ma, hoặc yêu cầu Ông Bà khuất mắt tha thứ cho thân chủ mình khỏi cơn bạo bệnh, rồi sẽ vật heo tạ ơn thánh thần. Trong khi đó đệ tử của thầy đánh trống lung tung.

Có khi thầy pháp dùng chén đĩa đề trong thúng xóc lên xóc xuống, hoặc khua dao mác leng keng, khiến ai yếu bóng vía phải rớn óc rùng mình

Sau rồi, con bệnh phải đeo bùa hoặc niệt đặng ếm tà ma, nhiều khi bị chết một cách oan uổng, vì không chịu uống thuốc mà trị bệnh.

Mong sao nền y-lẽ hương thôn được mở mang thêm đề dị đoan mê tín không tai hại cho đồng bào nữa.

oOo

ĐOÁN CON NƯỚC

Trước đây chỉ một số rất ít đồng bào sắm đồng hồ để xem giờ khắc: một là đắt tiền, hai là khi hư, phải ra tận Cà Mau mới có thợ sửa, nhưng chẳng bao lâu, lại hư nữa. Thành thử đồng hồ không cần thiết cho lắm.

Trong mùa hạn, khi trời trong, họ ngó mặt trời, rồi đoán

giờ không sai cho mấy. Còn đoán con nước thì họ lại còn tài tình hơn.

Họ lần mấy ngón tay mà tính ngày, rồi nói trúng phong phóc : khi nào nước lớn, lúc nào nước ròng, chỉ sai chạy 5, 10 phút là cùng.

Họ thuộc lòng những con nước trong tháng, nước kém, nước ròng, nước đứng, nước lớn đầy mà, nước ròng ương v.v...

Bằng chứng là câu vè, câu ca dao sau đây :

«Mồng mười nước chảy,
17 nước ròng».

hoặc :

«Bim bíp kêu nước lớn anh ôi !
Mua bán chẳng lời, chèo chống mỗi mê».

hay là :

«Sông sâu nước chảy, mồng 7 kém rồi,
Tảo tần chi cho lắm, cái nôi cũng ra ơ».

oOo

CHÚ Ý. Mấy câu ca dao kể trong chương này, đều thường nghe đàn bà ru con, hoặc con gái hát ê-a đưa em, kèn kẹt trên võng, mà nhà nào cũng có 1 hay 2 cái, nhứt là ở Cái Rắn, Trèm Trèm và Ông Trang.

KẾT LUẬN

Chúng tôi xin tạm tổng kết.

Tỉnh AN-XUYỀN về địa thế chiếm được vị trí rất thuận tiện; hai phía ngó ra biển cả, hai mặt giáp với đồng ruộng bao la và rừng cấm dày đặc.

Về chánh trị, dân số không được đông đảo, nhưng tánh tình hiền hậu và làm ăn chất phác.

Về phương diện kinh tế, thì nông ngư nghiệp phồn thịnh, ruộng đất phì nhiêu cò bay thẳng cánh, rừng cấm rất nhiều cây cối và lâm-sản khác, mé và biển dài giàu hải sản. Còn sông rạch và kinh xáng khắp tỉnh làm khiến thuận tiện đường giao thông, nguồn thủy lợi được dồi dào.



Đường rộn dịp nhất Tỉnh Mỹ

Công nghệ và kỹ nghệ còn trong vòng phôi thai nhưng cũng tạm đủ.

AN-XUYỀN là tỉnh mới thành lập trong lúc nước nhà gặp cơn khói lửa nên cần kiến thiết thêm nữa, chúng tôi định ninh rằng : Sau ngày hòa bình vẫn hồi lối 5,7 năm, An-Xuyên sẽ vượt qua nhiều tỉnh miền Tây về mọi phương-diện.

Như vậy tương lai tỉnh AN-XUYỀN đầy hứa hẹn, đồng bào trong tỉnh ước mong ngày huy-hoàng ấy sớm đến.

Và chúng tôi xin kết thúc quyển sách này bằng hai bài thơ thất ngôn đặng so sánh tình trạng Quận CÀ-MAU xưa kia và tỉnh AN-XUYỀN hiện nay :

BÀI SỐ I

CÀ-MAU lúc trước thấy mà ghê !

Ai muốn làm ăn, đến, phải về .

Dưới nước đỉa lền, sấu lենh-nghehnh,

Trên bờ cọp rống, muỗi vo-ve.

Thị-thành lụp-xụp, nhà thưa thớt,

Đường sá bùn sinh, bệnh rét tê.

Vẫn biết quận này là địa-lợi,

Nhìn trông cảnh-khí hết ham-mê.

BÀI SỐ II

*AN-XUYỀN nay khác mấy năm trên,
Một tỉnh phồn-hoa đã nổi tên,
Đường sá dọc-ngang cùng bốn mặt,
Lâu đài đồ-sộ cả hai bên.
Phố phường tấp-nập người lui tới,
Sóng rạch tung-birng kẻ xuống lên.
Sản-vật thôn-quê la-liệt đủ...
Ăn làm náo-nức, tiếng tăm rền.*



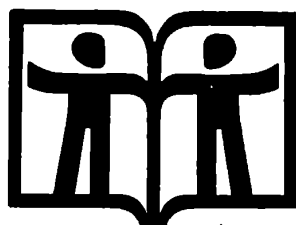
HUY-HIỆU NĂM QUỐC-TẾ PHÁT-TRIỂN SÁCH 1972

Huy hiệu này do Ông Michel Olyff, người Bỉ, minh-họa cho Unesco, trong chương-trình hoạt-động của Hội-đồng Quốc-tế các Hiệp-hội Minh-họa (ICOGRAĐA).

Hai cánh tay liên-kết tượng-trưng việc sử-dụng sách vở phát-triển tinh-thần hợp-tác quốc-tế ; hình hai người đứng thẳng diễn-lả vai trò quan-trọng của sách vở trong việc phát-triển quốc-gia.



Giá: 500\$



NĂM QUỐC-TẾ PHÁT-TRIỂN SẠCH 1972

In tại nhà in NAM - TRUNG - BẮC
134 Lý Thái Tồ, SAIGON

PT